



Tuyển - tập
Những cây bút trẻ



TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỚNG NGHĨ-THUẬT

NĂM THỨ NĂM • SỐ 114 • RA NGÀY 15 THÁNG 9 • NĂM 1963

Đọc trong số này :

● NHỮNG CÂY BỤT THẺ :

2. Giọt nắng buồn (thơ)
3. Một lối tiện lợi (truyện)
11. Chiếc thẻ bài của anh Oánh (truyện)
20. Nhật ký hành quân
31. Tù biệt Huế (thơ)
33. Con đồng khô (truyện)
42. Một bông hồng cho ngày kỷ niệm (thơ)
45. Tuổi đồng quê (truyện)
55. Lời nói buổi học cuối cùng ở Hương-cần (thơ)
57. Đồng đưa kỷ niệm (truyện)
74. Lên cao (thơ)
75. Kín lối (truyện)
83. Lối dẫn đến bãi (truyện)

Phan Tuyết Tân
Văn Lệ Tiên
Nguyễn Lan Viên
Trần Hoài Thư
Mường Mên
Hồ Minh Sơn
Cao Thuyết Châu
Yên Ny

Phạm Tròn Nguyễn
Nguyễn Lệ Uyên
Hà Nguyễn Thạch
Chu Nguyễn Võ
Lương Tấn Sĩ

● MỤC THƯỜNG-XUYEN :

99. Con sấu (truyện dài)
101. Tin Vạn Văn

Dương Nghiễm Mậu
Thu-Trung và các bạn

● THANH BỬU : "CHO NGÀY KỶ NIỆM" của Nguyễn Tường



Tòa-soạn và Trị-sự : 38 Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn, Đ.T. : 23 195

Tập-san xuất-bản do nghị-dịnh số 44/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

- Chủ-pân, biên-phiên, để tên ông Nguyễn-dinh Vương (chủ-nhiệm)
- ★ Thư-tà, lần-lưu, ấn-phẩm đã tên ở Trần Phong-Giáo (thư-lý tòa-sạn)
- Giao - thiệp - truy - tiếp ông Già - Tuấn (phụ - tá thư-lý tòa-sạn)
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN quản-lý : Nguyễn-dinh Vương



Với sự góp mặt của gần mười cây bút viết truyện trẻ trung, cứng cáp, tuyên tập này đã mang theo, ngoài niềm vui của anh em trong tòa soạn VĂN, một sự tin cậy và trông đợi: tin cậy ở những người mình đã đặt lòng tin, và trông đợi những người đó sẽ còn đi xa trong tương lai.

Nhưng vẫn có điều đáng tiếc: tiếc sự kém đông đảo của những nhà thơ trẻ, — những cây bút đã không ngừng đóng góp phần trang điểm cho VĂN trong mấy năm qua, đã đạt được sự tin cậy không những của tòa soạn VĂN mà còn cả của số đông bạn đọc khắp nơi...

Trong tương lai, chúng tôi hy vọng VĂN sẽ là nơi họp mặt của những cây bút trẻ ngày càng đông đảo hơn, tập nập hơn, mạnh mẽ hơn...

Nguyệt - san VĂN - UYÊN số 3 đã giới thiệu MÊ HỒN CA, thi phẩm thứ nhất của ĐÌNH HÙNG. Số 4 sẽ giới thiệu SINH NHẬT, tập truyện chọn lọc của NGUYỄN-XUÂN HOÀNG.

TÂN - VĂN số 4 đã được phát hành, và tuy gặp nhiều khó khăn về ấn loát, số 5 cũng đã được chuẩn bị ấn hành.

VĂN số sau sẽ là một tuyển tập thơ văn, quy tụ những sáng tác mới nhất của một số tác giả đang được bạn đọc hâm mộ...



Hoài Tuyết Trang

Giọt nắng buồn

tôi còn lạc nẻo mù sương
trên vai bé bỏng nỗi buồn mênh mông
ngửa trông trời đất vô cùng
tháng năm vàng vố nghe chùng bước đi
mai về cuối bãi năm se
nửa đêm mưa tạt bốn bề miên man
lòng son không vợi nỗi hàn
điều hiu lá rụng giọt vàng xuống thu.

Văn Lệ Thiên

Một lối tiện lợi

NGỰ ĐẾN NGỒI BÊN TRÁI TÔI, CHỊ KÍN ĐÁO ngó xuống hai gối mình, vuốt nhanh mấy sợi tóc phủ trước trán rồi mới cầm đũa. Bà cụ bưng cây đèn lớn từ nhà trên đem đặt lên tủ ăn. Độ này điện hay cúp bất thường nên phải phòng hờ. Tiền đang xóc đũa lọc xóc, thấy vậy la lên :

— Cụ lo xa quá, chắc chỉ điện tắt mà cụ lo.

Phàm trừng mắt :

— Lo thì sao. Mà chọn gì trong bó đũa dữ vậy, ồn ào.

— Tìm hai chiếc đồng nhau, ăn đũa so le xóc hông, — nó cau mặt — đùa tí, gì mà ồn ào bà.

— Mà đùa với cụ hử ? Phàm sừng sộ.

Viết bưng chén xới xới cho cơm rời, la :

— Thôi giảng hòa đi. Mời anh Trạng, mời quý vị.

Bà cụ ra ngoài, Tiền thấy, kêu đón :

— O, cụ không dùng cơm luôn.

— Tối tao ăn sau. Mời làm miếng bánh lúc xế, giờ còn nằm trên cõ.

Chị Ngự nói :

— Lâu lâu lại nghe bảo thức ăn nằm nơi cổ. Bánh chặn cổ mà cụ thử được.

— Có lý chứ. Miếng bánh chỉ kệt dính một nửa thực quản thôi, bên nửa còn lại trống tha hồ thử — Tiền nói xong cười hích hích.

Cái bàn rộng bằng hai chiếc mâm, vừa dùng làm bàn vừa làm mâm. Chân nó quá thấp nên người ngồi thật khó tìm một lối ngồi thích hợp. Lần đầu ăn chung với tập đoàn này, tôi cố tạo cho mình một tư thế vững vàng, đầy sự ngượng ngập đi xa, để khỏi mất mặt. Dù gì mình cũng là phái mạnh. Lại nữa là lính, lính tráng yếu chúng cười vào mũi. Tôi cẩn thận lừa cơm, cẩn thận gắp cá, và từ tốn múc canh chua. Tiền vẫn giữ tính làm rộn của nó :

— Ngày nay có mấy người để chị Phàm ?

Phàm giả lơ, chăm chăm ăn, dù hai người ngồi gần, tay muốn thúc vào hông nhau.

— Mùa lạnh thiên hạ gieo giống, để mùa nóng gặt. Bây giờ còn là mùa nóng — Tiền gật gù như ngẫm nghĩ, rồi thêm — trách gì thấy chị Phàm làm phờ người ra.

Viết xì :

— Tiên sư, bà dốt. Sắp tháng chín mà kêu mùa nóng. Trời xụi xịt muốn trút nước đến nơi kia.

Chị Ngự ăn uống chậm rãi, không chú ý đến bọn nhỏ.

— Mùa mưa lính khổ lắm anh Trạng hỉ — Viết hỏi.

Tôi ậm ừ :

— Khổ, thường bị ướt.

Tiền bắt bẻ :

— Như anh ai nói không được. Khổ là khổ làm sao chứ. Khổ thường bị ướt, dở quá, hỉ !

Hai đứa, Tiền và Viết, xòa ra cười. Tôi cũng cười.

— Khổ lắm, nhưng thấy không có gì đáng nói. Ai cũng khổ cả. Như mọi người cùng túng đói bởi lương quá ít, mà mấy ai kêu than. Họ sao mình vậy.

Tôi lừa miếng cơm chót chén thứ ba xong đứng dậy, ch Ngự khẽ hỏi :

— Thôi à.

— Thôi.

— Anh mắc cỡ hả — Viết gheo.

Tôi nheo một mắt, làm như nguýt. Mấy đứa nhỏ dễ làm người ta mất bình tĩnh.

Xong bữa, trừ bà cụ, mọi người dời lên nhà giữa.

Phan đem ra cho tôi hai tờ nhật báo, và tập truyện. Ngự mang chiếc xách đồ bày giữa nhà để làm thêm một ít, theo thói quen trước khi ngủ. Chị soạn vung vãi những dao kéo, bột hồ, cùng từng xấp giấy báo lấy từ những tạp chí cũ của Mỹ. Chị cắt, xếp, dán rất nhanh được hàng loạt túi vừa nhỏ vừa lớn. Túi dùng chứa nhiều món tạp nhạp tại mấy sạp hàng lẻ ngoài chợ.

Phạm kể hôm nay trực nhưng rất nhàn, chẳng có bà thân chủ nào lê tới làm rộn. Chắc hẳn nhằm ngày xấu nên thiên hạ không thêm đề. Nghề nào cũng lúc khờ lúc sợ. Có hôm từ sáng đến tối làm bù đầu, chẳng rồi để dùng cơm nữa. Một lúc đến ba bà sinh, năm bà chuyển bụng, và hàng tá đang thập thò đợi thăm thai. Tôi biết Phạm có mấy cô bạn đồng nghiệp khá xinh, tôi hỏi:

— Trông bà con sinh nở khốn khổ như vậy, quý vị chắc ngán vụ lấy chồng?

Phạm nhin mũi mấy cái liền, nhún vai:

— Sao lại ngán.

Như để nghĩ chín chắn Phạm không tiếp ngay, tôi thích thú chờ.

— Ai cũng rõ chuyện đấy, nhưng rõ chỉ đề mà biết rồi lo tí tí thôi. Nếu sợ thì nay dám không còn người đề... đề đáp ứng nhu cầu chiến tranh.

Tôi cười cười. Phạm bạo dạn và ranh mãnh. Không hiểu do bản tính hay ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Bữa trước Phạm hỏi tôi:

— Tháng rồi về phép anh bắt cái vợ chưa?

Tôi lắc đầu. Phạm tỏ ý không tin.

— Tôi nghi sẽ phải lấy vợ miền này quá — Tôi vờ nói với giọng nghiêm trang.

— Có triệu chứng gì chưa mà nghi đấy? Nhưng anh đùa, sức mấy mà chê gái quê mình. Trâu ta ăn cỏ...

Mẹ tôi vẫn thường nhắc nhở về chuyện này. Mẹ nói vụ vợ con đề trong nhà mẹ liệu cho. Hễ mây ừ là khi về có sẵn vợ mà dùng. Đừng lấy gái xứ người — không hiểu vì sao mẹ chú trọng chuyện ấy. Mẹ bảo, sống phải biết tùy thời, mẹ ngại tôi chần chừ gia tộc sẽ tuyệt tự. Con một như sao treo bằng chỉ mảnh, dễ đứt dễ rơi. Mẹ làm như chuyện mua bán không bằng, thích lúc nào tậu ngay lúc đó.

Phạm bảo :

— Anh cũng chẳng lo gì, trai tráng sừng, không sợ muộn. Cực thân đàn bà con gái. Như bà Ngự bây giờ, hăm thi ế ằm ngó mà ngán... nay đến nước cũng chắc heo mà lấy.

— Cô bi thảm hóa vấn đề.

— Thêm bi quan. Tính toán thực tế đấy chứ. Nay, bấm đốt tay làm con tính nhỏ thì biết. Các ông thi nhau ngỏm...

Tôi kêu :

— A ! Phải rồi, con trai cũng có cái lo lớn đó chứ, lo ngỏm.

Im một lúc, Phạm nói :

— Nghĩ thật kỳ, sao lại cần đàn ông đến như vậy hỉ. Sống son son một thân không nổi, không kham.

Rồi tán phét :

— Thời trước, thiên hạ nói, có vùng nọ toàn đàn bà ở một nơi rất cách biệt với các xã hội loài người khác. Họ cũng tổ chức qui củ, có vua quan thần dân đảng hoàng. Họ sống với nhau độc lập tự chủ như thế được khá lâu. Nhưng bỗng một ngày có lẽ một ngày giông bão mưa to gió lớn, vị vua không phải là đàn ông ấy ra lệnh cho đám thuộc hạ rằng trong vòng bảy ngày phải tìm cho vua một tên phái mạnh. Quá hạn không có sẽ lãnh tội mất đầu. Lần lượt ra đi từng người. Nhưng rồi lần lượt những kẻ đó được xem như mất tích. Chẳng rõ chúng bị lạc đường, chết theo bầy bụi. Hay tìm không được, sợ, nên trốn. Hoặc giả, các y thị tìm thấy mà lười mang về vua, để riêng một mình khai thác. Chỉ biết sau đó vương quốc cạn người, Nữ hoàng buồn võ vàng rồi tịch. Tóm tắt, thì đàn bà sau trước cũng giống u mê, bụng luôn thích đời bị trị.

Chị Ngự làm có vẻ không chăm lắm nhưng đều đặn. Tròn Ngự ngồi có cái dáng cần cù nhẫn nhục. Chị đã ngồi như thế trong bao năm với sạp tạp hóa ngoài chợ. Hồi mới quen Hiến

một lần tôi thấy ảnh chị Ngự trong ví nó. Tôi tưởng bảy ngổ là bồ nó. Chị Ngự đẹp nhất nhà, chị trẻ, dáng điệu quý phái. Thấy thật không hợp chút nào với số tuổi lớn lao mà chị phải mang. Thằng Hiếu thương chị nhất. Bởi chị làm có tiền.

Hiếu thân tôi trong những ngày còn ở quân trường. Sau ra tôi được đòi về quê nó, nhưng nó thì lại theo một đơn vị ở xa, quá xa nếu phải về thăm nhà theo đường bộ. Con đường bị cắt đứt từng đoạn, như sợi cao-su răng cưa chẳng chít, tưởng không xài được nữa. Ba năm Hiếu chỉ về được một lần bảy ngày. Mỗi lần tôi ghé thăm, bà cụ lại nhớ Hiếu, và buồn. Sau đó tôi đi. Bà khóc. Bà cụ nói nhà đông người nhưng thật ra thì bên trong trống rỗng. Nếu chị Ngự không muợn màng chị đã theo chồng con từ lâu, chỉ còn mỗi một Viết. Chị em Phạm thì sống tùy ý thích, khi buồn hai đứa lại kéo nhau về nhà ở với mẹ. Bà cụ nhận xét lũ con gái chúng nó chỉ tạo nên một sự nhộn nhịp vui vẻ từng đợt. Có lúc thì âm ỉ vang vầy, nhưng sau đó vắng ngắt, buồn lạnh. Nhà thiếu bóng đàn ông. Tôi nghĩ, chắc là đúng. Đàn bà con gái sống với nhau có lẽ khó tìm được sự thương mến thân mật thật tình. Ngày mới quen, một lần Phạm dịu giọng nói với tôi :

— Bà cụ em ruột mẹ Phạm. Tụi con Ngự là em, vai em, nhưng chúng ưà làm cha lắm đấy nghe.

Tôi không hiểu ưà làm cha ra sao, tôi vẫn gật tỏ rằng đây hiểu. Tôi thừa rõ nếu chẳng cần nhờ vả thì chắc Phạm không trọ bên dì.

Nhà Phạm trước ở làng quê, cách với tỉnh lỵ. Thời này nằm ngay trong ruột phố may ra, chứ có gần chẳng nữa cũng vẫn dễ ngại. Làng quê gần thành phố, hay làng xa thành phố, cũng là làng quê. Nơi chứa sẵn ít nhiều khuấy động, bất an. Nay sợ giặc, còn trước kia thời mới xáo trộn thì sợ lũ độc mồm. Người mạnh khỏe rục rịch đi hết, nên những đứa chức phận chút đỉnh còn rúc lại được dịp lên chân. Có những đứa lên đến nỗi dám bỏ lão, đàn bà, con nít nằm lại đã kiêng dè chúng còn hơn kiêng giặc núi. Làng xa quận nửa ngày đường bộ, cộng thêm rừng cây, truông cát cùng sự ngu dốt của đám dân. Nên chỉ những giấy tờ muốn xin được mau phải nộp tiền, tiền trăm hay ngàn, gọi là lộ phí trả công quý ngài chức việc. Công đập xe đi làm giấy cho. Thư người xa gởi về có thể sẽ không được nhận một cách bình thường, nếu trước đã làm các vị mịch lòng. Ai có con đi lính quốc gia được

nề một ít. Nhưng thành phần ấy cũng chịu phép lắm. Bởi ngại là nếu sau gặp buổi mặt con tử trận thì vẫn còn có thể sống yên được. Quyền thế ấy muốn giam nhốt thiên hạ lúc nào tùy hứng. Ai mở mồm lớn hơn người khác thì kẻ ấy chính là địch nằm vùng. Cách thế yên thân, là im lặng dọn đi, bỏ nhà, dời lên phố trú ngụ. Phàm sợ một hôm nào sẽ bị gán ghép chức vụ này nọ, đại loại nữ giao liên, hay ráp tâm dụng kế mỹ nhân phá hoại. Nên giục mẹ đùm túm đi trước. Với lại, lên đây gần sở làm.

Trầm ngâm vài phút, Phàm lại nói về Ngự. Nói theo giọng tâm sự, nhỏ :

— Quanh năm lết ở chợ mòn dít. Sắp-ba-mươi đến nơi chẳng ai chịu khó rước cho xong.

Nhiều ngày tôi đã nghĩ mông lung về cái sắp-ba-mươi của Ngự. Ngự thật ít nói. Hay phải nói quá nhiều với đám đông hỗn độn từ sáng tới xẩm, rồi về chị không còn thích nói nữa. Ngự có nụ cười thật đẹp, nhưng Ngự không mấy khi cười. Hay là cái sắp-ba-mươi đã khiến Ngự chẳng thể nào vui được.

Tiền rủ Phàm ra quán. Nhường chị đi trước, Tiền lùi lại tới rí tai tôi :

— Có một chuyện đại bí mật.

Nó liếc chừng chị Ngự, cấu xéo tai tôi một cái :

— Muốn đây tiết lộ không.

Tôi ngờ vực, sợ mắc lừa, Tiền nhắm tít một mắt, cái miệng đẹp của nó chun lại nghịch ngợm.

— Đây, mấy tháng vừa rồi ông lính không ghé thăm con. Viết nó nhớ, nhớ muốn phát đau. Báo hại phải nghỉ học gần tháng.

Tôi nạt :

— Xuyt. Đa sự, bậy !

Cô nàng vụt chạy và cười đắc chí.

Đêm mai giờ này không rõ mình sẽ nằm ở đâu. Trên một ngọn đồi không cây, cỏ tranh phủ mịt, cuộn áo mưa lạnh ngủ đất. Hay trong một ngôi nhà sụp đổ nào của những xóm làng bỏ hoang. Hai ngày nghỉ qua lệ không ngoài theo kịp. Trọn ngày ngủ yên trí chẳng ngại bị đánh thức bất thần, vì chó sủa, vì súng nổ, vì di chuyển. Đêm được quyền cởi bỏ đồ ngoài, chỉ mặc quần cộc áo thun. Nằm ngủ mà tai còn mơ hồ nghe tiếng máy hát nhà bên cạnh, tiếng chiếc đồng hồ bàn gõ nhẹ và đều, bầy ngỗng

sau chuồng kêu bắt chột. Những thứ ấy tầm thường quá mà lâu lắm mình mới được gần.

Tay chị Ngự đưa lên đưa xuống, chồng bao giấy thành hình được xếp ngay ngắn cạnh lon hồ. Tôi sung sướng được sống những ngày thanh nhàn nơi đây. Bà cụ thương tôi như thương Hiếu. Hôm tháng Giêng sau lần đụng giặc dữ nơi làng nhỏ sát nách tỉnh lỵ, chúng tôi được nghỉ một ngày. Bà cụ sai chị Ngự ra thăm xem tôi yên lành không. Ngự đi xe đạp, đem thêm mấy phong bánh với bốn tập truyện. Gặp tôi Ngự mừng rỡ nhưng hơi lúng túng. Lũ bạn đồng đảo của tôi lấp ló đằng sau làm chị nhát nói. Tôi cảm động, lần đầu tôi thấy Ngự ngượng ngịu. Tay mân mê bọc giấy làm như sợ mấy sợi cao-su bong mất, chị thường phải quay nhìn nơi khác. Trưa đó, dù chị từ chối tôi cũng kéo được vào một ngôi nhà gần đó, bắt chị ăn một bữa cơm lành. Lũ anh em tỏ ý nghi ngờ, Ngự không có vẻ gì là chị tôi cả.

Bà cụ xem tôi như người nhà. Cụ thổ lộ, không hiểu đường tình duyên của Ngự ra sao mà gian nan bạc bẽo vậy. Từ mới lớn đến giờ cũng có vài nơi đánh tiếng, nhưng tất cả bất thành. Con nhỏ lạ, nó không chịu ai hết. Nồi ngu độn, còn nằm chờ chị nữa. Từ ấy, đã mười năm hơn. Hay do ở cái tuổi dần nó trót đa mang. Sách chép đàn bà tuổi dần cao số. Kỳ tháng Chạp có người muốn thăm dò con Viêt. Nhưng đâu được, để nó học. Với tiện thể chờ chị nó thêm ít lâu — Mười năm nay. Mười năm. Một thời gian đủ để người ta thực hiện được vài chương trình thuộc phạm vi quốc gia, qui mô dài hạn. Bao nhiêu dâu bể. Từng ấy ngày đủ để những nhà cách mạng có thể hoàn thành nghiệp cả. Nhưng, cũng số tháng năm đó đã không đem lại cho Ngự được một tấm chồng.

Chị em Phạm mang về bốn ly chè đá. Chị Ngự kêu còn no. Tôi cũng lắc đầu. Nhưng Phạm đã kéo tay tôi ra, nhét ly chè vào, ép buộc. Tôi kêu ép dầu ép mỡ ai nỡ ép chè. Tôi không cầm ly chè, mà bóp nhẹ tay Phạm. Mấy ngón tay thon và xinh. Tiền thì bỏ nhỏ :

— Ăn đi nào, chờ người ta dứt từng muỗng sao... Ờ, mà có làm vậy cho nhau cũng chờ lúc vắng người đã chứ.

Điện phụt tắt. Tiền kêu ồ thích thú. Phạm xuống mời đèn dầu xong bỏ đi ngủ. Chị Ngự dời lại gần tôi hơn, gần ánh đèn, làm li tiếp tục công việc. Tôi ngắm chiếc áo cánh trắng điểm rải rác những hoa nhỏ xanh nhạt, cái gáy trắng nhơn nhợt màu đèn, mấy

sợi tóc đi lạc. Bất thần Ngự ngừng lên, bắt gặp hai mắt tôi. Ngự cúi mặt ngay, và chớp mắt.

— Khuya rồi, ngủ chứ Ngự — Tôi nói, giọng dại đi, mơ hồ.

— Ngự không buồn ngủ.

Tôi nhớ, cũng câu đó nhưng nếu là trước kia thì Ngự sẽ nói « Tôi không buồn ngủ ». Ngự thu dọn đồ lại một góc. Tôi vặn thật nhỏ ngọn đèn, rồi ra ngoài, xuống sân. Tôi nghe tiếng chân Ngự nhẹ nhàng về hướng lu nước. Nhanh hơn, tôi tới giật lấy chiếc gáo, đem móc lên cao. Không hiểu Ngự loay hoay thế nào, nhưng sau đó thì bị tôi ôm được vai. Ngự run lên trong bóng tối. Ngự run quá làm tôi lúng túng. Tôi chợt nhớ nụ cười thật đẹp của Ngự lúc ban ngày. Vội vàng tôi hôn lên nơi làm ra nụ cười đó.

Một tay vòng sau lưng tôi, bầu chặt bên hông phải, Ngự nói như hơi thở :

— Chúng nó sẽ cười anh... anh Trạng.

Nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới chuyện cười chê, mà lại chợt thoáng nhớ đến mẹ tôi ở nhà. Và nghĩ rằng tối mai chắc mình chưa phải ngủ trên núi hay ngoài làng quê. Tôi sẽ còn ở đây, còn ở lại nơi bình yên này vài hôm nữa.

VĂN LỆ THIÊN

Văn Lệ Thiên là một trong số những bạn trẻ đã tìm đến Văn ngay từ những số đầu, với những sáng tác đầu tay.

Hiện đang là lính tác chiến, miền núi rừng biên giới Việt-Lào.

Cơ-sở Văn sẽ giới thiệu, vào một dịp thuận tiện gần đây, tập truyện thứ nhất của Lê Văn Thiện...

Nguyễn Lăn Viên

Chiếc thẻ bài của anh Oánh

TÔI GẶP CHỊ BẤT NGỜ QUÁ NÊN KHÔNG CÓ được một giây phút để ngạc nhiên. Trong thâm tâm tôi vẫn mong và nghĩ rằng được gặp lại chị một lần nhưng mà ở một nơi xa xôi nào khác chứ không phải ở đây, thế giới gần như riêng biệt của đàn ông. Chị thấy tôi mất hẳn nét thư sinh cũng như tôi nhận ra những nếp nhăn trên má chị. Bao nhiêu ngày tháng cũ đã đi qua, tôi muốn lãng quên như một loài ốc ngủ vùi dưới lớp đất sâu suốt mùa nắng cháy miền Nam. Nhưng bây giờ chị là đám mưa tầm tã đầu mùa trút nước xuống ruộng khô nứt nẻ, nước ngấm vào lòng đất đánh thức cho ốc tỉnh ngủ vươn lên.

Phải rồi làm sao tôi quên được những ngày ở trọ nhà Hồng. Căn gác hẹp nhìn xuống con lạch nhỏ mỗi ngày thường có hai lượt nước đầy. Buổi chiều sương lam giăng mắc trên hàng cây xa bên kia và mặt sông nổi bật lên như một mái tôn trắng. Tôi thường thăm dò dòng sông để hy vọng thấy được một ống khói tàu và nghe tiếng còi rúc đầu đây, như lời mời gọi của những bến nước xa xôi, nhưng mặt sông vẫn phẳng lặng u buồn thỉnh thoảng được điểm thêm vài con vịt lạc đàn ngo ngoác.

điện âm i kéo lê trên những đường phố vắng. Buổi sáng tôi vượt qua chiếc cầu sắt cũ kỹ đến trường học và buổi chiều đi đò, sang sông để dạy. Lũ trò nhỏ thường vòng tay ngủ ngoan trong lớp, tôi yêu những mái tóc ngày thơ vô tội song giảng cho chúng hiểu bài phải thật khổ công. Nhưng không phải điều đó khiến tôi bận tâm, chính Liễu đã làm cho tôi ngần ngại mỗi lượt sang đò. Bến đìu hiu vắng vẻ vào buổi trưa, Liễu ngồi sau chiếc bàn gỗ cũ thu tiền trễ biếng lác lõng nên bất chợt thấy tôi như một niềm vui và tôi mang mặc cảm là trò đùa để cho nàng khỏi ngủ gật. Liễu giữ tôi ở lại bằng cách khóa chặt xe đạp vào chiếc cột mắc võng.

— Quê ngoại Liễu ở Mỹ-tho, khu vườn rậm mát những mận, những mít. Nhiều buổi trưa Liễu ra ngồi trước mộ ông nhìn lá rơi nước chảy rồi bật khóc lúc nào chẳng hay, hình như Liễu bị chiếm đoạt bởi một tiếng gọi xa xôi nào, đôi lúc dường có ai nhắc tên sau lưng. Liễu sợ cả bước chân của mình thường nhìn lui sau lối đi vắng vẻ. Tại Liễu không có anh chị, ba má ly thân khi Liễu vừa lên tám, không thể quên được vết bầm tím thật to trên sống mũi má sau một cuộc xô xát. Má bỗng em Lan đi, bỏ Liễu ở lại với ba. Những tháng ngày dài đằng đẳng ba thường ngồi một mình trước hiên nhà cạnh chậu mai mọc đầy cỏ dại, Liễu không dám quấy rầy mặc dầu thương ba nhớ má. Nước mắt và nỗi cô đơn. Liễu biết đã làm anh giận anh phiền và ghét Liễu, chỉ vì Liễu muốn được là em gái của anh để nhận sự che chở vỗ về...

Cầu đò tụt xuống thấp ngập nước vì chiếc thùng sắt rỗng neo dưới gầm cầu bị thủng. Gió lùa những cọng lá khô đét trên mái xuống, bọn trẻ tắm sông đùa nghịch bị bồm. Tôi còn gì để cho Liễu ngoài hai lượt đi về lăm li tàn nhẫn. Trí khôn như cùn mòn hẳn đi, tôi tự rút gọn đề thủ thế với Hồng. Bắt đầu bằng buổi chiều giải hộ Hồng bài toán hay một đêm uống rượu say mềm Hồng treo lên gác mắc mùng cho ngủ. Tôi không chịu nổi ánh mắt của Hồng, từ dạo lớn khôn tôi không còn mẹ, để nhận tia nhìn thương yêu triu mến. Chẳng biết mắt Hồng có giống mắt mẹ tôi không, mỗi lượt Hồng nhìn tôi thường cúi đầu tránh né. Hồng đã đan tay tôi với nàng trông buổi chiều đó và để lại dấu cắn trên má tôi khi sáng ra tỉnh rượu. Tôi chưa nghĩ gì về tình yêu mặc dù đôi lúc tưởng tượng rằng đó là một loài hoa đẹp. Tôi muốn đứng từ xa để ngắm hoa hơn là cắt cắm vào bình. Tôi đau xót nhìn thẳng vào thực tại để thấy rằng không thể yêu Hồng.

Mẹ tôi sinh song thai anh em tôi rồi mất, ít lâu sau cha tôi bị bắt thủ tiêu. Có khi đang học bài bỗng dừng tôi nhớ lại những ngày sống với bà Ba (em của ông ngoại). Căn nhà ngói rộng cũ kỹ cửa song, nhiều buổi trưa bà gọi anh em tôi về bắt nằm sấp dưới nền gạch nghe kể tội. Bà ngồi trên phản nhịp nhịp chiếc roi tre, mỗi tội là một roi roi xuống nhẹ nhàng. Tôi nằm sát trong đầu phản roi không chạm được vào mông nên tha hồ ngủ, đôi khi tôi lơ mơ nghe tiếng anh Oánh giả vờ thút thít khóc. Nhiều đêm mưa gió tôi ôm cứng anh nhìn qua song cửa lo ngại cho con chim sâu vẫn thường hay về ngủ trên cành bưởi bị ướt. Những tháng ngày thơ ấu chúng tôi đã gây cho bà bao nỗi nhọc nhằn, sự chịu đựng sẵn sóc tỉ mỉ của bà đòi lúc không làm cho anh em tôi hết tủi thân. Tôi đã đòi hỏi ở bà quá nhiều cho đến lúc lớn khôn thì lưng bà đã cong hẳn xuống. Một đêm trăng sáng tôi đến xem bà đan võng ở hiên nhà, những mảnh vải vụn đủ màu được bà chắp nối khéo léo. Bà nhìn tôi âu yếm bảo: — Để đánh cho con chiếc võng vải mới nằm chắc mà lại êm lưng, con tẻ lắm chiếc võng giăng ngoài hai cột cau sau vườn đã đứt gần hết mà không cho bà hay. Mấy lâu nay bà làm biếng đi thăm vườn với lại cau cũng chưa tới mùa mà sao con lại ưa nằm đọc sách ở chỗ khuất tịch như vậy?

Chiếc áo túi đen để lộ đôi cánh tay gầy guộc nhăn nheo, tôi thảng thốt khi thấy vòng huyền lỏng lẻo trên cổ tay bà. Buổi học đầu tiên, bà dắt tay tôi băng qua cánh đồng, tôi mân mê chiếc huyền lên nước bóng loáng ôm vừa vặn cổ tay bà để nghe sự yêu thương che chở dâng ngập trong hồn. Những lớp học kế tiếp đi qua, tôi còn giữ lại chiếc thùng đựng sách vở cũ tróc sơn loang lổ có hình con gà trống cất cao cổ báo hiệu mặt trời lên. Nhưng làm sao tôi níu kéo được ngày qua khi bà bước dần vào tuổi già bóng xế. Giữa năm học Đệ-tam bà xuôi tay nhắm mắt bỏ anh em tôi ở lại bơ vơ. Anh Oánh cố tìm một việc làm để tháng tháng gửi tiền về cho tôi trọ học. Hai năm qua tôi cố phấn đấu học hành để khỏi phụ lời trăn trối của bà tôi và sự hy sinh của anh Oánh. Trước mặt Hồng tôi là một kẻ vô tình cảm mặc dầu có nhiều đêm tôi thấy nhớ thiết tha và muốn xuống phòng học thăm Hồng. Tôi rút vào lớp vỏ nguy tạo và cam nhận sự đau khổ dày vò. Hồng đeo đuổi theo tôi đợi chờ một sự đền đáp, đêm đó tôi đuỗi nằng xuống cầu thang rồi thờ thẩn nghe từng tiếng nấc vọng lên. Ngày bà còn sống tôi thường nghĩ đến khi đổ đạt

có được một địa vị vững vàng để đền đáp phần nào công ơn dưỡng dục, tôi thực sự lo sợ khi tóc bà bạc nhiều và nếp nhăn trĩu nặng trên khuôn mặt già nua trong lúc tôi hãy còn là một học sinh tay trắng. Sau này sống thường xuyên trong cảnh túng thiếu tôi thấy hạnh phúc gia đình là một cái gì vượt quá tầm tay và không thích những mối tình học trò lãng mạn. Tôi chờ đợi ngày Hồng ghét bỏ tôi để được rảnh rang trong niềm cay đắng. Một buổi chiều mưa lất phất, mặt sông nổi sóng làm chao nghiêng những chiếc xuồng con anh Oánh về gọi tôi thật to dưới cầu thang, anh gầy và đen hơn nên trông có vẻ già dặn. Tôi nghĩ thương anh Oánh nhiều vì anh đã dành trọn cho tôi một tuần nghỉ phép thường niên nhưng anh em trai thường ít khi bộc lộ tình thương, chúng tôi cảm nhận sự có mặt của nhau hơn là chuyện trò tâm sự. Ngày thứ hai anh Oánh và Hồng quen nhau, những ngày kế tiếp tôi đi học về không thấy anh ngồi ôm đàn mỉm cười như thường lệ. Tôi không buồn khi biết anh Oánh và Hồng yêu nhau nhưng những dẫn vật thường xuyên làm cho mặt tôi hình như nặng ra và trơ trẽn. Tôi biết Hồng đã đuối sức trong trò chơi cút bắt với tôi nên tình cảm chơi với dễ dàng buông thả. Và anh Oánh cũng sờ đón nhận làn môi con gái dễ dàng dần dần bước trên con đường mà anh vẫn thường nghĩ là xa xôi và đầy bất trắc vì mặc cảm. Tôi thực sự gọi Hồng bằng chị khi hai người chính thức sống chung không hôn nhân cười hời. Ba má Hồng tỏ ra dễ dãi vì thông cảm hoàn cảnh anh em tôi. Tuần nào anh Oánh cũng về tôi được gần anh hơn nhưng đồng thời cũng cảm nhận nhiều xa cách, anh vẫn thường bảo chúng mình bắt buộc phải nuôi ý chí tự lập, hoàn cảnh là thử thách để chúng ta vượt qua, chỉ lập gia đình khi nào có đủ khả năng để tránh cho con cái những thiếu thốn và tủi thân sau này. Bây giờ thì anh đã quên đi lời nói cũ, bị chiếm đoạt bởi đam mê mặc dầu số lương ba cọc chưa đủ để làm chồng. Có lẽ hoàn cảnh đã tạo cho tôi tự ái mạnh và mặc cảm khó gột rửa, tôi dọn khỏi căn gác nhà Hồng vì không muốn sát nhập thành một phần tử của gia đình này. Tôi thực sự hành nghề gõ đầu trẻ và mua sách về nhà tự học. Thỉnh thoảng tôi đến thăm anh Oánh, những ngày sau này tôi thấy anh có vẻ ưu tư và đọc được trong mắt anh những hạnh phúc nồng đượm ban đầu đã có phần nào phai nhạt. Câu chuyện tình nào rồi cũng buồn, anh thường nói vậy, ngày anh bỏ quận lỵ ra đi không trở về nữa thì Hồng đã có thai ba tháng. Về sau tôi được biết hai người thường có những bất đồng vì Hồng không

hiếu được anh, trong một cuộc xô xát Hồng đánh guốc vào đầu anh, đuổi anh đi và gọi anh là một kẻ ăn bám.

Hướng về Tổ Quốc Ghi Ơn.

Trung đội đội hình tam giác đáy đi trước.

Tiền đội hai làm chuẩn bên trái.

Tiền đội một bên phải...

Tôi cố nén cười khi Quý tập ra khẩu lệnh cho trung đội tiến. Trung úy T. huấn luyện viên thét :

— Cái đó gọi là Trung Nghĩa Đài ông trung đội trưởng ơi lắm lắm vừa thôi chứ.

Tôi nhìn ra chiếc bia tọa lạc ở đầu vũ trường Diên Hồng mang bốn chữ Tổ Quốc Ghi Ơn to tướng màu sơn vàng đã nhạt. Đại lộ Bình Long nằm im lìm dưới nắng, một tà áo trắng phất phới gây sự chú ý của hàng trăm con mắt, cả bọn bám nhau : hướng mười hai giờ. Hình như chị Hồng với mái tóc đỏ, màu áo đỏ — phải rồi làm sao tôi quên được dáng đi, thật bất ngờ quá tôi chỉ có được một phút để nói chuyện với chị.

— Chị làm việc ở Biên-hòa, về nhà ông cậu, Đại úy D.

— Tôi ở Trung đội... đại đội... chiều nay lúc 18 giờ gặp chị được không ?

Nắng tắt sớm trên đồi, ve bắt đầu ngân nga diu dặt từng hồi, một tiếng tắc kè ậm ực cất lên rồi lịm chết như buổi chiều. Quán trường này chẳng có chỗ nào để tôi được tự do nói chuyện với chị, bách bộ trên đường lại là một điều cấm kỵ. Không bảo nhưng cả hai cùng bước đến Nhà hát lớn, phim Ba Chàng Ngự Lâm của thời xưa và bản nhạc ngoại quốc không đủ sức dòn dập lôi cuốn, tôi chen lấy hai vé đồng hạng.

— Được tin chị sinh cháu gái và đi làm nhưng tôi không có dịp về thăm chị và nhìn mặt cháu.

— Bé Thủy có đôi mắt và chiếc miệng giống anh Oánh, chị gửi cháu cho bà ngoại nửa tháng về thăm một lần.

Những ngày nằm ở nhà bảo sanh cô đơn tủi phận, khai sinh bé Thủy theo họ mẹ, những khó khăn, hờn trách.... Tôi ngồi im nghe chẳng biết nói với chị những gì. Chị khóc làm tôi nhớ lại dư vang tiếng khóc của Hồng đêm nào giận dỗi quay lưng tụt vội xuống cầu thang. Nước mắt đã làm cho tôi mềm lòng, khi chị ngã đầu lên vai tôi, tôi nắm lấy bàn tay ấm áp với những ngón thon dài tưởng chừng như sống lại ngày qua mà tình cảm tự do buông thả. Chị Hồng mơn man trên mặt tôi thăm thẳm thì gọi Phú, Phú. Tôi ghì mạnh bờ vai mềm thở mùi hương tóc cũ định đặt lên làn môi chờ đợi đó một nụ hôn đầu như ngày xưa Hồng đã hôn tôi. Nhưng tiếng thẻ bài chạm nhau kêu leng keng trong ngực áo đã làm cho tôi tỉnh mộng. Tôi rút tay về cầm lấy chiếc thẻ bài bị xén mất một góc, vết của viên đạn chạm trước khi ghim vào ngực anh tôi. Giọt máu khô cứng nâu sậm đọng lại trong những dòng chữ khắc sâu là chứng tích của một hình hài rửa mục :

Nguyễn Ngọc Oánh

S.Q. : 63/957718

L.M. : B+

Khi nhận được chiếc thẻ bài của anh Oánh theo đường bưu điện gửi về tôi áp vào ngực để nghe sự mất mát đang hút rỗng dần thần trí. Hạ sĩ Bạch viết vắn tắt : « Thiếu úy Oánh bị thương nặng
« ở ngực trong trận Hiếu-nhơn, buổi chiều tôi đến bệnh viện Duy
« Tân, Thiếu úy còn được tiếp huyết thanh nhưng mê man, Y sĩ
« Thiếu tá cho tôi biết là tình trạng rất đáng ngại. Tôi ngồi ở
« mép giường nắm tay Thiếu úy chờ đợi vì trước khi vào phòng
« mổ Thiếu úy nhờ điện thoại gọi tôi lên. Độ hai giờ sau Thiếu
« úy mở mắt và tỏ vẻ vui mừng khi thấy tôi, Thiếu úy ra dấu
« cho tôi lấy hai chiếc thẻ bài treo ở đầu giường xuống dặn một
« chiếc đem về đơn vị còn một chiếc có vết đạn gửi cho ông.
« Thiếu úy xua tay bảo tôi thi hành gấp, để chiu lòng tôi ra khỏi
« phòng nhưng lát sau trở vào ngồi lại cho đến khi Thiếu úy trút
« hơi thở cuối cùng.»

Vết đạn trên chiếc thẻ bài phải chăng anh Oánh muốn nhắc tôi nhớ lại kỷ niệm đậm đà nhất ? Hôm đó, không biết lý do gì anh em tôi đánh nhau suốt buổi, kết thúc trận đấu là tôi bị anh ấn đầu vào cọc nhọn bờ rào, anh bị tôi đánh vỡ chiếc bát sành vào mặt. Một tuần lễ anh bị VC bắt, tôi ngồi đứng không yên. Khi

anh được phóng thích trở về chúng tôi ôm chầm lấy nhau, tôi hôn lên chiếc sẹo trên má anh, anh áp môi vào trán tôi tìm vết sẹo do cọc rào đâm thủng. Tôi nhìn sâu vào đôi mắt mờ màng của Hồng, đáng lẽ chị là người nhận chiếc thẻ bài chứ chẳng phải tôi, người thân yêu nhất trong đời phải là vợ anh Oánh. Tình yêu không đến được từ nhục thể, từ những đam mê buổi đầu, sự rạn vỡ với Hồng làm cho anh Oánh như cần cỗi lại. Tôi hiểu những ý nghĩ thầm kín của anh, chúng tôi cùng có chung một vòm trời thơ ấu, vòm trời luôn có mây đen che phủ và có những cơn giông tố bất thường nhưng chúng tôi vẫn thường quay về mỗi khi cảm thấy bơ vơ lạc lõng. Chẳng biết anh Oánh có tìm lại khung cảnh xưa để đi thích từng dòng chữ vào thân cau đánh dấu ngày hái quả. Không được đâu chị Hồng đừng làm lỡ để thêm một lần hối tiếc, ngày nào làm lại cuộc đời xin chị cho tôi bé Thủy để tôi được lưu giữ hình ảnh thân yêu trong những ngày trống rỗng.

Đêm rung rung buồn trên thảm cỏ vũ trường Đồng Đa, hàng cây cao im lìm say ngủ, ánh điện mờ nhạt soi từng vũng ánh sáng yếu ớt xuống mặt nhựa, tôi nhớ những đêm đi dạo với anh Oánh trên con phố điu hiu, cốc cà-phê nóng và khói thuốc. Chúng tôi có khuôn mặt thật giống nhau, cùng tầm vóc và sự suy tư, những cái nháy mắt đồng lõa. Thư anh Oánh gửi về thường ngắn gọn nhưng có chiều sâu, anh không mô tả những trận đánh những gian nan nhưng tôi biết được chiến trường ngoài ấy thật khốc liệt. Có một lần anh nhắc đến chị Hồng, sự đổ vỡ đã gây nhiều ray rứt thường cắt đứt giấc ngủ, anh tha thiết mong được ôm bé Thủy vào lòng để ấp ủ tình thương, một tình thương mà chúng tôi vẫn thường xuyên khao khát. Anh đã nằm xuống và bây giờ tôi vẫn còn đây trong làn sương lam hư ảo của đêm tối bàng khuâng, tôi nghe rõ từng bước chân mình khi chị Hồng lầm lũi đi xa, chiếc bóng gầy đổ nghiêng trên lối mòn khu Thành tín.



Con suối cạn nằm im lìm dưới hai hàng cây rậm từ thành đất trắng nước rỉ ra trong mát. Tôi muốn nằm xuống lòng suối ngủ một giấc dài bất chấp những bất trắc đang bủa vây trong lùm bụi nhưng bước chân chưa thể dừng, tôi nghe sự mệt nhọc gặm nhấm dần thể xác và cơn buồn ngủ kéo về đậu trên mí mắt cay. Lối mòn xuyên qua xóm nhỏ, vườn bưởi thấp sai quả, nhiều liếp

mía, nọc trầu... tôi nghe đượm đầy tình quê hương và tưởng chừng ngửi được mùi thơm của đất. Đứa bé ngủ an lành trên chiếc võng mắc giữa hai thân tre vàng óng, những hăm sắn sâu hút đọng nước xanh biếc, tiếng ve sầu ngân nga dịu dặt như bản nhạc buồn bất tận của rừng chồi. Tôi bẻ một cọng cây khô viết tên Liễu trên nền cát trắng. Bây giờ là giữa mùa mưa đây em, mình xa nhau vừa tròn sáu tháng — anh lặng lẽ ra đi, em không lời đưa tiễn, chúng mình chấp chận như một định mệnh. Còn nhớ chăng hôm đó anh khóc trên vai em, những giọt nước không kèm giữ được, nhiều vấn đề mới mở ra trước mắt anh không dễ dàng, giản dị — anh cô đơn mềm yếu từ dạo anh Oánh mất. Em giành lau nước mắt cho anh rồi bật khóc theo, anh hiểu và cảm ơn những giọt lệ của em. Nụ hôn đầu ngọt ngào hương hoa dạ thảo, tiếng Liễu sụt sướt :

— Thôi anh đừng buồn nữa, tại anh không cho em biết nỗi buồn của anh nên em tưởng anh cố giấu em chuyện gì. Em thương anh mà, anh hứa đừng bỏ em đi, em sẽ đợi chờ anh cho đến khi nào chúng mình được sống bên nhau mãi nghe anh, anh Phú.

Một mái nhà ấm cúng, một lễ cưới dàng hoàng, ước vọng của Liễu thật tầm thường giản dị nhưng đã vượt quá tầm tay tôi. Những tháng ngày hành quân vất vả, bao nhiêu vùng đất lạ đã vượt qua, lần về phép trước Liễu ôm chầm lấy tôi nghẹn ngào qua màn lệ :

— Anh Phú, hay là anh cho em theo anh dù phải tới nơi chân trời góc biển nào, em yếu đuối quá không chịu đựng nổi những tháng ngày cô đơn dằng dặc nữa, nghe anh, em van anh.

Tôi soi bóng mình trong mắt Liễu, em đã hai mươi bốn tuổi rồi, hơn hai mươi năm đã qua đi trong đời một cô gái, anh đã đánh mất quãng ngày xuân thơ mộng của em. Đêm tối đồ xuống mộng lung, tôi nhớ về doanh trại với những lều vải nhỏ bé, những căn nhà lá di động chật hẹp gói ghém gia đình quân nhân với đàn con nheo nhóc. Tôi nào muốn sự an lành giả tạo như bà mẹ vén áo cho con bú trên đồng gạch đồ nát của trận chiến còn bốc khói. Bên tai tôi như còn vang lại tiếng gào thét lẫn lộn của chị Danh ôm chầm lấy xác chồng sau một chiều hành quân vất vả. Liễu trở mình thức giấc níu lấy tôi ; tưởng anh đã đi rồi — tôi thấy thương nàng hơn bao giờ hết. Chúng mình không có quyền hưởng hạnh phúc khi đất nước này còn bom đạn rơi bời và anh nào phải của riêng em như buổi đầu tình yêu đã hứa.

Tôi cúi xuống áp môi dò tìm từng giọt lệ nóng thoảng mùi nước biển trên má Liễu, cảm giác bông bênh trôi nổi : một buổi chiều âm u gió lốc từng cơn bão cát mịn mù tới tấp phủ mờ màu xanh cây lá, Liễu cúi đầu thồn thừc cắn chặt chiếc thẻ bài vấy máu mang tên tôi và nụ cười của anh Oánh vút qua như nắng tắt.

NGUYỄN LẤN VIÊM

Viết ít nhưng viết vững, Nguyễn Văn Liêm « chín » rất mau và chắc chắn sẽ còn đi xa trong tương lai.

Được viết tại quân trường Thủ-đức, truyện mới này có phần thua những sáng tác trước, nhưng cũng không đến nỗi yếu kém, và vẫn có đủ sắc thái đặc biệt của một cây bút miền Nam hiền hòa, trầm tĩnh...

Trần Hoài Thư

Nhật ký hành quân

Buổi trưa vào giờ đóng quân.

Chúng tôi đến mục tiêu cuối cùng trong bản đồ vào một giờ trưa. Ngôi làng nằm dưới chân núi, ngó ra bãi cát trắng rộng mênh mông chạy về biển. Tôi chỉ thấy đám mười nóc nhà gạch đổ nát bơ vơ sau khóm dừa trơ trụi. Những hố bom sâu thành những giếng nước. Bờ cỏ cháy đen khô cằn len từng nhánh vào làng. Tôi dựa lưng vào vách đá. Gió từ biển thổi vào. Lạnh, nước biển xanh lơ lấp lánh dưới ánh mặt trời. Ngoài khơi, một chiến hạm đang bắt đầu nhả đạn vào đê yểm trợ đoàn trực thăng đổ quân. Ba chiếc trực thăng mang hỏa tiễn đang nhả liên tục xuống làng. Tôi thấy nhức ở mắt. Những đốm lửa loé lên và dất một lần rung chuyển. Những đốm lửa tắt lịm và những cột khói lại bốc lên. Nhức nhối. Tôi liếm lưỡi. Chẳng biết nhức nhối ở chỗ nào. Đầu gối, cánh tay, bắp đùi hay cả thân thể.

Khi nãy chiếc trực thăng chở chín đứa tôi, vừa sửa soạn đáp xuống chỗ có trái khói tím, thẳng xạ thủ đại liên Mỹ đã xô cả bọn nhào ra ngoài. Máy thẳng ngồi ở hai bên nhảy ra khi chiếc trực thăng hạ thấp, đến phiên tôi, ngồi ở giữa, thì chiếc trực thăng

đã bay lên cao. Tôi bị thằng lính khốn nạn xô, vừa nhào xuống, sức chong chóng đã lôi cả thân thể cộng với ba-lô súng đạn, như một hòn đá lăn từ đỉnh núi xuống vực. Hai chân tha hồ chạy. Thằng mang gạo chạy trước té nhào trên lớp đá cuội. Tôi chạy sau, té chồm trên thân hắn. Hắn lồm cồm bò dậy, xuyết xoa, đỡ tôi dậy hỏi: Thiếu úy có sao không? Tôi cười mếu máo: Đau quá mầy. Tôi tấp tênh lên đỉnh, tập hợp lính, cho bố trí về mặt Bắc. Những chiếc trực thăng đang quay đầu trở về, những chấm đen in trong bầu trời trắng xám. Đàng xa, thành phố hiện nhấp nhô. Những đợt khói, những con tàu nhỏ nhoi đậu san sát, những mái ngói đỏ yêu kiều, một chiếc phi cơ sắp sửa đáp xuống. Thành phố giờ này đã đi vào cơn mệt mỏi. Con đường nhựa và những tiếng còi trống rỗng. Tiếng nhạc tại quán cà-phê Bạch Tuyết cất lên bờ vờ. Một hai gã nhân du nhìn con nắng rơi chầm chậm. Thành phố, mấy đứa con gái làm tiền nằm hờ hênh trên nệm trắng trong phòng ngủ và chàng đi ngang, đến bên giường, ngồi xuống. Thành phố. Tôi làm quen sau những ngày hành quân bằng rượu chè, nói tục, kể chuyện bạn bè ra đi, ở lại, lên lon, xuống chức. Thành phố tôi nôn mửa nhìn lại tuổi trẻ, trong màu ly cà-phê đen đặc, tự nói mình già hay trẻ đây. Đến lúc này mình đã sống đầy đủ chưa. Những đêm vui đầu nách đàn bà, thủ thi trò trên: Em ơi, anh xin em ân huệ. Rồi ngày mai anh không trở về thì sao.

Đại bàng ra lệnh tìm đường xuống núi. Tôi bảo tổ tiên sát viên đi mở đường. Tổ gồm những người Thượng đã quen với núi rừng. Nhưng đường xuống gai nhiều quá (loại gai chó đẻ, dài và nhọn, lính gọi là gai mắt mèo). Gai chằng chịt, bò quanh những hòn đá, cao quá đầu gối. Quần bị gai làm rách toạc một đường từ đầu gối đến háng. Da mầy trắng như con gái, đó Tân. Tôi len qua từng lớp, từng lớp. Có một số hăm của bọn nó ở các khe đá. Cứt bốc thúi nồng nặc. Thằng Lại mò vào, lấy được một áo ấm và mấy tờ báo Quyết Thắng. Tôi nhét chúng vào trong áo trận. Dừng quân, sẽ coi mấy câu viết thế nào, nhé.

Vừa xuống dưới chân núi, thì súng trong làng bắn ra. Đại bàng ra lệnh dàn hàng ngang xung phong. Cánh đồng với đất bùn thật khó chạy. Đạn bay lồm chồm trên nước. Cả bọn vừa chạy vừa bắn. Vừa chạy vừa bắn. Tôi cũng la: Xung phong. Đến bờ đê

ướt đầm mồ hôi. Mặt trời chỉ là một khối chói lọi, rình mò trong bầu trời xám trắng. Bây giờ đại bàng bảo trung đội bạn lên yểm trợ. Lốp lốp người chạy trên cánh đồng. Tôi chợt nhắm mắt. Mùi thối từ phía làng bay đến nồng nặc. Chắc là một xác chết bị rửa. Những đồng gạch nằm dài bên cạnh những tấm gỗ đen, hay những cột nhà cháy. Tôi đợi lệnh đề xung phong vào làng lần cuối cùng.

...Lính bắt một nhóm người gồm ông già bà già, đàn bà và trẻ con từ dưới hầm lên. Nhóm người khốn khổ đang ngồi trên nền gạch, khóc lóc. Mỗi người đều mang theo một gói vải lớn, hay va-li thiếc. Tôi bảo lính khám đồ đạc của họ. Mụ đàn bà có chiếc va-li thiếc, run rẩy không cho lính mở. Hắn tức mình đá và chửi: Đến đâu, đàn ông thanh niên cũng không có, sao mụ lại có bầu. Chồng mụ lên núi phải không. Tôi nhìn suốt các gương mặt. Các gương mặt đang vươn lên từ những đồng tro tàn, đang nhẩn nhúm với đôi mắt van lơn sợ hãi. Trời nắng chói chang. Tôi cảm thấy nhức nhối. Huế chẳng khác ở đây. Nhưng Huế còn có người nói đến hằng ngày, có đồ cứu trợ tới tấp, có những mục nhân tin miễn phí. Thằng lính khám thấy bộ quần áo kaki vàng, hét lớn: Chồng bà đi đâu. Chỉ mau tôi bắn. Mụ đàn bà cứ cúi xuống lạy. Tôi quay mặt. Thú thật tôi không quen sống với tiếng khóc. Mẹ tôi đã khóc nhiều rồi. Bà lạy thẳng Tây. Thẳng Tây. Bây giờ mụ đàn bà lạy tôi — người cùng màu da với bà. Tôi chán nản, nói: Thôi chốc nữa, dắt họ về vùng an ninh. Ông già ngược lên. Tôi hét: Ông không biết ở đây mất an ninh, nấu chiếm. Đạn ca-nông bắn cả đêm ngày. Sao các ông không đi tản cư. Ông già trả lời, giọng run run: Dạ, bọn tôi đói quá. Đi làm sao sống nổi. Ở đây có chút lúa sống qua ngày... Bây giờ, tôi cảm thấy rã rời. Chẳng muốn gì cả. Chỉ muốn ngủ yên. Con tim ơi, ngủ yên nhà. Tôi nhìn những cánh đồng vàng ửng, thỉnh thoảng vài hố đạn hoặc bom, chơ vơ giữa đồng. Mắt tôi muốn mỏi. Lúa vàng thật đẹp, xa tít đẳng chân trời. Mùi thối theo gió bốc lên. Mắt tôi theo dõi đám bèo trên mặt hồ đen sạm. Tôi hét: Tại sao đồng bào không bỏ đi chỗ khác. Đồng bào không sợ ca-nông súng đạn sao?

Buổi tối đại đội đóng quân đêm tại một ngôi làng cách núi

... Trung đội tôi phòng thủ mặt Bắc, đối diện với

Khi về ngôi chùa làng, tôi sửng sốt khi nhận ra vợ ông già ấp trưởng quần trên đầu khăn tang. Bà bảo chồng bà bị nẫu chặt đầu tháng trước. Bà vừa nói vừa khóc. Đêm đó, nẫu về gọi cửa, tôi mở. Nẫu hỏi ông. Tôi bảo ông đi rồi. Nẫu ra về và gọi viên đạn nói dành cho ông. Khi nẫu ra ngoài, tôi nghe có tiếng chồng tôi. Chẳng biết ông về làm gì. Đêm nào ông đâu có dám ở nhà. Nẫu bảo nếu ông là ấp trưởng, nói thật nẫu tha. Ông không trả lời. Tôi chạy ra, lay từng người : Lay ông tôi lay, ông không có tội. Người ta bắt ông làm, ông phải làm. Nẫu xách báng súng đánh vào mông tang tôi rồi bắn một phát trúng đùi. Tôi ngã xuống, la làng xóm. Chẳng ai ra. Thanh niên, dân vệ mấy ông nghe nẫu về cũng bỏ đi trốn. Sau đó...

Bà khóc rống. Tôi nghe quặn đau. Thế này thì quá lắm. Chiến tranh cái giống gì mà bần thủ quá vậy. Tôi nhìn trong bầu trời đêm thẫm. Những lá xoài loang loáng ánh trăng. Mới đây, bọn tôi còn về, ông ấp trưởng còn ngồi hàn huyền bên tách trà nóng, còn kể chuyện sự tình. Khổ lắm ông ơi. Người ta bắt mình phải làm. Đêm nào nó cũng mò về vác loa gọi tên tôi dịch danh, đòi chặt đầu. Đêm nào bọn tôi cũng nằm bờ mương bờ ruộng. Súng ống đâu có phát, thừa ông. Người ta chỉ phát hai trái lựu đạn cho mỗi anh em... Nghe ông ta nói, tôi bùi ngùi.

Tôi đứng dậy, cầm cây M-16 ra trước ngõ. Chán đời đó phải không. Sương đã xuống trên vai, và tiếng loài côn trùng đêm vang lên náo nức. Bây giờ có lẽ là mười giờ đêm. Tự nhiên tâm hồn tôi cảm thấy bơ vơ. Trang đã hôn trên đám giậu trước sân. Một trái sáng bắn lên. Có tiếng rì rì đều đều của một chiếc C-47. Cô độc, anh phi công nhỉ. Rồi cuộc đời mình cũng mãi bơ vơ như một tinh cầu, đợi ngày rụng xuống. Tôi nghe thân thể rã rời. Tiếng vạc ăn đêm kêu lên từng hồi, u oán.

Tôi trở về chỗ ngủ. Xin giấc ngủ bình yên đi nhé. Xin đêm nay một đêm không nghe tiếng chó sủa, không tiếng súng vu vơ. Nằm trên poncho, ở dưới là lớp lá đã khô. Buồn. Tôi lấy chiếc giày trần lót dưới poncho và nhẹ nhàng đặt đầu lên. Chó sủa vắng vẻ từ đầu làng. Một chốc, trái sáng lại oà vỡ trong thình không. Thằng mang gạo nhôm đây, chờ đủ trái sáng bay tấp về. Ánh trăng rọi trên sân đình trắng xóa. Tôi trần trọc. Huế ơi. Bây giờ giá có

tiếng hò Nam Ai, chắc mình phải khóc. Sáu vành cầu, hiền lành, dễ thương thế mà cũng đã gục xuống. Còn gì nữa không, Quỳnh. Tôi cảm thấy nhói ở ngực. Sao thằng bắn, không nhắm kỹ một tí, để trái tim ta khỏi gào thét cuồng nộ. Quả mòng một đỏ. Viên đạn A.K đỏ. Tôi đặt tay vào bên trong áo trận. Vết sẹo phồng lên giữa bộ ngực gầy lép. Tôi úp mặt trên poncho. Đêm nào cũng ngủ bờ ngủ bụi, cũng thức phờ rầu canh gác. Má đã lạnh rồi, Quỳnh. Chú gọi cháu nghe không. Chú buồn và muốn lấy M-16 bắn hết cấp số đạn mang theo đêm nay đó.

Ba gói thư vào nói lư hương đã đầy nhang. Đêm nào ba cũng cầu Trời Phật phù hộ cho con. Nhà mình bị máy bay bắn rocket sập hết. May cả nhà tản cư sớm. Ba tưởng nhà mình tiêu hết rồi. Con bây giờ đã lớn, phải lo lập thân. Lập thân. Buồn ngủ quá rồi. Có lẽ buồn nôn nữa. Tôi trấn trở. Tiếng ca-nông vẫn dồn dập ở một nơi không xa, đìu hiu như một cung đàn võ. Tôi xoa bàn tay nhẹ vào má. Bàn tay lạnh còn đậm mùi hôi. Bỗng có tiếng súng nổ ở đằng tổ trung sĩ Y-Bim. Tôi cầm vội cây M-16, nhào xuống hố. Một lát, thằng Nay-Hat chạy về, hớt hải nói: Bắn lầm thằng nhỏ, thiếu úy. Nó bị thương nặng. Tôi gọi thằng y tá và truyền tin chạy bay về nơi xảy ra tiếng súng. Đến nơi, tôi thấy thằng nhỏ trạc mười ba, mười bốn tuổi quần quai trên nền đất. Ông già, cha thằng nhỏ, đang ôm con, khóc lóc thảm thiết: Con ơi, cũng vì cha. Tại cha sơ ý để làm đèn tắt. Tôi hỏi y tá tiêm thuốc và băng nạn nhân. Thằng y tá làm việc xong, lắc đầu: Bọng đạn bị bể hết. Giọng nó nhỏ và run: Chắc không sống nổi thiếu úy. Tôi gọi C-10 xin Đại bàng phương tiện tản thương. Đại bàng bảo không còn cách nào khác ngoài săn sóc thằng nhỏ được chừng nào hay chừng nấy. Tôi nói Đại bàng rán giúp xin trực thăng Mỹ, kéo tội quá. Dù sao mình cũng bắn lầm. Tiếng ông già ngắt quãng: Tại cha, tại cha. Thằng bé thì rên đau quá cha ơi. Tôi bảo lính vác nạn nhân về trạm y tế xã. Suốt đêm, đứng canh chừng, tai nghe bà mẹ thằng bé chửi: Sao các ông lại bắn nó. Con ơi. Anh con cũng chết vì người ta bắn. Bây giờ đến phiên con. Thù thật, tôi muốn về chỗ ngủ, muốn coi mọi chuyện không quan trọng đến tôi, nhưng nhìn đôi mắt thằng bé khép kín và tiếng rên náo ruột lòng tôi quặn thắt. Tôi ra ngoài sân đình, nói thầm: Không, không có gì cả.

Ngày 5-5-68.

Thế là ta thoát chết. A ha. Ta còn sống. Còn sống để xem cái ngày hòa bình, cái ngày ta về, bỏ hết những bâng khuâng, xao xuyến. Ta còn về cưới vợ để con và còn hưởng chút hạnh phúc. Đêm đầy chớp lửa. Nó về bên kia sông. Nó đặt súng ở bụi tre. Nó bắn tơi bời lên trời. Đạn xoáy, đạn gào, đạn làm tim ta đập thình thịch. Ta áp tai vào bờ đất và chỉ chờ. Đêm về sáng tối như địa ngục. Ta nói với thằng trung sĩ. Tao quên mang gương rồi. Vừa đứng dậy, thì một quả 82 ly rớt gần đó. Một thằng lính bị thương nằm trong hầm rên : Chuẩn úy, tôi chết. Tôi chết. Chuẩn úy gọi y tá giúp tôi. Cái kiêu này, ai mà dám chạy. Cứ an ủi. Mày rần chờ nó hết pháo kích tao gọi cho.

Những cột khói đã bốc lên ở khu nhà tiếp liệu. Những viên đạn lửa bay ngang dọc trong màn đêm. Nai ơi, mày ngồi bên tao. Rủi một quả đạn rơi trúng chỗ này, hai đứa mình cùng chết luôn nhé. Nhưng hèn lắm. Chết kiêu này hèn lắm. Chết mà chờ đợi tuyệt vọng thế này thì hèn lắm. Nai ơi tao thương mày. Hồi chiều mày vừa nhận thư của vợ mới cưới : Lá thư hồng gửi ông xã. Mày đọc vang cho cả bọn cùng vui. Buồn không Nai ? Nàng có biết đêm nay mày đang chạm vào biên giới hai miền, để khóc giùm nàng không Nai ?

Ngồi bên cạnh Nai than thở. Để tao chạy vào lấy kính. Nếu bọn nó tấn công lên trời, còn thấy mà bắn. Nai giữ lại : Ông đi lữ...

Đêm địa ngục. Anh sắp lợt vào địa ngục đó. Quỳnh.

Ngày 6-5-68.

Buổi sáng, đại đội lội sông truy kích địch. Có tin một đại đội địch về, yểm trợ toán đặc công và toán pháo kích hồi đêm. Ngày chủ nhật đi về Qui Nhơn như người ta. Buồn không nhỉ. Ngày chủ nhật, ly cà-phê và tiếng hát cũng đủ làm tôi quên một chút sầu muộn rồi. Nếu chán đời, thì đi tìm em, nằm trên nệm trắng, nhìn quạt trần kêu vù vù để tạm quên cuộc đời chó má. Còn gì

nữa. Thành phố chẳng bao dung như ta bao dung nó. Ta đã đổ máu vì nó. Linh của ta cũng đã nhắm mắt, đã chịu tàn phế vì nó. Thành phố, ta trở về như một tên hề khốn khổ, nhìn con gái đi qua, con trai đi lại. Nhìn cảnh ô nhục đầy đường đầy sá. Con gái từ Sài-gòn ra làm đĩ, con trai từ mọi ngả đổ về. Buổi chiều, đi xe lam qua trường sư-phạm, ngõ ngang nhớ màu áo thân yêu. Tất cả chỉ là dĩ vãng, chìm lắng trong làn khói thuốc.

Chẳng tìm ra tung tích. Họ đã chạy đằng nào. Có Trời mới tìm thấy. Suốt buổi sáng mệt mỏi, rã rời. Một đêm kinh hoàng còn vương lại. A ha ta còn sống, còn sống.

Đến tối, lại dắt lính đi kích. Xuống đồi mang thân ngựa gầy. Đồi Cao, Tháp Mạ đìu hiu. Người đi lần ấy, bóng chiều thướt tha. Dắt lính về kích tại một ngôi làng tình nghi. Suốt đêm không chợp mắt. Chiếc trực thăng Mỹ cứ lờn vờn trên đầu, rọi xuống đèn pha. Rủi mấy cha trên phi cơ, ngựa tay, nhả một tràng Rocket thì có nước chết. Vội gọi C-25 về yếu khu, xin can thiệp nếu có chuyện gì chúng mày chịu trách nhiệm. Ta đi kích nằm bờ nằm bụi để chúng mày yên thân, ít nhất chúng mày phải lo cho ta. Suốt đêm hôm ấy cứ hai, ba tiếng, chiếc trực thăng lại lờn vờn đến. Nằm trên poncho, làm bộ khoác tay. Tao là bạn chứ không phải V.C đâu. Mày thương tao. Trong C-25, dồn dập tiếng kêu cứu. Địch xung phong, xung phong nhiều lắm. Hãy bắn trái sáng ở tọa độ... Lại đánh nhau tới bời. Nha-trang gọi Sinh-trung, Hà-nội gọi Sinh-trung. Tôi nghe chúng hét hò cách đây một trăm thước. Nhờ anh cho soi sáng.

Tôi nằm trên poncho. Con trăng luồn liềm hiền hậu và cô đơn. Những giọt sương lóng lánh trên ngọn lá và điểm sáng của con đom đóm dập diu. Tất cả đều quen thuộc với thằng lính thám kích. Tất cả đều vỗ về trong tâm hồn cô đơn của tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy già. Sờ tay lên mép cảm tìm những sợi râu lờm chờm. Ước gì mình nằm đây, ngủ thật ngon lành. Quỳnh ơi. Đêm nay dài lắm.

Ngày 7-5.

Lại một ngày cơm nóng và hai ngày lương khô. Mục tiêu là ấp T.M. thuộc quận Tuy-phước. Đi bộ rờn rã, chả gặp một

mống. Trung đội mình bắt thanh niên trốn quân dịch, về nhà làm ruộng. Người vợ mới cưới ôm chân chồng khóc ròng. Tôi nghiệp. Nghỉ trưa tại ngôi nhà ngói. Bà già than dạo này ca-nông bán dữ quá. Tất cả đều quen thuộc. Đều là sợ hãi, chết chóc, căm thù và nước mắt. Chẳng còn gì. Chân đã qua bao mảnh đất, xóm làng, chưa lần nào dừng lại để khỏi nhớ đến những trái soài đầu mùa và những con kiến đỏ bò trên thân cây. Người đàn bà xanh xao, hình như vừa sinh, meo máo xin mình. Thiếu úy, tôi lạy thiếu úy, tha cho chồng tôi. Anh chỉ còn mẹ già. Rồi buổi chiều, vượt sông lên đồi. Hai chân rã rời. Dạo này cảm thấy thấm mệt rồi. Thương mấy thằng lính dù sao bọn nó là những người chịu khổ nhiều nhất.

Ngày 13-5.

Tôi viết những dòng chữ này sau bốn ngày được nằm quân y viện lần thứ hai. Tôi không còn gì để nói, để làm, để thấy, để nghe, bởi lần này tôi đã chạm vào bức tường biên giới. Biên giới đó, tôi không dám nói ra và tất cả ai cũng không dám nghĩ đến. Tại sao tôi còn run rẩy để nghĩ đến đó. Bây giờ tôi thất thõ, thất thểu như con chó, có khi như thằng điên, có khi như thằng hề khổn khổ. Lạy Trời, cho tôi đừng nghĩ nữa. Nai ơi, cho tao đừng nghĩ đến mây nữa. Đó, thân thể trần truồng đang hấp hối trên giường nệm trắng, đôi mắt mở nửa chừng, trợn trắng, đầu bị băng kín. Bọn nó chém trên đầu mây, đau không Nai. Nai ơi, đừng nhìn tao nữa. Tao đau lòng lắm. Bởi dù sao tao cũng chịu trách nhiệm một phần, bởi dù sao tao cũng là trung đội trưởng, cũng có quyền, cũng gọi C-25 kêu cứu. Tao đang rụng nước mắt đây, Nai. Sao mây nằm yên thế. Cứ nằm thoi thóp ba ngày trời rồi, cứ dài ra máu, cứ chuyền từng bình serum. Không ai đến thăm mây, sao. Ôi lính lại bị hắt hủi thế kia, sao ?

Xin tha lỗi cho tôi, các bạn. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn, ý lạ. Tôi đang nằm trong Quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng đã nằm ở nhà Vĩnh biệt. Trời, tôi xin, tôi xin. Ngày hôm đó, ngày 9-5 thì phải. Mặt trời thì gay gắt. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm trong bụi, mặt dầm dề máu và mảnh lựu đạn, đất mống

cũng vậy. Tôi, lần đầu tiên, niệm : Nam mô Quan thế âm Bồ tát, cứu nạn cứu khổ... hàng trăm lần. Nhìn mặt trời. Cho con sống. Sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn bắn dưới chân. Tôi lộn nhào. Chạy. Chạy. Đạn rít trên đầu, tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. Tắc, bùm. Thụt đầu vào. Chạy. Lăn. Tôi nghiệp thân thể mảy chưa, Thụ ồm yếu thế kia. Cha mẹ nâng niu thế kia, bây giờ vùng vẫy, bò, chui từng đám bụi, bò hai chân, hai tay. Bò ngửa. Bò sấp. Ngọn cây vừa xê dịch. Tắc bùm. Đ.M. Chó đẻ. Mày giết tao. Mày hã dạ lắm sao. Tao còn viên đạn cuối cùng đây. Tự tử.

Trung đội tôi mất hết hàng ngũ khi chúng ném hai trái lựu đạn từ dưới khe đá lên. Trái đầu, Mễ bị thương. Lúc đó bọn tôi đã chiếm được mục tiêu. Mục tiêu là hầm đá và vô số khe. Lúc đó chín giờ ba mươi sáng. Bọn nó đợi chúng tôi lên ngay tại cửa hầm, đứng trên bờ đá, mới nổ súng và ném lựu đạn. Đại bàng và ban chỉ huy ở dưới núi. Chính tôi không ngờ họ đông thế. Chúng tôi cứ ném lựu đạn và bắn súng M.16. Chẳng ăn thua gì, Ném lựu đạn may ra giết được. Chứ bắn thì bắn vào bờ đá. Tôi không ngờ trận giặc chó đẻ như vậy. Tinh báo cho biết mười, mười lăm mạng. Chỉ việc đến đó, ném lựu đạn cay rồi thanh toán như mọi lần.

Khi bọn tôi lên, không một tiếng động. Toán đi đầu đã đến bờ đá. Thằng truyền tin bỗng la : Hưng bị bắn chết rồi. Th. bị thương. Tôi cho các tổ bố trí trên bờ đá. Có tiếng súng vút qua đầu. Lựu đạn ném xuống. Súng bắn xối xả. Lại có tin : Thiếu úy Ch. ở trung đội Một bị bắn tử thương. Các tin đồn dập, đồn dập bay về. Bỗng một trái ở dưới hầm, ngay chỗ tôi, thẳng mang máy C-25 và hai ba thằng nữa đứng quăng lên, tôi bị tung lên cao rồi té nhào xuống vực. Máu ở miệng, mũi trào ra. Tôi quỵ xuống. Có tiếng la : Thiếu úy bị chết rồi. Tôi hét : rút xuống mau lên. Tôi mò trong bụi gai, bụi dứa, té lăn trên đá. Lính đã đi đâu hết. Chạy. Chạy. Tôi không thể chạy. Tôi quỵ, nhưng bò về hướng trái, nằm trong bụi rồi xỉu.

Khi tỉnh dậy thì trời nắng ghê gớm. Mặt trời nằm giữa bầu trời trắng xám. Tiếng tắc bùm vẫn nổi lên đều đều, xé tan vẻ hiu quạnh của thung lũng K.S. Tôi chỉ nằm chờ. Bên tôi không một mô đất. Tôi nằm trong bụi, nằm yên. Một cành cây vừa xê dịch, là tiếng

tắc bùm vút qua. Chúng tôi bị vây. S.O.S. Không ai cứu trừ viên đạn cuối cùng sẽ bắn vào con tim, sẽ kê vào bộ óc. S.O.S. Không ai cứu tôi với. ĐM, bọn mày. Trước khi nằm xuống, ta cũng lên trên miệng hầm, cũng nã từng loạt đạn, cũng ném vào từng quả lựu đạn. Buổi trưa, ai làm chúng nhân. Đại bàng ở giữa, đang mắc nạn. Địch ra xung phong, đòi bắt sống... Không còn tin tức. Tôi nằm xiu, khát khô cổ họng. Những ngọn núi trọc vây quanh, rừng rợn. Tôi nghe súng rít từ bốn phía. Thôi rồi, một chuần úy khóa 24, đến đây là hết sao. Tôi nằm ngửa. Hai chân đạp bụi gai, mở đường. Tay kéo khẩu M-16. Tôi lên đến mô đất cao và tìm thấy bốn năm thằng lính đang nằm trong đó.

Đại bàng bị thương.

Tôi nghĩ đến ngày đôi mắt ngủ như đứa trẻ thơ. Mẹ tôi, tóc trắng như bông lau, đang chờ tôi ở cánh cổng trên cao. Cha tôi. Quỳnh. Đó, sao Quỳnh không thương chú. Chú không ghét Quỳnh đâu. Bao giờ chú cũng cầu nguyện cho Quỳnh. Nếu chú ra đi, chú không ân hận. Chú chỉ buồn là chưa giúp đỡ gì cho gia đình, thì chú lại làm mọi người đau buồn. Tôi không muốn nghĩ nữa. Tôi biết viết sao bây giờ. Anh Hảo ơi. Hai đứa mình mới thay cửa, đổi hương. Hai đứa đã cười ha hả nói rằng năm nay thế nào cũng có vợ... Bây giờ anh lại ra đi, chưa kịp nằm một đêm trong căn phòng vừa sửa sang lại.

Tôi xin lỗi. Mỗi ngày tôi lê thân trong Q.Y.V. tìm mỗi thằng lính bị thương. Bọn nó cũng chết nhiều lắm. Mình đã rửa mỗi hận phần nào. Tôi xin lỗi, mấy tháng trời mang nặng trên áo hai chiến thương, cho tôi có sức. Tôi đuối quá rồi. Tôi đuối quá rồi.

Anh Chấn ơi — Cả Qui-nhơn biết anh hết. Ngồi nghe họ nói nhiều về anh, nhớ anh rưng rưng nước mắt. Làm sao tôi quên, anh mặc bộ đồ rằn, vác trên vai thằng lính bị thương, chạy như bay. Sau đó, bọn tôi đứng trên miệng hầm trên cao, nhìn rõ ràng anh té xuống, hai tay buông ra và nằm sấp. Thiếu úy Chấn chết. Thiếu úy Chấn chết. Tội nghiệp, một vợ năm con và cả dưng khi còn vang trên đỉnh Kỳ-sơn. Tôi thì quá hèn. Hèn. Đến thằng truyền tin, bị thương ở chân và tay, không lết nữa, tôi cũng chả khiêng được, như lời kêu cứu của nó vào buổi trưa địa ngục. Tôi khóc : Tao thương mày quá, Hường ơi, rần bò sau bụi, lết đi... Tao cũng bị thương, xích ra bị bắn. Mày

nghĩ cho tao. Tiếng Hường rên : Thì thiếu úy sai hai thằng cồng tôi. Tôi khóc : Mà xem, xung quanh đâu có ai. Luông bị thương, Phong bị thương, tao nữa. Mà thương tao... Tao ra thì bị bắn. Nó canh sẵn...

— Đ. m. thiếu úy !

Tôi úp mặt vào đất sỏi, khóc như đứa trẻ.

TRẦN HOÀI THƯ

Nhật ký trên được viết tại quân y viện, sau lần bị thương thứ hai.

Mặc dầu bị thương rất nặng, Trần Hoài Thư hiện vẫn đang chiến đấu trong một đơn vị thám sát miền duyên hải Trung-phần.

Trong văn có ghen ngào hơi rườ, nhưng người đọc tinh ý chắc sẽ còn bắt gặp nhiều hơn thế nữa...

ĐÃ PHÁT HÀNH

Ngày tháng

truyện NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN
AN-TIÊM xuất bản

Mường-Mán

Từ biệt Huế

Nhớ đừng nói lời chia buồn đừng đưa
tay chào

đừng vẫy khăn xanh đừng khóc
lúc ta ra đi, nghe Huế

Cứ đổ sương mù cứ rơi lá

cứ hát trong nắng cứ ngủ vùi dưới mưa
nhưng đừng ngóng cổ trông theo
lúc ta ra đi, nghe Huế

Hãy nhớ ta những đêm mùa đông có trăng
trên đường Huyền Trân công chúa

hãy gọi tên ta nếu mùa hè vắng tiếng chim
trên cỏ thành hoang vu

lúc đó dù đang nạp đạn trên núi ta cũng
cố mỉm cười ra em

lúc đó dù đang đứng gác trong rừng

ta cũng run rẩy lại xuống đất mà nghe nhịp tim
còn lại

những đêm có pháo kích hãy gọi ta

đừng gọi chúng ta ở cuối mỗi hồi còi giới
nghiêm tám giờ, nghe Huế

gửi lời chào những con đường lá chết đã dắt ta
đến gặp mặt những mùa thu

gửi lời từ biệt những chuyến xe buýt bấy nhiêu
năm đã chở ta rong chơi khắp thành phố

nhưng đừng nói với Lạc với Diệp với Sương
với Liên

đừng thì thầm với lũ cây trước trường Đồng-khánh
đừng tỏ vẻ với lũ sách trong thư viện

đừng nói cho ai biết tin
ta sắp ra đi, nghe Huế.

Ta sẽ tả đôi mắt em cho những đứa bạn ở Sài
gòn biết

ta sẽ hát nam-bình nam-ai cho những đứa bạn ở
Cần thơ ở Pleiku nghe

ta sẽ khắc tên em trên cán dao găm

ta sẽ nhồi tình yêu em vào nòng súng

có thể ngày về da mặt ta nám đen hơn một tí

có thể ngày về tóc ta ngắn mất vài phân

có thể ngày về ta thiếu một cánh tay một khúc chân

lúc đó nhớ đừng làm mặt lạ với ta, nghe Huế.

MUỖNG-MÁN

Hồ Minh Dũng

Cơn dông khô

TÔI NGHE LẠI NHỮNG BƯỚC CHÂN RẤT NHẸ đi qua trong khu vườn tối, một vài bước chân đó đã giẫm lên xác lá ướt trong cơn mưa buổi chiều. Tôi nghĩ đến những con chim hót về khuya, buồn và kéo dài trong sương ướt. Con mèo hoang lạc lõng trở về ngoài những khóm hoa hồng. Gió tạt qua tấm lưới sắt cũ làm giàn hoa giấy leo, ở trong hơi gió thoảng mùi thơm nhẹ mang từ dòng sông ở phía bên kia đồi. Những gốc rễ, những xác cây, những hạt đất, sỏi đá đã nhiều năm tan loãng trong dòng sông đó. Nước chảy một chiều, từ trên một khu rừng chẳng chịt cây hoang, nước không khi nào được dừng lại, lấp lánh dưới ánh sáng của dãy đồi trùng điệp.

Tôi trở về thị trấn này không biết là lần thứ mấy, dường như những lần trước trong khu nhà này, tôi cũng nghe tiếng sóng nhẹ vỗ vào vách đá cao. Trước mắt tôi, khu vườn nở nhiều bông hồng, đã rã rời. Cơn mưa buổi chiều kéo dài đến những giọt cuối cùng còn đọng chặt trên mấy chiếc lá khô. Tôi nhớ con đường ướt sũng và chuyến xe đồ dài nhiều cửa kính đưa tôi qua quận lỵ vắng người, qua cánh đồng đầy chân rạ mới.

Bây giờ Hạnh nằm ở đó, nàng cũng đột ngột trở về đây trong cơn mưa. Tôi hỏi bao lâu nay em đã đi được những nơi

nào. Nàng cười cắn ngón tay, đôi mắt những nỗi buồn xa. Buổi chiều tôi rót nước trà mời nàng uống, hơi ấm bốc lên mái tóc nàng rẽ hai cùi xuống mặt bàn như ngày còn đi học, ngày bàn tay con gái đó vuốt tà áo tôi, vuốt những nỗi mệnh mông mới lớn. Nàng hỏi anh có còn nhớ Huế không? tôi nói nơi đó, anh đã yêu em thì làm sao anh quên. Hạnh buồn bã, Huế chắc không còn gì nữa. Tôi cầm tay nàng, nhưng đất của anh, của tình yêu anh, của trí nhớ anh không bao giờ sờ được.

Hạnh trở về như một tình cờ bất gặp, tôi không ngờ được có một một ngày như hôm nay gặp lại nàng, mặc dù đã nhiều năm tôi vẫn ao ước, vẫn nhớ không nguôi cái hình bóng đó. Nàng ở đâu trở về đây, tôi không biết, tôi chỉ biết nàng đã trải qua những ngày dài tuyệt vọng, những ngày chán ngán. Hạnh nói, em không cần biết có anh ở đây hay không có anh ở đây, nhưng em cũng trở về căn nhà này, thị trấn này, em trở về với kỷ niệm em, càng đi xa, càng rong ruổi càng thấy nhớ, phải trở về, có dịp là em trở về. Như vậy hẳn là em còn nhớ anh. Tôi yên lặng nhìn môi nàng khô bong từng đốm son màu vàng héo.

Chuyến xe nửa chiều đã đưa Thiệu về Sài-gòn, đi theo chàng có một người con gái, dường như tôi có gặp một vài lần hồi còn ở trên cao nguyên, tôi không nhớ ra tên. Thiệu cũng không cho tôi biết một điều gì về chuyến đi vội vã của chàng. Thiệu ở lại thị trấn này trong những ngày ngoài đường phố không có một bóng người, tiêu điều, bụi bặm và xác chết. Tất cả đều lở lói, bơ phờ. Tôi được Thủy báo tin về sự có mặt của chàng. Thủy hỏi tôi ngạc nhiên lắm sao. Tôi đáp tưởng nó đã chết rồi. Thủy ôm mặt cười như người điên : bộ anh tưởng dễ chết lắm sao ? Chết cũng có số chứ. Tôi muốn hỏi Thủy thử đếm xem bao nhiêu xác chết nằm la liệt ở các thị trấn đầu năm nay, lại thôi. Đôi mắt Thủy thật buồn, tôi cố tìm lại một vài điều của tàn khốc chiến tranh, những nỗi khốn khổ đã diễn ra, rồi cũng yên lặng, tôi chỉ thấy còn một khoảng trắng mệnh mông. Tôi nhớ đưa em gái của tôi, mười lăm tuổi đã trưởng thành, đã biết sinh con, đã bị một người con trai gạt bỏ, bỗng con về tìm ngoại tôi ở dưới quê.

Những đêm như đêm nay, không có ai nữa, ngồi một mình trong hành lang rách, nhìn khu vườn đêm đan bằng những tiếng

động rơi xuống, như những giọt sương vô hình, những giọt sương đã đóng khô trên ngọn lá. Có tiếng động nhẹ phía sau, một bàn tay đặt lên vai tôi, tiếng Hạnh thấp ướt :

— Anh không sợ ngồi một mình sao ?

Tôi cầm lấy bàn tay nàng :

— Em ngồi xuống đây với anh.

Hạnh ngồi xuống trên bậc tam cấp, nói :

— Lâu lắm mới được ngồi với anh.

— Lâu là bao nhiêu em nhớ không ?

— Em không nhớ rõ, nhưng dường như đã ba, bốn năm rồi.

Cơn gió lạnh tạt hắt vào mặt, Hạnh rung mình ôm lấy tôi :

— Anh có lúc nào nhớ tới em không ?

— Có, tại sao em phải hỏi anh câu đó.

— Vì em cần cái nhớ của anh, của những người khác.

Tôi cúi xuống hôn mái tóc nàng, khi ngẩng lên tôi thấy nàng đã khóc, tôi né tránh nỗi buồn đó :

— Em có thấy gì ở ngoài bóng đêm đó không ? Anh thấy ở đó là những ngày anh yêu em, cái khoảng mệnh mông kia đã xô ngã tình yêu chúng ta.

Hạnh thở dài. Tiếng nàng mờ đi trong lớp sương dày trước mắt. Tiếng nói ấy đã bao nhiêu năm như lớp sóng xa khơi tới tấp dồn vào bờ, lòng tôi càng bị lở lói, bị ăn mòn như một bãi cát đau thương. Hạnh bỏ tôi ra đi vào những ngày tôi còn yêu nàng, tôi đang còn một mình ôm bó đuốc tình yêu đứng trong ngục tối.



Người vú năm nay có lẽ đã hơn 40 tuổi, vú ở lại ngôi nhà này khi đứa con cuối cùng của di tôi ra đi. Vú có độc nhất hai đứa con, chồng vú chết hồi kháng chiến. Người con gái ở lại với vú tên Miên, đứa con trai đã bỏ nhà đi từ thuở nào. Khi di tôi qua đời, dựng tôi ở lại một vài năm gì đó rồi cũng bỏ đi biệt. Người lối xóm đã có lần đồn đãi dựng tôi đã lấy vú, vú đã có thai và nằm đẻ trong buồng cả nửa năm không ra khỏi nhà về sau

con Miên bỗng em nó lên vất trên bệnh xá. Một đêm đưa con trai của vú bí mật trở về nhảy vào cửa sổ, cầm con dao trên ngực dựng tôi. Sáng ra, dựng buồn bã xếp khăn gói lên đường. Hồi đi tôi còn sống, dựng tôi cũng nhiều lần bỏ nhà đi ngủ với một ả bán quán trên ga xe lửa. Đi tôi thì đau ốm nằm ở bệnh viện. Hồi còn đi học, có hôm tôi thức dậy nghe tiếng thì thầm ở căn nhà dưới bếp, lúc sau dựng tôi đi lên, thấy tôi còn thức, dựng nói trống :

— Trời nóng, khát nước quá trời.

Tôi cố nằm im, nghe tiếng ho của vú ở phía dưới, cố tiếp tục ngủ, nhưng không thể nào ngủ được. Hình ảnh đi tôi gầy rạc chỉ còn xương với da nằm dính chặt vào tấm drap trắng trên bệnh viện, chiếc bình serum buộc ngay trên đầu giường để chuyển vào mạch máu nơi tay đi tôi đã gần khô. Dường như đi tôi mong một ngày được chết hơn là sống, có lẽ sự sống đã trở thành dai dẳng, khó chịu và phiền toái đối với những người chung quanh. Đi tôi cũng biết được những điều dựng tôi làm, có lần đi tôi nói : đàn ông lúc nào cũng vậy, ít có người đáng hoàng lắm. Ngày đi tôi sắp chết, tôi cúi xuống hôn đi tôi, khi sắp chết đi tôi giống mẹ tôi quá, bỗng tôi ôm đi khóc, tôi hỏi đi có muốn trời gì không ? đi tôi nói bình tĩnh : đi không có chi để trời cả. Tôi hỏi thêm : đi sắp xa có buồn không ? Đi tôi mỉm cười : cảm ơn cháu, đi vui. Lời nói tỉnh táo và giống mẹ tôi, tôi càng thấy căm tức những điều tôi chưa bao giờ căm tức, tôi đâm ra thù ghét đàn ông. Những đứa con đi tôi, mỗi đứa đi mỗi ngã. Đối với chúng, tình ruột thịt không còn một liên hệ nào nữa, dựng tôi cũng không bao giờ đề ý tới tình cảm con cái. Con Phương, con Lê, con Tuyết đã đưa nhau ngã hố tình này đến ngã hố khác. Thắng Phan đã có lần cạy tủ bố lấy tiền rủ gái bán bar lên Đà-lạt. Dựng tôi lý luận một cách dễ dàng « tình yêu là một thứ xa xỉ phẩm tô điểm cho tuổi trẻ ». Có lần thắng Phan ôm ghi con Miên ở ngoài rãnh ao, lúc sau con Miên chạy vào khóc nức nở, người vú hỏi nó thì nó hất hàm : Má có cạy miệng con, con cũng không nói đâu, chuyện riêng con, con biết một mình, má biết cũng vô ích. Khi tôi trở về đây, Miên cố làm ra vẻ đứng đàng đầu chào tôi một cách thận trọng rồi tiếp tục tô son vào môi trước gương cũ kỹ dán vào bức tường của mấy đứa con gái đi tôi để lại. Đã nhiều năm tôi xa nó, bây giờ nó có vẻ một thiếu phụ trẻ. Vú nhìn tôi cười :

— Nó mới ở Sài-gòn ra được năm hôm.

Rồi quay sang con gái :

— Anh Vinh đó, con quên rồi sao ?

Miên nói giọng Nam một cách nhạt nhẽo :

— Vinh, à anh Vinh... Con nhớ ra rồi.

Tôi nói với nó lấy lệ :

— Em độ này trông khác hẳn trước.

— Nghĩa là già đi.

— Không.

Nó yên lặng chờ tôi nói thêm, nhưng tôi không tìm ra một câu gì để nói. Buổi chiều rơi xuống những chiếc lá trong khu vườn. Miên nhìn đôi giày đầy bụi đỏ của tôi, nói :

— Anh cũng còn nhớ mà về ngôi nhà này ?

Tôi cười :

— Nhớ thì không nhớ, nhưng không về không được.

— Em cũng như anh, em muốn đi thật xa, muốn không trở về, muốn quên. Em muốn như loài chim, bay mãi, bay mãi đến khi nào rã cánh thì thôi. Nhưng mà em đó, mà em thích ở một nơi, ở một nơi như nơi này, em chấp hai tay vái bà cũng không đi.

Tôi nói buông thả :

— Anh cũng muốn đi xa, nhưng đi xa lại muốn về. Về để mà về, đóng vai một người có chỗ để mà về, em hiểu không ?

Miên buồn rầu :

— Em hiểu.

— Anh phải về như một người còn có gia đình, còn có quê hương, còn có dĩ vãng hiện và niềm kiêu hãnh của tuổi thơ.

— Em thì không bao giờ được phép nhớ đến tuổi thơ nữa. Mỗi người đều có tuổi thơ của mình. Em có cũng như không, bởi vì nó như bản, nó bị nhiều bàn tay độc ác xiềng trói lại, nó bị nhốt trong một cỗ quan tài quá u tối. Em sống như con vạ.

— Em ở Sài-gòn về.

— Dạ, em về rồi em lại đi.

— Em lấy chồng ở trong đó ?

— Chồng em ? Dạ thưa anh, em không bao giờ có chồng cả. Chồng em là những người..... có thể như anh, như dựng anh, như ba em, như anh em, là người Tây, người Mỹ, người...

Tôi cắt ngang :

— Anh hiểu.

Khi tôi chào Miên để lên nhà trên, tôi nghe tiếng nó hát ở phía sau :

« Nước non xa ngàn dặm.... Chúng ta đi ngàn dặm.... »



Lệ đã để lại trong đời tôi như một vết cháy xám, gần mười năm rồi tôi không làm sao quên được. Lệ đã bỏ tôi đi lấy chồng, tôi trở thành một tên tội lỗi, núp nép trong kỷ ức của cuộc tình vỡ đổ. Đã nhiều lần tôi tàn nhẫn nghĩ đến một ngày nào đó nàng sẽ bỏ chồng trở về với tôi, tôi sẽ yêu nàng, dạy dỗ cho con riêng nàng lớn khôn. Tôi đã trở thành một tên sát nhân tàn phế, tên điên rồ lắm cảm, tên mù loà quờ quạng. Lệ không biết điều đó, Lệ cũng không bao giờ nhớ đến tôi. Tôi nhớ nàng như một đêm nhớ sáng mai mặt trời sẽ mọc. Lệ đi thật xa, tôi miệt mài đưa hoài cánh tay lên vẫy, những lớp sương mù trắng xoá, những khoảng trời bí ẩn và những đường phố, những bụi, gió, mùa này qua mùa khác, rơi rụng, tiếc nhớ.

Những lần trở về đây, tôi nhìn thấy khu vườn đã già đi bởi những gốc rễ khô cằn, những ngọn đồi bị cắt ngắn lại dưới tia nắng yếu ớt và âm vang của dòng sông, tôi thấy mình già nua trong những lần trở lại, chân tay của linh hồn đã cùn ngắn, xác xơ, một kẻ bơi ngược dòng nước chảy, tình yêu thì ở tận nguồn cao.

Bây giờ Hạnh gặp tôi trong cơn khủng khiếp của thời gian. Lệ thì như loài chim hót ngoài bực thành cổ xưa. Tiếng hót đó, đậu từ một cành cây không lá, trên một khoảng đất bỏ hoang. Em sẽ hót mãi trên nhánh cây trơ trụi đó. Cái thị trấn tiêu điều không

có gì lôi kéo tôi trở về, không có một sức quyến rũ nào khác. Chiến tranh đã tàn phá quá nhiều. Những ngôi mộ không đào huyết được phủ lên một lớp mỏng cát với những tấm gỗ thông cắm viết tên người chết, những chiếc nón lá còn đặt trên mồ còn mang vết đạn. Tôi nghĩ về Huế với những bài phát thanh, đăng báo. Huế của Hồng, của Thủy, Huế của những ngày tôi còn là một lên học trò rong chơi đã bị tàn phá, đã bị giẫm nát. Tôi cầm tay Hạnh trong hơi lạnh của căn phòng ẩm mốc.

Tôi rót nước trà thêm cho Hạnh, mùi thơm trà ướp hoa lài làm tôi nhớ cha mẹ, nhớ xóm làng đã thật lâu không về. Mẹ tôi, ba tôi đã qua đời, chỉ còn một người anh cả tôi ở lại nhà để lo chạp lại các ngôi mộ đó. Những lúc như hôm nay, tôi muốn trở về nằm gối đầu lên ngôi mộ mẹ tôi như gối lên cánh tay mẹ trong một đêm hè đầy sao. Những buổi chiều nghe tiếng chim hót trên cành sầu đông hoa trắng xóa. Đêm nay, anh sẽ thức trắng với em, với một đêm từ lâu anh không còn biết thức với ai. Em hãy uống hết những chén nước này, hãy kể cho anh nghe những gì em cần nói ra, những u uẩn mịt mù của một đời con gái. Thủy yên lặng nhìn ra khung trời bị nhuộm xám bởi tấm cửa kính.

— Em đi thật sao ?

— Dạ, em phải đi.

Khi Hạnh ngồi gọn mình trên khung xe, tôi đứng lại vòng tay trên bến đậu nhìn nàng cúi xuống, đôi mắt ướt đen trong tấm khăn voan màu mỡ gà, tôi thấy thương nàng hơn lúc nào hết. Bến xe vắng người, chỉ còn vài chiếc xe bám đầy bụi trắng, một vài chiếc đã chạy ra ngoài ô, toán nghĩa quân đứng ngơ ngác nhìn theo, dưới những vòng tròn kẽm gai, những khẩu súng Garant M1 chổng mũi lên trời như những ngón tay khô, sơn đen. Bất chợt Hạnh hỏi : anh trở về một mình có buồn không ? Tôi vịn hai tay vào thành xe : anh cũng muốn níu bánh xe để theo em. Gió lật ngược mái tóc Hạnh về phía sau. Khi xe rồ máy, tôi đưa tay cho Hạnh cầm, chúc em lên đường bình yên.

Những ngày còn lại, một mình tôi với khu vườn ít tiếng động đêm nào cũng khởi đầu bằng cơn mưa ngắn, những cơn mưa thường, bời trắng xóa một phía trời kéo về. Con đường đi lên đồi in nổi bật bóng cây thấp, có nhiều lúc cơn gió thổi một hòn sạn lăn từ chóp đồi lăn xuống. Tôi nằm nghe những nỗi nhớ chạy qua bốn bức tường vôi rữa mòn. Miên mỗi buổi chiều bắc ghế đầu ở trước hành lang, tôi thấy phía sau áo quần và tóc nàng loãng trong một màu đen đục. Phía trước, diện tích một góc vườn vuông có con đường nhìn lên dốc. Tiếng nàng hát như một lý nữ trong cung cấm : « nước non xa nghìn dặm... chúng ta đi ngàn dặm... » Tiếng hát đó, đưa qua mắt tôi như một nhịp võng nhàm chán với một đêm mùa hè rã rời buồn. Tôi nhớ Lệ, nhớ tuổi trẻ bay vù mất hút. Nhớ những ngày theo đoàn người tản cư, nhớ những khuôn mặt quần-rách-áo-ôm ngồi bên bờ đường khóc nức. Hôm trước ngày lên đường, tôi lên đồi, ngồi ở một dốc cao, nhìn xuống dòng sông. Chợt thấy Miên đã ngồi ở dưới mỏm đá, nàng nhặt những hạt sỏi quăng xuống dòng sông, những vòng tròn nhỏ rơi trên mặt nước. Tôi cũng xuống ngồi ở đó, Miên hỏi :

— Anh có nghĩ sẽ vượt được dòng sông này để qua bên kia không ?

Tôi nói :

— Anh cũng mong được điều đó.

Miên chậm buồn :

— Phải, bên đó cũng như bên này, cũng có những tảng đá, những bờ bị nước xoi mòn. Cũng có những hòn sỏi nhẵn bóng như anh và em ném xuống trên dòng sông này. Em cũng muốn vượt sông nước này mà qua.

Những tia nắng bị co rút lại trôi theo con sóng. Những giọt nước lội nhau chạy, đôi chân Miên trắng nõn đặt hờ trên tảng đá. Tôi thấy Miên lạ thường. Nó có một sức quyến rũ như những người đàn bà khác. Tôi nghĩ tới ngày phải lấy vợ, phải sinh con. Đứa con tôi sinh ra được mang tên, được dạy dỗ, được nghe tôi kể lại một vài kinh nghiệm chưa xót về miếng cơm manh áo, về tình yêu khi phải lớn lên. Những đứa con tôi sẽ giống Lệ, giống Hạnh, giống Miên, giống cả Nhật, cả Bằng, cả Thiệu, giống đôi mắt buồn của buổi tiễn đưa trên thành xe, giống bàn tay năm ngón rã

rời ném xuống dòng sông những hòn sạn. Những đứa con tôi sẽ nghe lại lời người vú kể lại, tiếng động ban đêm ở ngoài vườn, đứa con bà bí mật trở về vai mang mo cơm lạnh cứng, một tay nắm chặt cây gươm đầy vết máu người, con mèo hoang tha kèn càng một cái đầu người rữa thịt hôi hám. Hay được nghe một vài ba câu chuyện ở ngoài ngã tư, ngã năm, những câu chuyện nói thầm cho nhau nghe về những đám tang vội vàng bỏ xác trong chiếu rách, bày hai chân trắng toát ra ngoài trong lúc những con muỗi đùn xóc vẫn đậu chổng đít để hút máu. Về những bữa cơm lợm cở, đầy mùi hôi xác người rải rác trong đồng gạch vụn, nổi lên trên con sông. Về những hầm tập thể chôn người, khi quật lên tay chân còn trói chặt bằng những sợi thép cứng như cái xiềng chó (...)

Tôi cầm bàn tay nàng lạnh cứng đặt lên ngực, bất động và trong bóng tối sền sệt, đặc quánh, tôi đã nhìn thấy đôi mắt Miên sáng dịu hiu như vạt nắng cuối cùng in rã rời bên kia bờ sông.

HỒ MINH DŨNG
(3-1968)

Hồ Minh Dũng hiện đang phục vụ trong một đơn vị tâm lý chiến, miền địa đầu giới tuyến.

Với tâm hồn thơ mộng dẫu thần kinh. Hồ Minh Dũng còn nhiều chất lãng mạn, nhưng được tôi rèn trong khói lửa, chắc hẳn rồi HMD sẽ lớn mạnh và còn đi được xa trong tương lai...

VĂN số 115

Mở mắt nhìn Quê hương

Cao-Thoại-Châu

Một bông hồng cho ngày kỷ niệm

*hẹn một năm sau sẽ về đà-nẵng
cũng ngày đầu tháng tám để thăm em
khoảng cách không gian bỗng dựng thành khoảng nhớ
trọn một đời, thí dụ sống trăm năm*

*tưởng xa tạm vậy mà xa vĩnh viễn
buổi chia tay, điểm lạ : lòng phân vân
anh trở lại với ngày xưa : pho-tượng-
đứng-một-mình-trong-góc-công-viên*

*anh nhắm mắt gọi tên từng kỷ niệm
những thư tình hiu hắt niềm cô đơn
những buổi chiều vàng như da bệnh
đi một mình giữa đà-nẵng mênh mông*

hồi đa-năng ba năm làm khách lạ
không ai nhìn như kẻ thân quen
và đời sống ba mươi năm làm khách lạ
không ai nhìn như kẻ thân quen

anh đứng giữa một vòng vây mộng ước
với một hồn đầy ắp những bi thương
với hoang mang của một kẻ đi tìm
với đôn đau một gia tài đã mất
(trong sương chiều em có thấy gì không)

lỡ một đời du bay cùng mộng ước
cổ võ mình tham dự cuộc phiêu lưu
và chung cuộc một mình trên chiếu bạc
mang chính mình sát phạt với hư vô

đã sống như một tên du đãng
đã yêu như một kẻ si tình
đã miệt mài như một nhà đạo hạnh
viết tên người tình trên vách đá trăm năm

ba mươi tuổi giờ anh mới biết
mỗi đời người chẳng chịt những đau thương
sự sống nào chẳng mang nỗi chết
nỗi kinh hoàng đầy ải : lẽ đương nhiên

*xin được nghĩ : trên đỉnh đời tuyệt vọng
là chỗ ngồi cho kẻ làm thơ
và hạnh phúc như lá bùa hộ mệnh
chẳng bao giờ tìm thấy thật riêng tư*

*thơ của anh cũng như đời của anh
cứ mỗi ngày buồn thêm một ít
nụ cười hồn nhiên kẻ như đã hết
anh lấy gì để tiễn đưa em*

*thời thân ái lặng cuộc tình lỡ dở
một bóng hồng thay một trái tim
buổi lên đường đi vào đất hứa
người nhớ mang theo xin người đừng quên*

*xin tạ lỗi với người tình đã-nặng
một năm đã tròn mà chẳng về thăm
lời hẹn về, không ngờ : lời vĩnh biệt
giờ, cúi đầu nhận lỗi, xin bao dung.*

CAO-THOẠI-CHÂU
(6-8-68)

Yên - My

Tuổi đồng quê

DỰ ĐỊNH TRỞ LẠI NGÔI TRƯỜNG CŨ VÀ ĐAM học trò đi chân không rồi tôi cũng bỏ dở, nghĩ đến những chuyến xe Lam sáng sớm, những buổi trưa ở lại trong lớp học nhìn những con chuột bò ngu ngơ trên tường, tôi bỗng cảm thấy ái ngại. Những con thằn lằn xám trên nền vôi vàng, những tổ chim sẻ trên nóc mái ngói, những bàn chân bần đen đúa, những buổi dạy bất an, những người lính áo đen ở ngoài cửa kính lớp học, đó là những điều tôi nghĩ về ngôi trường nơi tôi sẽ đến. Trường quận nào rồi cũng đến thế mà thôi. Cũng vẫn có những bữa ăn trưa trong lớp học, cũng vẫn những chuột, thằn lằn... nhìn tôi ăn một mình. Buổi sáng ngồi trên xe Lam tôi có cảm tưởng mình đang nhào lộn trên dây xiếc. Những vụ mìn nổ không còn là những tình cờ nữa, tôi chông chênh ngay trên đường đến lớp học. Thầy có muốn nói thêm gì với các em đâu, các em đã biết quá nhiều. Bây giờ đời sống đã cung cấp cho các em những bài học mới lạ. Không lẽ thầy nói về nỗi lo sợ của thầy khi ngồi trên xe, không lẽ thầy mô tả lại những buổi trưa ăn cơm một mình, những chiều hốt hả đón xe về Huế, không lẽ thầy nói đến đồng lương của thầy và đám học trò ngày một thưa dần. Thầy biết các em không một ai muốn thầy phải lải nhải những thứ đó. Các em chỉ

cần thầy như cần có một người anh. Thầy cũng muốn thế. Bài học trong lớp chỉ ru ngủ các em vài giờ, sau đó thầy biết các em sẽ đối diện với những điều mà sách vở, thầy giáo chẳng bao giờ đề cập đến... Tôi đã nói như thế trong niên khóa vừa qua. Và trong đám học trò tôi, có đứa cảm động, buồn bã ra mặt. Không khí lúc đó trở nên kỳ dị. Tôi quên đi những nhọc nhằn, cái kính, tôi quên những ngày nghỉ quanh quẩn trong Thành Nội, những buổi la cà bạn bè cho đến lúc mệt nhoài mới trở về, nằm xuống giường như nhánh củi khô để mừng tượng lại những khuôn mặt kỷ niệm, tôi quên những buổi vũ gia đình... Trước mặt tôi bấy giờ là đám học trò đi chân không và những mái đầu đen như đêm nông thôn. « Có một sự thật mà thầy còn giấu giếm bọn em là bốn giờ chiều thầy đã về Huế, thầy đã trốn chạy như thể ở đây đang có binh dịch, thầy không xứng đáng để hướng dẫn bọn em nữa, thầy ích kỷ, thầy không ở lại để cùng bọn em nghiên cứu những bài học không có ở học đường ». Đứa học trò tên Ngọ đã nói với tôi như thế trong ngày cuối năm. Hắn đã trút tất cả cảm phần vào lời nói đó. Hai ngày sau, Ngọ bỏ đi đâu mất. Đám học trò tới lớp giữ vẻ im lặng bí mật. Tôi biết Ngọ đã đi đâu rồi nhưng cũng giả vờ hỏi một nữ sinh « Dạ, thưa thầy trò Ngọ vào Đà-lạt rồi, nghe đâu trò vào đó để làm nhân công cho một hãng trà ». Những đứa khác cũng đều có những câu trả lời tương tự thế. Có một toa rập cố ý, có một biểu đồng tình về việc ra đi của Ngọ. Tôi thấy mình đang bị lừa dối. Tự dưng, Ngọ trở thành vấn đề nghi kỵ, dọ dẫm thái độ giữa tôi và đám học trò. Lớp học vào cuối năm đáng lẽ phải háo hức vui vẻ nhưng đằng này lại trở thành gượng gạo khó chịu. Cái không khí thông cảm thầy trò của buổi đầu niên khoá đang bị tan loãng đáng sợ. Tôi cảm thấy mình đang đứng trong một thân tình tan rã. Thầy có muốn thế đâu, các em có muốn thế đâu, bài học ngoài lớp đã dạy cho các em nghi kỵ, dối trá, lừa đảo, đã dạy cho các em thứ im lặng đáng ghét, thứ thì thầm lạnh buốt gió đông, thứ nhìn lạc lõng đáng sợ. Đám học trò đã biến tôi thành một nhân vật trên sân khấu. Tôi đã diễn gì đây. « Này Nam, không có gì cần phải lén lút, giấu giếm với thầy cả. Sau giờ bài học, Nam ở lại lớp vài phút thầy cần nói vài chuyện... » Nam sợ hãi đứng dậy lúng túng như sắp từ chối. Tôi nói thêm: « Ở lại cộng điểm giúp với thầy ». Nam ngồi xuống. Tôi ra đứng ở cửa nhìn cánh đồng xanh như một tấm

thảm. Vẻ mềm mại của lúa như những tà áo xanh nữ sinh bay bay trong đường chiều. Tôi nghĩ đến bọn học trò ở tỉnh với những đôi giày mũi nhọn bóng láng... Tự dưng tôi quay vào, nhìn xuống gầm bàn: những bàn chân trần, bàn duỗi thoải mái trên nền xi-măng. Một đứa trong lớp hỏi: Dạ, thầy tìm chi để em tìm giùm cho». Tôi thảng thốt rồi đỏ bừng mặt « Không, không tìm chi cả ». Tôi đã trả lời ngoài dự định của mình. Những bàn chân trần dơ bẩn, thầy đâu có ý khinh bỉ gì các em, nhưng thầy nghĩ khác: ở trong một hoàn cảnh mà tất cả các em đều đang chuẩn bị để chui xuống hầm, đời sống ở đây đâu còn bình thản, ung dung như ở tỉnh nữa, các em còn phải đi chân trần để có thể chạy thật nhanh, thật xa, còn phải lội trên bùn, lội trên ruộng... Thầy biết hoàn cảnh các em lắm mà. Tôi dự định nói với học trò như thế nhưng rồi tôi cũng bỏ dở. Giáo trình chưa có dự liệu những điều đó. Và nếu tôi tự ý nói ra như thế lúc này cũng không được ổn lắm.

Buổi học tan, Nam rút rề đến trước mặt tôi: « Dạ, thưa thầy con đã cọng điểm rồi. Dạ... trò Ngọ có gửi lời cảm ơn thầy ». « Cảm ơn tôi, tôi đã làm gì giúp trò Ngọ ? » « Dạ, trò Ngọ nói là nhờ những điều thầy nói ở lớp mà trò đã tìm thấy con đường để đi, đã xác định được một chỗ đứng. » Nhờ những điều tôi nói ở lớp học. Tôi đỏ mề hôi khắp mình. Chưa lúc nào tôi thấy bàng hoàng bằng. Tôi đã nói được gì ? Lời nói của một giáo sư tác dụng, ảnh hưởng lớn lao trên đời sống học sinh ở ngoài sức tôi dự tưởng. Tôi đã nói gì với đám học trò: về chiến tranh, về quê hương, về đồng tiền... về sự có mặt quá nhiều của lực lượng Đồng-minh... Không, tôi đã tránh né những vấn đề đó, tôi chưa bao giờ trình bày những suy tư, thao thức nóng hổi về những vấn đề đó ở trong một lớp học bất an như thế. Tôi chưa bao giờ phủ dụ một lý thuyết nào. Tôi cố nhớ lại tôi đã nói gì ở trong lớp học. Một năm qua, tôi đã sống trong một tâm trạng giả hình, tôi vừa sống cho những phút nơm nớp lo sợ về một viễn ảnh có thể xảy ra, tôi ở giữa những ánh mắt tránh né, những cái nhìn lặt lọng; Đẳng khác sau bốn giờ chiều, tôi trốn chạy về Huế hoà mình vào những cuộc vui bạn bè, rong chơi trong phố biển. Tôi đã nói gì với đám học trò đi chân trần ấy. Một bài giảng về Nguyễn Trãi và mười năm kháng chiến. Có lẽ Ngọ đã rút ra những lời nói cần thiết cho hắn từ trong bài giảng đó. Tôi không quyết chắc một lời nào cả.

Ba tháng hè đã qua, hơn ba tháng tôi chưa gặp lại một người học trò đi chân trần nào. Những ngày tháng hạ kéo dài trong nỗi ám ảnh về chuyến đi của Ngọ. Tôi bứt rứt bần thần biết mình có chịu trách nhiệm ít nhiều về thái độ của hắn.

Những buổi chiều xanh xao trong khu vườn, tôi vòng tay ôm Phước như một lãng quên phiến toái bên ngoài. Tôi tưởng mình có thể quên hết. Quên những ngày lặn lội về dạy đám học trò đi chân không, quên những ụ đất chắn đường xe Lam chạy, quên những tờ truyền đơn bỏ đầy học bàn thầy giáo ; Tôi tưởng mình có thể quên những người học trò như Ngọ, quên tình cảnh lớp học ngày một thưa, quên những rầy rà của ông quận trưởng về việc không kiểm soát và nắm vững học trò... Những điều đó gắn liền với đời sống tôi như chính hơi thở. Chưa bao giờ tôi tạo được những khoảnh bình an, thoải mái khi ở gần bên Phước. Nhiều khi tôi đắm thân thờ kỳ lạ, hối hận mình đã không nói hết ý nghĩ của mình với đám học trò, với người yêu : « Không phải anh hờ hững đâu, tại vì cuộc sống bất an, tại vì những điều anh chưa kịp nói ra với đám học trò. Ở trong tình yêu thì anh hào hoa, anh tham lam, nhưng ở trước đám học trò anh ích kỷ, anh ù lì. » Nhiều ngày qua, tôi muốn tỏ bày với Phước chí hướng nhà giáo, vai trò nhà giáo trong thời chiến, tôi muốn nói thật nhiều về những con thằn lằn xám trên tường vôi vàng, về những bữa cơm trưa một mình chỉ có gió đồng thời rì rào trên hàng tre. Tôi muốn hướng dẫn đám học trò thật tích cực và hữu hiệu. Và nhiều ngày vòng vòng qua, dự định trở lại ngôi trường cũ ám ảnh tôi kỳ lạ. Ở cuối ý nghĩ là hình ảnh những bàn chân trần, bần, đuổi thoải mái trên nền xi-măng. Ít nhất những phút đó chúng cũng nghỉ ngơi và bình an đôi chút, ở những phút mà con chuột bỏ ngu ngơ trên bàn học, những con thằn lằn xám nhìn đám học trò cúi đầu làm bài, những con chim sẻ nô đùa trên mái ngói và những sợi tóc mềm phơ phất trong gió. Cái quyến hút của nghề dạy học là ở phút đó. Tôi quyết định trở lại ngôi trường cũ trong ý định là sẽ nói nhiều, thật nhiều, nói đến nơi đến chốn, không bỏ lửng ý tưởng, không nói nửa chừng và chịu trách nhiệm về những điều mình nói ra.

Tôi trở lại ngôi trường cũ. Những chùm hoa giấy bỏ lan trên hàng kẽm gai. Nhiều biểu ngữ mới được treo lên trong lớp học. Ban đêm, trường là nơi đóng quân của cán bộ binh định. Buổi dạy đầu năm, học trò cũ mừng rỡ thấy tôi bước vào lớp trong dáng chừng chạc và cởi mở. Tôi lấy sổ gọi tên. Có đứa mang vóc dáng tuổi mười sáu. Lớp học ba mươi trò, nam nữ học chung, tôi nói vài lời: « Năm nay thầy sẽ giải đáp mọi vấn đề, thắc mắc của các em, nhất là những vấn đề chưa được giải đáp còn ứ đọng từ hồi năm ngoái »... Trong sự im lặng ngọt ngào của lớp học, tôi nghe tiếng xe Lam nổ thật lớn ở phía đầu làng, tiếng súng lẻ tẻ từ xa vọng lại, tiếng ầm ầm của nhà máy gạo. Tôi ngừng nói và nhìn xuống gầm bàn: phần đông học trò vẫn còn đi chân trần. Ngày nào thì hết thấy các em đi guốc, đi giày? Tôi biết mình cũng can dự một phần vào trong câu trả lời đó. Ngày nào thì không còn những đứa học trò tôi mười sáu, mười bảy bỏ đi như Ngọ? Có phải là nỗ lực chung của mọi người? Ở chỗ đứng của tôi, tôi biết mình không thừa thãi, nhưng nói như thế nào với chúng, làm thế nào để chúng tin tưởng? Tôi nhìn lên trần lớp để tìm gặp lại những chú thằn lằn xám lì lợm, những ả chuột bỏ ngu ngơ trên nóc nhà. Hình ảnh vẫn không có gì khác lạ. Chỉ có tường vôi loang lổ vì trứng đạn, mái ngói hồng một lỗ lớn được vá vữa bằng một tấm tôn. Lớp học trông thảm hại ghê gớm chỗ trú trong vài giờ của đám học trò tôi cũng đã biến thành những chứng tích. Tôi bắt đầu giảng như thế nào về niềm tin tưởng trong ca dao khi lớp học bất an? Không còn một chỗ nào ở ngoài lớp học để chúng có thể vui đùa, thanh thản. Chỉ còn khung cảnh học đường với bảng đen phấn trắng, chỉ còn những con chuột thằn nhằn bò trên nóc nhà, những con thằn lằn ngơ ngác nhìn bàn ghế chông chênh, đàn chim sẽ nô đùa trong sân trường. Các em nghĩ gì trong niên khoá mới? Thầy đã hứa là sẽ giúp các em hết mình. Nếu cần chúng ta cùng nhau thảo luận để tìm đạt một ý thức hệ. Khi đã trang bị cho các em một ý thức hệ rồi thầy không còn lo lắng nữa. Các em sẽ là những người không bao giờ bị ai lừa phỉnh, mua chuộc, lợi dụng cho những toan tính bất chính. Các em sẽ trở thành một lực lượng nòng cốt cho đất nước...

Tôi thấy những nụ cười trong mắt đám học trò. Cuối giờ, cuộc thảo luận trở nên sôi nổi. Trống đánh bãi học. Kỳ sau chúng ta sẽ thảo luận tiếp. Những ngày chờ đợi đám học trò đi chân không đến lớp học để thảo luận tiếp, lúc ấy có gì xảy ra, biến đổi đối với đời sống hiện tại? Còn có đứa nào bí mật bỏ học để cha mẹ phải đến trường hỏi dò tin tức? Đám học trò đứng lên khi tôi bước ra khỏi lớp.

Tôi đi dọc theo đường làng, hăm hố lổm chổm. Cái bảng hiệu ấp đời mới như mang lại một sinh khí cho đời sống ở đây ít nhất là nhìn từ bên ngoài. Ba ngày nữa mới có giờ học để cùng thảo luận tiếp với học trò tôi. Thời gian đó có gì xảy ra, có gì trở ngại? Tôi hết hoảng, tôi nóng nảy mong mau tới ngày ấy. Những giờ phút ở chốn này đi thật chậm và mang theo cái không khí rình rập đe dọa. Biết có gì đang oà ngập đến, đang xoè cánh tay lớn chụp xuống đời sống bấp bênh? Chẳng trách gì đám học trò tôi, chúng cứ nhìn lăm la lăm lét, chúng vội vã hết hoảng như chưa bao giờ có những phút thanh thoi, vô tư lự. Thái độ háo hức một cách bí mật của chúng nhiều lần làm tôi phát hoảng. Tình cờ gặp Niên. Niên mới đổi về đây phụ trách môn lý hóa. « Ăn cơm đâu trưa nay? ». « Có thể ghé quán này ăn cũng được, có người quen ở đây hứa sẽ nấu cơm trưa giùm *moi*, giá rất hạ, *toi* đến đó ăn với *moi* cho vui. » « Ờ, để xem lại đã! » Chúng tôi ngồi vào bàn. Dĩa cơm bốc khói. Niên nói: « *Moi* ngán không khí ở đây quá, tụi học trò trong giờ học chỉ chú ý đâu đâu, có đứa suốt buổi không cười một tiếng, có đứa mãi mê nhìn mấy anh cán bộ bình định... Chưa có một trường nào có những học sinh bí mật đáng sợ như ở trường này. *Moi* lại ngán mấy ông cán bộ quá, giờ học mà cứ đứng ngoài hết nhìn đứa học trò này đến đứa khác làm như chúng là cái gì gì đó...Này tui mình đề nghị với cụ hiệu trưởng nên tách rời ảnh hưởng của ông quận trưởng *toi* nghĩ như thế có được không? » « Ừ mình nghĩ cũng cần thiết lắm, vì mỗi nơi đều có sự chiến đấu của nó. Giáo chức như tui mình còn phải phấn đấu trong một cuộc chiến chỉ cần một khoảnh khắc là có thể sa ngã và bỏ cuộc! »

Sau bữa cơm trưa, tôi bắt tay Niên: « *Toi* cố gắng gần gũi với đám học trò, tui nó cũng như mình đang còng lưng gánh chịu những cảnh tàn phá... Nhiều lúc cần phải học hỏi ở chúng những

bài học nóng hổi máu, nước mắt và niềm sợ hãi do xã hội thời chiến mang lại, tại nó cũng có những thao thức, những hốt hoảng của lứa tuổi mình... Thôi *mọi* cần đến trường có chút việc. » Tôi rời quán ăn đi miết một hồi. Nắng kết thành sao trên ruộng; tiếng gà eo óc trong xóm trưa. Âm thanh lao xao đuổi nhau trong đầu. Trưa ở đây mang theo vết chân nó sự căng thẳng chờ đón biến cố. Tôi đến cổng trường. Nắng thủy tinh trên mái tôn. Chỉ có nắng và lòng rạo rực chờ đợi ngày học. Tự dưng, tôi thấy bất an trong nỗi chờ đợi đó. Tôi cảm thấy chên vênh, ngất ngưỡng khi đứng trước lớp học. Vẫn những con thằn lằn xám trên tường vôi vàng, những con chuột rúc rích trong gầm bàn, những dãy bàn ghế chông chơ. Tôi bước lên bục, làm dáng đúng cách của một diễn giả chính hiệu. Tôi nói gì với niềm im lặng trước mặt, tôi nói gì với cái bảng đen sau lưng, nói gì với cổng trường rào kẽm gai, nói gì cùng thằn lằn, chuột, chim sẻ... Nỗi im lặng khốn cùng. Anh muốn nhắc tên Phước để được nghe mình lên tiếng. Tôi muốn trông gặp lại Ngọ một lần để nói những gì tôi chưa đủ can đảm nói hết. « Thầy không có gì để Ngọ phải cảm ơn cả. Đừng mĩa mai đến chỗ đứng hiện tại của thầy. Bao lâu còn sự ích kỷ thiển cận của những người thành phố, bao lâu còn đầy rẫy hăm hồ chất nổ sẵn sàng muốn nổ bất cứ lúc nào, bao lâu các em còn nghi thầy làm công an chìm và bao lâu còn cảnh lầm than, nghèo đói thì sớm hay muộn, tất cả những miền đất bùn tăm tối nhất định phải đứng dậy làm cuộc cách mạng xã hội để đòi quyền sống. Lớp học của thầy sẽ đứng dậy. Sao Ngọ đứng dậy sớm thế? Ngọ đã trang bị một ý thức hệ nào chưa? Thầy biết Ngọ bị thầy đầu độc ở những lời nói chưa thành. Ngọ đã đứng dậy quá sớm và chưa phải lúc. Phải đợi thầy và bạn học của Ngọ với chứ, đợi đến lúc thầy thanh lọc hàng ngũ giáo chức đã, khai trừ những tên gõ đầu trẻ bần tiện, ích kỷ và ù lì ». Tiếng nói tôi dội vào bốn bức tường, gió đuổi nhau trên hàng tre. Những tiếng động của nhà máy gạo âm ỉ. Tôi đã sống qua những buổi trưa như thế này, tôi đã học ở đám học trò những điều bí ẩn về đêm, tôi đã hỏi những mảnh vụn trên vách tường: nỗi chua xót từ đâu mang tới? Các em nghĩ gì lúc này. Đừng đặt một chỗ ngồi quá đẹp, quá sang trọng cho thầy, đừng tách biệt thầy thành một kẻ lạ, thầy và các em là một. Thầy sống bung bít ở thành,

chính các em mới là những người đủ tư cách để nói về xã hội, về giáo dục, về những cái thừa và thiếu của giáo dục. Thầy còn học thêm ở các em những kinh nghiệm về nghi kỵ và đối trá, về đau khổ, chết chóc và đe dọa. Bài học ngoài đời muôn mặt và dài quá. Phải để cho thầy tham dự vào đó, phải để cho thầy học thêm với chứ. Tôi đứng rũ người như một con gà bị ướt sũng nước. Những con chim sẻ bạo dạn nhảy nhót trên bàn học. Tiếng động oà vỡ trong nắng. Tôi giật mình nhìn qua cửa sổ. Người học trò đứng thấp thỏm ngoài hành lang. Nam đó hả, vào đây. Nam bước vào rụt rè. Có chuyện gì mà em đến tìm thầy thế? Dạ Ngọ nhấn thầy nên về phố càng sớm càng hay, đêm nay thầy đừng ở lại đây với tụi em nữa. Không thể được, thầy đã nói hồi sáng, thầy quyết ở lại cùng với các em mà. Nhất định thầy phải ở lại... Ở lại để hỏi với đêm nổi đe dọa từ đâu mọc ra, để cùng khám phá niềm bí ẩn của những bài học ngoài đời. Thầy không phải là thứ ừ lì, thiếu trách nhiệm. Em hãy bảo lại với Ngọ để cho thầy yên với đám học trò đi chân trần, dơ dáy của thầy. Làm gì thì làm nhưng tránh bắn phá ngôi trường, đừng biến trường học thành pháo đài vì đó là nơi nô đùa thanh thản vài giờ của bạn bè Ngọ, nơi mà những hàn chân trần có thể đuổi thoải mái trên nền xi-măng. Đừng đập phá những nét còn lại trên một quê hương khốn khổ, ngật nghèo. Bảo với Ngọ trường mới khai giảng hồi sáng...

Buổi chiều, lính ở trên quận về bố trí dọc theo bờ đê. Mọi người đều thối cơm sớm hơn hằng ngày. Tôi nuốt khó khăn búng cơm cuối cùng và nghĩ đến sáng mai chuyển xe Lam không về đây được. Chiếc trục thăng sà thấp trên mái nhà rồi bay vòng vòng trên ngôi trường. Mọi dự định của tôi đang bị đe dọa trầm trọng. Bóng tối xuống thật chậm như muốn mở cánh thật lớn. Nỗi bí ẩn từ đó. Sự chờ đợi ở đó. Đám học trò tôi chắc cũng nghĩ như thế. Đêm nông thôn có những móng vuốt thật nhọn và mở rộng chơi với. Tôi mang tâm trạng của người chờ đợi điềm diện lên bao cát. Nửa đêm, địch pháo kích vào chỗ trú quân của đoàn cán bộ bình định. Những tiếng nổ bùng tôi lên, nổ từng loạt. Tôi xuống hầm ngồi bên Nam « Pháo kích vào đâu thế? » « Ở trên trường mình đó » « Chưa dạy gì được cả. Chưa nói hết lời đã có sự xáo động. Không biết ngày mai học trò có

giữ vẻ bí mật khó chịu như những lần trước ? Hay lại có thêm những đứa bỏ học như Ngọ, nghỉ học không có lý do chính đáng ? »

Mười lăm phút sau tôi nghe yên tĩnh rình rập trở lại. Súng nổ lẻ tẻ đâu ở phía đầu xóm, những con chuột bò rúc rích dưới chân tôi.

Buổi sáng tôi phờ phạc cả người. Nam đem tin về : lớp mình bị hư hại nặng, một người cán bộ bị thương ở vai. Tôi nhẹ nhõm người, mặc vội quần áo rồi tất cả đến trường. Tôi bồn chồn khó chịu. Hình như tôi đang đánh vỡ một cái gì. Cổng trường kẽm gai được người cán bộ bình định đứng gác. Tôi ngược nhìn những lỗ hổng rải rác trên mái ngói. Một lát sau ông hiệu trưởng tới bảo « quận yêu cầu trường ta cho học sinh đi dự mét-tinh. » Học trò sắp thành hàng, đi đầu là biểu ngữ. Tôi mừng rỡ tưởng câu nói ngày nào của một phụ huynh : « Thầy làm thế không phải, tôi gọi con em tới trường để học chứ không học đả đảo, hoan hô ; nếu có gì xảy ra thầy có chịu trách nhiệm không ? » Tôi biết trả lời thế nào cho ổn đáng, tại vì ông quận trưởng tại vì cụ hiệu trưởng hay tại vì Ngọ phá hoại ? Đứa học trò cuối cùng khuất sau bụi tre là ngà, tôi lững thững theo. Chỗ nghỉ ngơi vui đùa của các em cũng bị tàn phá. Các em còn chỗ nào khác đâu ? Điều thầy mong ước là từ đây không còn có một trường hợp nào giống trường hợp của Ngọ, không còn những nông nổi, bốc đồng chợt đến trong đời mỗi em khi cần thiết phải xác nhận một chỗ đứng. Phải cùng thầy nghiên cứu thật kỹ lưỡng bài học ngoài đời rồi sau đó ta mới tìm thấy con đường...

Sau đêm pháo kích, buổi học sớm sau vẫn bắt đầu. Đám học trò hết nhìn lăm lăm lét, thôi nói chuyện nhỏ to bí mật. Tôi nghĩ những bàn chân trần có thể tiếp tục đuổi thoải mái trên nền xi-măng ; Những con chuột vẫn bò ngu ngơ trên bàn, chú thằn lằn xám trên tường với vàng tắc lưỡi buồn bã, đàn chim sẻ ngoài hàng rào kẽm gai bay đâu mất. Một vài đứa trong lớp nghỉ học. Lớp học đầu năm khởi sắc trong điều tàn. Tôi biết mình đang đứng trong một thân tình bấp bênh « Thầy bắt đầu hướng dẫn từ nỗi khó khăn đó ; Cám ơn các em đã giúp thầy

niềm tin, cảm ơn lớp học đã cho ta phút nô đùa thanh thản với mắt nhìn xanh xao hy vọng của các em.» Tôi cầm viên phấn và mở đầu niên học mới.

YÊN-MY

Yên-My vừa mới tốt nghiệp trường sư phạm, và sẽ bắt đầu vào đời làm cái nghề mà A. Camus đã cho là chỗ dễ sa lầy nhất đối với nhà văn.

Liệu trong tương lai nhà giáo Trần Hữu Lục có làm được khác với điều lo lắng của nhà văn danh tiếng nọ?...

Đã phát hành toàn quốc

THI-CA MIỀN TRUNG VIỆT - NAM

do LƯƠNG TRỌNG MINH biên soạn

*Với sự hiện diện của 32 nhà thơ
trong Mười Năm Thi Ca (1957-1967) :*

TRẦN GIA THOẠI — LAM GIANG — NGUYỄN NGU
Í — NGUYỄN THỊ MỸ LINH — TÔ NHƯ — PHỒ
ĐỨC — HÀN LỆ THU — TRẦN HUIỀN AN — VŨ
THỊ YẾT TRANG — DUY NĂNG — ĐỖNH TRẦN CA —
TRỌNG THU — NGUYỄN DẦN — SINH HÒA — THÙY
DƯƠNG TỬ — TRẦN HOÀI THU — LÊ VĂN NGẮN —
HOÀNG NGỌC CHÂU — NGUYỄN TIỂU ĐÀO v...v...

Phạm Trần Nguyên

Lời nói

buổi học cuối cùng
ở Hương-cần

*Mùa hạ trở về bằng đôi mắt chó dữ
bằng những buổi sáng ngái ngủ trong sương mù
bằng những buổi chiều tà buồn thảm
ở một ngôi trường xiêu đổ nào đó*

.

*thầy giáo cúi đầu nói : già biệt
già biệt chỗ ngồi quanh năm giúp ta thấy
những sự thật đau lòng không bản thống kê
không đóng khung không tô màu sơn phết*

những bi đát như hôm nay các em ngồi học
sáng mai ra thấy xác giữa đồng cha mẹ
tảng lờ đi

những buổi học cứ vơi dần như thế
ai trả lời thầy ? và thầy biết giảng gì đây ?
những bài công dân hay công dụng về mình
có thể các em sống đời không chọn lựa
không phân vân bởi mũi súng đã kèm bên
có thể chúng ta sống kiếp thừa kế khác
giữa bao điều chấp nối mãi không thôi.



Mùa hạ trở về khi vườn cây trái chín
bàn tay nào sẽ hái các em đi
buổi học cuối cùng còn dăm ba trẻ
thần thờ nhìn lại tấm bảng đen
mai bãi học không còn ai tô vẽ
nên sẽ thành màu ám ảnh của tương lai
mai bãi học thầy tung đàn chim nhỏ
bay giữa trời bao tổ mãi không thôi.

PHAM-TRẦN-NGUYỄN

Nguyễn Lệ Uyên

Đong đưa kỷ niệm

LÚC XUỐNG DỐC HƯỚNG CHO XE CHẠY thật chậm sát bên lề cỏ cháy tránh chiếc xe ngựa chở đầy rạ và củi mục chạy ngược chiều. Lão xà-ích cười giờ tay vẫy chào Tài. Hường nhớ mang máng đã gặp lão ta ở đâu một lần nom quen quen. Miệng lão chu ra chực vồ về con ngựa mà như mếu. Khuôn mặt lão đen cháy nhăn nhúm khờ cực như con ngựa ô đen của lão đang cố sức kéo chiếc xe qua khỏi con dốc cát lún. Lên giữa dốc, chiếc xe lắc lư như muốn lật. Lão nhảy xuống đất. Tay cầm sợi dây cương giữ đường. Tay kia đè mạnh gọng gổ đen bóng cho ngựa kéo đỡ nặng. Người lão cùng khum theo con ngựa đang cong mình lấy đà phóng tới. Lông nó ướt đầm mồ hôi nom như tắm. Lão xà-ích giật giật dây cương có ý thúc giục. Con ngựa dườn mình chồm tới, hai vó trước giở thật cao, hai chân sau cố bịn vào lớp cát như muốn thu ngắn con dốc lại.

Qua khỏi dốc lão xà-ích thót ngồi lên mé sân. Hai chân vắt tréo bỏ thông sang một bên đong đưa. Tiếng roi lão vung vun vút trong gió thoảng nghe xa gần. Chiếc xe xa dần, thấp thoáng sau hàng cây gạo nở bông trắng xóa hai bên vệ đường rồi mất hút

ở khúc quanh chạy ra mé biển. Những đám bụi mù còn sót lại không gặp gió bay lảng đãng quanh quất trong một khoảng đường ngắn, lập lờ như những con bướm chấm đen vẩy cánh trên mấy cụm hoa dại màu vàng phía bờ mương bên kia.

Tài ngồi phía sau yên có một chân gác lên khung xe đưa tay chỉ dãy núi xanh lam trước mặt.

— Hồi tôi nhỏ cả xã tản cư lên đó.

— Bây giờ nếu phải đi lại chắc cậu quên đường.

Hương vừa né tránh một ổ gà khá lớn vừa hỏi Tài.

— Mười mấy năm rồi chớ ít sao. Chị Huệ đến bây giờ vẫn còn kêu hãi mỗi khi có ai nhắc lại chuyện tản cư đó. Chị nói nếu có giặc nhất định chị không thêm lên núi nữa. Nghe ve kêu cả ngày như thấy bọn âm binh ma quỷ đang lẩn quất bên mình. Chị Huệ nói phát ốm vì nghe tiếng ve kêu.

— Cô Huệ thì lúc nào không kêu hãi. Một lần nghe cô ấy kể về ngọn núi Ênh mà như nghe bà cô kể chuyện ma.

— Nè anh, rủi giặc có cả trên núi lẫn dưới biển mình chạy đường nào nữa anh.

Nghe câu hỏi ngây ngô đối với số tuổi sắp làm người lớn của nó, Hương cười ặc ặc trong cổ.

— Mẹ kiếp, tới chừng đó cậu đã trở thành Tề Thiên Đại thánh bay ở trên mây còn chạy chi cho mất công.

Tài rụt cẳng ngăn ngợ, nhớ lại đồng sách trẻ con, bìa vẽ hình Tề Thiên cầm thiết bãng, nó đã đánh cắp của con thầy Quỷ đem về chắt đầy đầu giường. Tôi ngủ lúc nào cũng mơ thấy mình hóa thành Tề Thiên phóng vô vườn Tiên ăn trộm đào. Sáng dậy Tài đem chuyện kể cho bà cô nghe. Bà cô nói mây giống bác Cả hồi xưa hết sức. Khuya nào tao cũng nghe bác mây hét « ta là Trương Chi, ta là Trương Chi ». Từ đó đồng sách biến mất và Tài cũng không còn mơ thấy mình là Tề Thiên.

Xuống khỏi dốc một khoảng khá xa xe nổ lốp. Tài nhảy xuống phúi bụi ở gấu quần la lớn nhưng vẫn không át nổi tiếng máy nổ ầm ỉ.

— Xui quá anh ơi. Hồi đi mình không coi. Lốp xe bong biên tự hồi nào, lại đi đường đá.

Hương chống xe lên, hỏi xem phía trước có tiệm vá nào không. Tài lấy tay ấn vào chỗ vỡ lắc đầu. Hương ngán ngại nhìn nó.

— Hay ta quay về thôi. Đi kiệu này hết hứng.

— Bà cô la chết.

Tài đứng dậy dẫn xe dựng chỗ trụ sở, kéo Hương ngồi xuống ván cầu, cúi nhìn bóng mình dật dờ trong dòng nước xanh để chờ xe xuống Phú-ân.

Lúc tìm được xe, trời bỗng tối sầm lại. Con mưa kéo qua thật nặng hột. Tài chỉ chiếc xe hư cho người tài xế rồi nhảy vô ngồi giữa lòng xe Lam. Hương thông thả vừa đi vừa nhìn ngọn núi Chóp mờ mờ trong mưa mai. Cỏ Rùa sỏi như đỏ hơn mọi khi. Trên đỉnh núi những đám mây trắng cứ thấp dần thấp dần. Đồn canh và những vòng kẽm gai của bọn Diêm như xóa nhòa trong cơn mưa và đám mây đó. Những ngôi nhà dưới chân núi cũng mờ theo.

Diêm bắt đầu trấn đỉnh núi hơn một năm. Mỗi lần về thị xã Diêm đều chạy đi gom những đứa bạn còn sót về nhà di Sáu ngồi quanh chiếu nghe hắn tả oán. Hắn gối đầu lên đùi Phúc để tưởng mình còn ở trên núi, đang gối đầu trên phiến đá nhẵn thín nước mưa. Hắn nói, « Bọn tao nằm ở đó, có ngày bị xơi dễ như chơi. Không có gì bảo đảm « ngọn đồi » trọc đó hết. Những tảng đá to chồng chất ở dưới trở thành những cái hầm rất kiên cố cho tụi nó núp bò lên. Tao có nghĩ đến kiệu lăn đá thời xưa. Nhưng tết maroc tụi nó mới chết. Buổi trưa trời nắng tao ra ngồi trên mô đá nhìn mấy vòng kẽm gai và thành phố phía dưới mà thấy tủi thân cho kiếp « tương biên khu! ». Phải chi tao có được một con vợ để mang lên đây. Ngày đêm hi hục với nó chắc đỡ buồn. » Nhìn chóp núi cao Hương thấy nỗi buồn của Diêm đọng đưa trên đó, giống dòng sông Chùa mùa nước lũ kéo trôi những cây ngô cây khoai còn non bập bênh. Nỗi buồn của Diêm ào ạt như mỗi khi Diêm xuống núi một cách ồn ào vội vã. Diêm bắt bọn Hương, Phúc, Thục phải ngồi trên chiếc xe Jeep cũ mượn của Trung đoàn để đi lùng diêm. Hắn xông xáo, sục sạo la hét tưởng chừng trên thế gian này chỉ còn mình hắn. Đôi lúc tìm không ra. Diêm lái

xe chạy thực mạng khắp các con phố giờ tay lên la om sòm « Đ. m., điếm mà còn hiếm nói chi tới chuyện cưới vợ ». Điếm la. Bọn Hương mỗi đứa đều bám chặt vào thành xe. Điếm cho xe chạy vòng vòng qua ngã năm, xuống sân vận động gặp đám nữ sinh trường Nguyễn Huệ tan học ; Điếm cho xe leo thẳng lên vỉa hè chỗ miệng ra hỏi. « Em nào chịu lên xe theo anh về nhà. » Đám nữ sinh lùi giạt về phía sau. Điếm cho xe leo xuống : « Bọn mày có đám học trò mất dạy quá »...

Hương chui được vào xe, áo quần ướt gần hết. Hương hỏi Tài mượn khăn mouchoir. Tắm bọt ở hai bên được kéo xuống. Trong xe tối mờ mờ. Khuôn mặt đen chì của Tài nom tối hẳn. Xe chạy. Tài lấy thuốc đưa Hương che tay bật lửa.

— Đi với anh bữa nào cũng gặp tai nạn giữa đường mệt quá trời.

Tài nói nheo mắt nhìn Hương cười cười.

— Sức mấy mà tại tôi, Hồi nãy cậu không nhớ là cậu đã lấy tay nhận nhận vỏ xe xẹp đó sao.

— Lúc xe nổ tôi cứ tưởng bị mìn. Thoát chết một lần thấy ớn.

— Óc tưởng tượng của cậu có khác. Mìn nổ như trẻ con địt vậy sao.

Tài nhe răng cười hề hề, lấy tay chọc chọc trên lưng ông tài xế.

— Ông nhớ dừng lại chỗ chợ cho tôi.

Ông ta không quay lại nói biết rồi, biết rồi. Tài mỗi một điếu thuốc mời ông ta.

— Trời mưa hút một điếu thấy ấm.

Ông tài xế nghiêng mình quay lại. Tài cầm điếu thuốc vào đôi môi của ông ta xám xịt vì lạnh. Hương nghe tiếng cảm ơn nho nhỏ lẫn lộn trong tiếng mưa rào rào.

Xe ngừng sát tiệm vá. Trời vẫn còn mưa. Tài kéo Hương ra phía bậc sông. Quán cà-phê hơi chật. Trên bàn phủ những tấm vải nhựa đóng cặn nước trà vàng vàng loang lổ dơ bẩn. Cô chủ quán nom khá đẹp. Tài cúi đầu búng tay tách tách gọi hai

cái cà-phê đen. Chừng như chưa đủ nó chêm vô « đen thật đen như màu áo cô vậy ». Cô gái mỉm cười quay đi. Khi cô gái bung hai tách cà-phê đặt trên bàn, Tài đề nghị.

— Cô tháo gỡ tấm biển trước cửa kia đi, treo cái này nghe hay hơn. Cô gái do dự hồi lâu hỏi cái gì. Tài chồm chồm cười « quán cà-phê trên sông lạnh ». Nội thấy tấm biển khách đủ mê rồi đừng nói chi tới chuyện uống. Nói xong Tài ngâm bốn câu thơ nho nhỏ trong miệng. Cô gái khen Tài ngâm thơ hay. Tài nói vậy mới dám đề nghị với cô chớ. Sao, cô bằng lòng ?

— Dạ khúc sông này lạnh có mùa treo vậy coi dị chết.

Cô gái trở vô buồng. Tài ngúc ngúc cái đầu ướt sũng nước mưa với Hường.

— Con nhỏ coi được anh.

— Cậu thấy con gái đưa nào coi không được.

— Nhưng con này khác.

— D'accord. Cậu chỉ chực có cơ hội là làm ồn lên thôi.

Hường nói, lơ đãng cầm thìa quậy tách cà-phê ngó mông lung. Phía ngoài năm sáu chiếc xe Mỹ nối đuôi chờ qua cầu. Tên Mỹ đen ngồi trong xe nhận còi toe toe cười với đám trẻ con bu ở dưới. Những bàn tay xương xẩu, đen đũi chấp chới giơ lên « okey salem you ». Tên Mỹ đen lắc đầu « no no ». Đám khói đen mù mịt. Đám trẻ vẫn kiên nhẫn đứng chờ người Mỹ quăng một thỏi kẹo, một hộp thịt. Chưa đứa nào có ý định trèo lên xe. Một đứa bé nhất trong bọn mặc áo cánh nâu chạy lại góc quán lượm lon bia rỗng vén quần đái vào trong đó rồi chạy lại chỗ lúc nãy. Nó cầm lon bia súc súc cho nước đái văng ra la lớn. « okey you » Người lính Mỹ đen bỏ vô lảng dờn người ra khỏi cửa xe nom thẳng bé. Nước bọt rơi xuống đầu bọn nhỏ đứng vây quanh. Chúng đưa tay vuốt ngửi. Cả bọn đứng nhìn thẳng nhỏ hồi lâu, ngạc nhiên rồi hè nhau chạy lại giành lon bia. thằng nhỏ cầm đầu chạy về phía cầu. Đứa lớn nhất giật được lon bia, ngửa cổ uống một hơi dài. Đứa nhỏ vẫn cầm cổ chạy miết qua khỏi cầu mới dừng lại, đưa tay vẫy vẫy.

Tấm sắt xanh lật qua. Đoàn xe rồ chạy bỏ lại đám trẻ con còn đứng giơ tay ngóng theo.

Nhà má Tài ở sâu trong làng. Xe chạy thật nhanh. Qua khỏi cây cầu ván bắc ngang nương nước. Tài cho xe rẽ vào con đường mòn nhỏ. Hai bên ruộng mạ xanh non nom mát mắt. Những đám cỏ trống sóng sánh nước bạc. Một lần Hương đã dẫn Huân về làng. Ngồi giữa đám ruộng mạ non của bà cô, Hương đã nói về quê hương mình. Nói về mùa thu lá bay. Ruộng dâu. Gió heo may. Trong đầu óc Hương lúc đó chứa đầy những hình ảnh cầu ao, gò đồng và cây đa làng cao vút... Huân ngồi bên im lặng. Hương không để ý, say sưa kể về dĩ vãng xa xưa êm đềm của mình. Hương mơ ước được thấy lại mặt bác Cả một lần, được đưa Huân về Hà-nội nhìn năm cửa ô một lần rồi chết. Bóng mát cây đa sau đình buông rể dài lòng thông như những con rắn nâu bị chết treo. Cây ổi sẽ đứng trước hiên nhà. Chiếc roi mây của bác Cả Đoàn làm sao Hương quên được. Hương mãi mê tưởng mình còn nhỏ bé ở ngoài Bắc mà quên Huân ngồi trước mặt. Huân ngồi đó mà như chiếc quạt lông cò trắng quạt mát Hương bằng giọng ru hời để Hương khêu gọi lại hoài niệm.

Cây ổi sẽ đứng sát cửa sổ phòng bác Cả. Vì thế bác luôn luôn để chiếc roi mây cày bò bên cạnh chực mỗi khi anh em Hương trèo lên là bác ví dưới gốc, bắt từng dừa năm xuống quất hai roi thật mạnh vào mông, đứng dậy vòng tay hứa không dám trèo lên cây ổi nữa. Buổi trưa bác Cả ngủ, cây ổi như ngấm khiêu khích anh em Hương. Từng trái bóng loáng màu da xanh núp dưới lớp lá thưa mỏng. Hương vừa ngó chừng về phía cửa sổ vừa run run leo lên bứt vội hai bị đầy ra ngồi sau hè ăn ngon lành.

Những quả ổi cuối cùng đã hết Hương mới bắt đầu hái. Hương nhớ chỉ một lần bác kể chuyện hái trộm dừa hồi bé. Bác từ trên cao rơi xuống đám thuốc lá chỉ còn trơ gốc. Bác nói bị đau hơn nửa năm mới khỏi. « Nếu không có bà nội chúng mày có lẽ giờ này bác đã vui đùa với đất cát cây cỏ ngoài nghĩa địa rồi ».

Chỉ một lần đó Hương được nghe bác kể chuyện về mình. Còn thì bác chỉ im lặng. Hương hơi dối bác. Cuộc đời bác hạn hẹp trong việc té cây tầm thường đó sao. Hương nghĩ hoài hoài.

Sống trong nhà bác lắm lủi im lìm, luôn luôn tránh mặt mọi người. Hường ngạc nhiên đem chuyện này ra hỏi ba má. Nhưng hai người đều bảo : Mày lên hỏi bác mày ấy. Hường do dự rồi cũng không dám hỏi. Bảy tuổi đầu, Hường chưa có đủ trí khôn và tầm hiểu biết để phán đoán về những dĩ vãng chìm lặn của bác. Lúc đó Hường như đứa trẻ sống trong căn nhà chứa đầy đồ cổ mà ba má Hường và bác Cả là những chiếc đồng hồ bình vẽ hình Lã Vọng, Tô Vũ ngồi câu cá, chần dê, bên cạnh có hàng chữ nhỏ khó hiểu.

Có lần Hường sà vào lòng bác đòi được gãi lưng. Những ngón tay bác chai lì sờn sùi xoa xoa trên lưng, Hường êm êm. Hường xoay lại hỏi :

— Sao bác buồn hử bác.

— Ai bảo con bác buồn.

— Con thấy bác nghiêm khắc với anh em, con và ít nói chuyện với ai trong gia đình. Bác sống âm thầm. Ra ruộng. Về nhà. Ăn ngủ.

— Không phải vậy đâu.

Bác Cả nhìn Hường mắt chớp chớp. Hình như bác muốn khóc. Hường gục đầu vào nách bác hít mùi mồ hôi nồng mặn để tránh cái nhìn xa xăm đó. Bác Cả lấy tay xoa tóc Hường. Nước mắt bác trào ra rơi thấm trên đầu, ngực áo Hường. Hường ngồi dậy nhìn bác sững sốt. Bác ngồi đó. Miệng méo xệch. Cái mũi phập phồng lên xuống. Đôi mày bác giao lại. Khuôn mặt bác không như trước, nom thật dữ dằn. Hường ngồi dậy, vụt chạy ra ngoài sân. Bác đứng dậy ra cửa nhìn Hường rồi thông thả bước trở vào.

Buổi chiều ôm vở tới trường phía trên nghĩa địa, Hường không còn những náo nức sôi nổi với trò chơi trèo lên bụi chuối thấp giữa cồn mồi để giữ đồn và công đồn nữa. Hường chui ngồi trong đám bồ đề dây trước cổng trường nghĩ miên man về bác. Sao bác không có con. Sao bác không có gia đình. Sao bác đã khóc buổi trưa ? Hường mệnh mang trong những hình ảnh lơ mơ đó. Hường như chiếc lá vàng trôi lênh bênh giữa dòng nước, trong đó có bác có ba có má là vẫn thản nhiên. Hường sống trong ngôi nhà gạch đỏ mà cứ ngỡ mình sống đâu tận khu rừng già miền

Thạch-sơn. Bác không chịu nói về bác. Cả nhà đều im lặng. Chỉ còn Hương một mình thơ thẩn trong cái im lặng của bóng đêm dai dẳng này thôi.

Mãi tới khi Hương theo gia đình xuống Hà-nội, lên ga đi Hải-phòng để đáp tàu vào Nam, bác mới kéo Hương ra ngồi chỗ cửa lên xuống nói chuyện. Bác nhìn Hương với đôi mắt buồn buồn và hối tiếc những ngày đã qua. Hương hơi ngần ngại phải nhìn bác khóc lần nữa. Thật tình Hương rất sợ, và không có đủ can đảm để nhìn những giọt nước mắt lăn từ từ trên má. Cái miệng méo xệch, mũi phập phồng, đôi mày giao lại... Nếu bác khóc lúc này chắc Hương không chạy được và chắc Hương cũng không cầm được nước mắt khóc theo. Hương ngồi chờ đợi giây phút hãi hùng này. Thế nhưng bác không khóc. Bác ngồi im lưng tựa vào thành tàu. Hồi lâu bác mới đưa tay chỉ cho Hương những địa ranh trước mặt hồi bác đi kháng chiến. Đồng lúa và làng mạc như kéo nhau chạy xéo về phía sau. Trong trí bác cái gì cũng như sắp rời xa đi về một thế giới, một cách ngán khác.

Bác bắt đầu kể về bác, về cuộc đời kháng chiến, về những ghê tởm, nỗi kinh hoàng của bác. Giọng bác trầm bồi hồi. Bác dẫn Hương đi từ mặt trận sông Lô lên Thái-nguyên, Tuyên-quang. Bác dìu Hương đi vào những đêm gió lạnh theo chân đoàn quân hăm đồn tại Tây. Đại bác và súng nổ dòn trong miệng bác. Hương mở mắt lớn tưởng chừng trước mặt mình như có súng nổ thực : Hương say sưa như đang theo sát chân bác. Đang theo từng nếp nhăn trên mặt từ nỗi vui mừng khắp khởi đến những sợ hãi tê lạnh trong đêm mưa.

Con tàu đỗ lại một sân ga nhỏ. Bác để Hương xuống. Hai bác cháu đi mua bún thang, bánh tôm. Bác bảo Hương, « ăn nhiều những thứ này để mai mốt vào Nam mà nhớ tới bác, nhớ tới Hà-nội sắp xa ».

Lúc tàu chạy bác lại tiếp tục kể. Giọng bác bây giờ chùng xuống, chỉ còn giữ một nhịp buồn buồn xa vắng.

— Tiểu đoàn bác được lệnh xuống trấn giữ một khúc sông Hồng giữ chân quân Pháp để Trung đoàn tiến chiếm một vùng quan trọng. Đêm tối mờ mịt. Gió từ dưới sông đưa lên làm bác phát run. Nằm trên mặt đê, ngửa cổ nhìn về phía Hà-nội xa xa

trong vùng anh sang mỏng chập chờn, bác thấy nhớ gia đình, nhớ đến những yên ổn thuở nhỏ. Lúc đó bác không cảm được nước mắt, và bác khóc thật nhiều. Cũng may là đêm đen nên đồng đội không ai nom thấy, chứ không thì chắc bác sẽ bị nhiều trừng phạt và khiển trách của thượng cấp — bác làm đại đội trưởng — vì trong Trung đoàn bác ai cũng phải thuộc lòng câu « Người chiến sĩ luôn luôn nêu cao lòng can đảm, gương anh hùng trong bất cứ mọi hoàn cảnh khó khăn nào ». Câu châm ngôn trên không thể kiềm hãm được lòng bác lúc ấy. Bác gục đầu khóc tự do, khóc sung sướng trên khẩu súng lục bác cầm trong tay. Tới chừng ngừng đầu lên bác thấy thấp thoáng từ xa những bóng người di động mờ mờ giữa ruộng nước. Bác báo động cho tất cả các anh em — Bác không dùng tiếng đồng chí — Mọi người đều đồng ý đó là những tên tiên sát do thám của địch. Những bóng đen cứ tiến tới từ từ dò dẫm, như không biết trước mặt có hàng trăm khẩu súng đang quay về phía mình. Bác nghĩ kể đề bất sống thì từ phía đầu đê, chỗ bộ chỉ huy đóng một tràng đạn nổ dài. Bác thấy lạnh khắp thân. Có chuyện chẳng lành xảy ra, bác nghĩ thầm như vậy. Lúc người lính khiêng hai xác chết vào, bác đợi đèn pin mới biết là bà và bác cháu. Tay nải da bác màu còn đeo chặt trên vai. Bác run bắn người. Những người lính quay về phía bác im lặng dò xét. Mọi việc xảy ra quá nhanh bác không khóc được cho tới khi ngất xỉu.

Bác ngừng kể, rút khăn lau những giọt mồ hôi chảy dài hai bên thái dương. Khêu gợi hoài niệm về quá khứ đục mù đã làm bác hãi. Khuôn mặt bác trở nên xanh xao. Hơi thở bác dồn dập như chuyện vừa mới xảy ra hôm qua. Bác dứt vợi khăn vào túi nói tiếp.

— Chiến dịch kéo dài nửa tháng, bác không làm sao về được. Sáng hôm sau viên Tiểu đoàn trưởng cho lính thuê khiêng hai xác bà và bác cháu về làng. Lúc hai chiếc võng thấp thoáng xa dần trên bờ đê, bác có ý định rút súng lục bắn vào đầu tự tử. Nhưng rồi bác không làm được. Chết cũng yếu hèn mà sống cũng không kém. Tội lỗi trong cái lầm lẫn ngu muội ấy không cho phép bác làm lỗi và ngu muội thêm nếu vì cái tâm thương mà từ bỏ đám đông. Số bác khổ nên trời bắt bác phải chứng kiến thêm vài vụ tương tự như vậy trong chiến dịch. Đời bác chỉ hờn căm với giặc

Pháp chứ chưa bao giờ bác cầm báng súng dọa nạt hay đánh đập dân chúng như những tên chỉ huy khác. Thế nhưng bác không gặp được may mắn. Bác tử cho số phận bác hẩm hiu.

Khi đại đội bác được lệnh chiếm một đồn lẻ cùng một lượt với các đơn vị khác ở khắp nơi để uy hiếp tinh thần giặc Pháp. Lúc tiến quân đại đội bác bị lộ mục tiêu khi còn cách đồn hai trăm thước. Lính bác chết. Cái đồn nhỏ bé đó vẫn sừng sững như ngọn Tam Đảo. Chiến dịch kết thúc. Bác bị đưa ra kiểm thảo trước sự hiện diện đầy đủ của cả Trung đoàn. Buổi tối đó, bác bỏ trốn về Hà-nội, ở ba năm rồi mới về làng. Trong suốt ba năm, bác cảm tưởng bác bị đẩy xa khỏi cuộc chiến. Xa rời những ánh lửa hồng trong đêm. Bác không còn sống trong những lo âu, hồi hộp, sôi sục của đất nước. Ba năm bác đã sống với nỗi ám ảnh kinh hoàng.

Hình ảnh hai xác chết nát bấy, máu me cùng khắp của bà và bác cháu như một ám ảnh khó rời xa. Bác liên tưởng tới Cain với đôi mắt mở lớn trừng trừng sau khi giết em, Judas với bàn tay vấy máu suốt đời. Một lần bác đã từ bỏ xa rời những người thân yêu. Bây giờ bác không thể rời bỏ những cái cuối cùng còn lại đó nữa để vào Nam với ba má anh em con. Mồ mả đó sẽ thắp sáng những hình ảnh dịu mát thuở xưa. Bác phải ở lại. Ở lại để chăm sóc những ngôi mộ đó cho nắm đất được thêm cao, cho nỗi buồn được vơi xuống. Bác không muốn nó sẽ trở thành những ngôi mộ phủ đầy gai lười long, xương rỗng, những cây lau mọc bừa bãi xơ xác. Bác cũng không muốn để làng xóm vác cuốc đi trải vào đầu mùa xuân mỗi năm.

Bác ngừng nói đột ngột. Hường giật mình nhìn những ngấn nước mắt đọng ở khóe. Chỉ cần có một cảm xúc mạnh là bác có thể khóc được. Khuôn mặt bác thật điềm tĩnh, thật bình thản chứ không như hồi còn ở dưới làng đã làm Hường khiếp sợ. Bác khóc vì những lầm lẫn quá khứ hay khóc vì sắp sửa xa những người thân yêu cuối cùng? Hồi đó Hường chỉ thấy lơ mơ những cái gần gũi như nghe tiếng chim tu hú vang vang buổi chiều buồn không chịu được. Bây giờ thì Hường đã hiểu, cũng như tại sao tiếng chim tu hú buồn thảm như vậy. Những giọt nước mắt bác chảy ra không phải vì những xúc động nhỏ nhoi. Hường nghĩ bác không có tội lỗi gì hết. Những hy sinh, những lầm lẫn trong thời chiến không thể không xảy ra nhất là ở thời bác những năm 45-54. Bác bị cuốn vào

cơn lốc đầy rác đó cũng như bác ăn cơm ; tiếng chim hót buổi chiều trên cành cây gạo vậy thôi. Nếu bây giờ bác có mặt ở đây. Sống với Hương trong thị xã này Hương chắc bác sẽ không còn thắc thỏm sợ hãi, trốn chạy những hành động của bác thuở xưa. Hương thấy tiếc về sự thiếu mặt của bác. Bác còn có cây ổi sể, còn gần với ngôi mộ bà nội, bác gái, sân gạch và mái nhà đã xanh mốc màu rêu. Còn Hương thì như đang bay lên mây để tìm bác. Sự có mặt của Hương giữa thị xã Tuy-hòa như không cần thiết cho những trái hỏa châu vàng vàng soi sáng mặt nhau. Những buổi chiều, từng đoàn người hấp tấp vội vã đạp xe về thị xã dưới chân núi Tháp. Một đêm yên ổn. Sáng mờ sương đạp xe trở về bị chặn bắt giữa đường. Xe Lam, xe ngựa rời ra từng mảnh, dính theo những chùm tóc bay phất phơ trước gió sớm. Những thân thể thiếu sót mất mát Hương không thể nhận dạng nổi cũng như những người trên núi và dưới này. Chỉ có đám cỏ gấu, cỏ chỉ bên vệ đường là được xanh tươi thêm chút ít.

Lúc xuống tàu, bác Cả Đoàn móc ví da bạc rách đưa cho Hương tám hình và một tập thơ chép tay bác làm trong thời kháng chiến. Những tờ giấy nhàu nát ẩm mốc bay mùi khó chịu. Bác lật ra phía sau, trơ mấy bài thơ của chính Quang Dũng chép tặng bác. Bác nói vô trong đó con ráng học. Bác chờ con từng giây phút ngày về trong thanh bình. Bác cầm tay Hương run run. Bác xoa đầu, hôn Hương rồi quay đi. Bác không còn can đảm để đứng lại. Hương nhìn theo. Bóng bác nghiêng ngả xô dài trên con dốc sỏi đỏ, mờ mờ, rồi mất hút. Bác Cả đó sao. Một lần bác về với mồ mã, với lũy tre làng, với đồng ruộng xanh với nắm đất còn lại để nghĩ rằng mình chưa chết. Buổi sáng dưới bến tàu mà Hương nghe như tiếng tu hú rúc lên từng hồi dài phía sau nghĩa địa.

Tài lách xe qua mặt con trâu đen mình đầy bùn hôi chạy thẳng vô sân. Bà cô đang ngồi đong lúa cho người đàn bà làm hàng xáo. Hương chào bà cô, theo Tài ra giếng rửa chân tay. Lúc trở vô mọi việc đã xong. Bà đang nhận tiền và thu dẹp nong, nia, gia, ống gặt đem xuống bếp. Trở lên bà cô hỏi Hương.

— Sao tới bây giờ mới về.

— Dạ xe bị bong triền ở dốc cây Sanh. Hai đứa phải thuê xe xuống Phú-ân để vá.

Hương trả lời bà cô dòm vô phía bàn thờ.

— Bữa nay không có ai về hết sao cô.

— Giỗ trùng mùa đạp mía nên ít ai đi. Tao biết vậy làm đơn giản.

Bà cô nói kéo ghế chỉ Hương ngồi. Huệ đang dọn dẹp dưới nhà bếp. Bà cô lại bắt đầu kể về bà nội, về bác Cả Đoàn không biết giờ này sống chết thế ngoài ấy. Tin phi cơ dội bom hằng ngày ở tỉnh mình làm sao tránh khỏi. Ngày đêm tao vẫn van vái Trời Phật phù hộ cho bác Cả mày. Bác ấy hiền như bụt. Chỉ tội nghiệp cho bác gặp những điều không may trong cuộc sống. Bà cô thở dài kéo chiếc khăn lông trên đầu xuống lau nước mắt. Hương ngần ngại nhìn bà cô. Bây giờ Hương rất sợ khi ai nhắc đến bác Cả. Hình ảnh bác không bao giờ chịu nằm yên trong đầu óc mọi người. Bà cô chỉ chực khóc mỗi khi tới ngày giỗ bà nội. Bà Hương thì lá thư nào cũng nhắc tới bác, chỉ sợ bác chết không ai chôn cất tử tế. Hương mệt mỏi, khổ sở vì mọi người xung quanh vốn vấp thắc thỏm về bác. Bác như đám mây xám thấp thoáng xa gần trên đầu Hương. Đám mây chọt lên cao, chọt xuống thấp làm Hương chấp chới trong đó.

Bà cô chợt hỏi về gia đình Hương. Hỏi Hương có nhận được thư từ gì của gia đình ở Sài-gòn không. Hương móc túi lấy cái thư của ba vừa mới gửi, ở dưới có một đoạn hỏi thăm bà cô, cho bà cô xem. Bà cô chớp mắt.

— Ở trong cha mày cũng giỗ bà nội. Lẽ ra thì tao không giỗ. Nhưng tao thấy nhớ bà mày bác mày thì cúng. Mỗi lần quỳ lạy tao có cảm tưởng như bà và hai bác mày đang đứng trước mặt mỉm cười với tao. Tao thấy cũng bớt khổ.

Hương lấy thuốc ra mời hút.

— Con cũng lo cho bác Cả. Nhà mình không mấy người nhưng lưu lạc hết trơn. Gia đình con ở Sài-gòn. Bác ở Bắc. Cô ở Trung.

— Tao làm thân đàn bà phải chịu thế. Chứ còn cha mày, bác mày càng nghĩ tao càng thấy xót xa hơn.

— Cô nhắc lại làm gì thêm mệt.

Hương nói mạnh với bà cô.

— Mày nói vậy chứ không nhắc không được, nó ám ảnh hoài hoài đề vậy thấu sao. Sông còn có nguồn.

— Chẳng lẽ cô cứ sống miết trong nỗi ám ảnh đó sao. Ở ngoài đó bác không nhớ cô, cha má và tụi cháu à.

Bà cô chợt bùng mặt khóc hu hu. Cảm xúc đến với bà cô dễ dàng quá làm Hương thấy nhột nhạt. Hương bỏ xuống nhà dưới nói chuyện với Huệ và Tài.

Lúc mọi người đều đông đủ. Tài phụ giúp Huệ bùng đồ từ ghế thờ ra bàn ăn.

Mọi người ngồi vào bàn. Họ cầm đũa và bắt đầu nói tới vụ Việt-cộng về làng Đông-lộc cắt đầu ông Thủ thiện heo đem đầu đặt trên trụ cây số sáu, ghim theo bản cáo trạng dài mười hai trang viết tay. Chuyện Việt-cộng lên về làng Đông-phước giết anh Dưỡng sinh viên từ Sài-gòn về ăn giỗ người cha. Chuyện Việt-cộng về làng vừa dứt họ lại chuyển sang vụ mía vụ lúa một cách nhanh chóng. Thét nào họ cũng thắc thỏm lo lắng thật sự. Hương thấy mình như lạc lõng giữa đám đông. Hương hết nhìn người nọ lại ngó người kia. Những vết nhăn chịu đựng ngày tháng gai lửa đè nặng trên dáng dấp, tâm thức lớn khôn của họ. Sự sống và sự chết như lửa với rơm có thể bùng cháy bất cứ lúc nào. Mọi câu chuyện thốt ra khỏi cửa miệng họ đều xa lạ với Hương. Những chuyện dần trải ra trước mắt Hương có nghe nhắc tới chưa bao giờ đứng gần sát, như vậy thì làm sao gia nhập vào nỗi lo lắng một cách ồn ào của đám đông đó. Hương thoáng hối hận vì đã ngồi cùng bàn. Hương im lặng ngồi ăn cảm thấy thua kém họ quá xa như đoạn đường con ngựa đã chạy qua. Hương như một thế giới nào mới đến. Hương ngồi đó mà như lẩn tránh. Lúc này Hương thấy nhớ bác Cả Đoàn hơn lúc nào hết. Hình ảnh bác gần gũi rực rỡ. Phải chỉ có bác ở đây. Ngồi giữa đám đông bác như một thứ ánh sáng kỳ diệu, lôi kéo sự chú ý của đám đông vây quanh. Bác sẽ kể những năm kháng chiến đi qua trong đời bác oai hùng. Bác sẽ kể về Hà-nội với năm cửa ô xưa. Hồ Hoàn Kiếm, cầu Thê Húc, ngọn núi Ba Vi đỏ bóng trước mặt. Hương ngùi ngùi thầm gọi tên bác.

Huệ thu dọn bát đĩa đem rửa ngoài giếng. Hường theo ra, vạch lá cây mận non chui ngồi trong đó. Huệ gầy hơn trước. Đôi mắt sâu quầng mệt mỏi. Chắc nhiều đêm Huệ đã thức trắng để canh chừng cà-nông nổ kêu bà cô xuống hầm.

Tháng trước Hường và Huệ cố nài bà cô xuống ở hẳn dưới thị xã cho bớt lo nhưng bà cô không chịu. Bà cô nói tao sinh ra và lớn lên gắn liền với ruộng đất. Bỏ xuống tỉnh cho chết đói à. Đám cà đĩa trái xanh tròn. Con gà mái đang ấp. Dây bí rợ trổ hoa ruộng đất... tao không thể đi. Sống chết có số. Trời Phật đâu nỡ hãm hại những người hiền. Quả thật bà cô có hiền nhưng súng đạn nó có nhận thấy như vậy chẳng. Huệ kêu bà cô tiếc của không đúng chỗ. Những thứ ấy ăn nhằm gì. Bà cô khóc trở vô bàn thờ thắp nhang quỳ lạy. Sự sống của bà cô bây giờ gắn chặt vào những chân nhang xanh đỏ cắm đầy trong lư hương đồng vàng vàng. Huệ cố giải thích. Bà cô nhất định không chịu bỏ xa những quả cà trái bí, chân nhang mà ra đi.

Chợt Huệ kêu :

- Anh Hường ngồi trong đám lá nom như con hổ.
- Anh làm con hổ về bắt Huệ mang xuống biển đấy.
- A hổ của anh ở dưới nước. Lúc anh chưa ăn thì em đã chết ngộp rồi. À anh khôn lắm nghe. Tội lỗi đổ cho biển cả.

Huệ reo như trẻ con.

- Huệ bữa nay quanh quất với anh rồi.

Hường nói nhỏ nhỏ. Huệ ngừng tay ngược nhìn Hường.

- Anh vừa nói gì em đó.

Hường bứt một đọt mận non đưa lên mũi ngửi. Mùi thơm dịu dịu làm Hường quên bằng sự có mặt của Huệ.

- Bộ con hổ của anh ngủ rồi hả.

Hường giơ đọt mận non về phía Huệ.

- Đâu có anh đang nghĩ tới ngày ăn cười của em.

- Gớm anh khéo tưởng tượng.

Huệ nguyệt Hường thật nhanh.

— Cô giấu giếm chi tôi. Thằng Cảnh ngày nào cũng mang xe xuống Ty chở cô về ai mà không biết.

— Trời ơi anh này thiệt kỳ cục. Chở nhau là yêu nhau hả. Anh nói sao nghe dễ như ăn bún thang.

— Trường hợp cô có khác.

Huệ chống chế.

— Chứ còn anh ngày nào không lên nhà Huân ngồi.

Hương bắt chước Huệ.

— Lên ngồi nhà Huân là yêu Huân hả. Hay chưa.

Hai anh em Hương cười sặc sụa. Bà cô đứng trong nhà, nghe hỏi :

— Gì vui hai anh em cười dữ vậy.

Hương lấy tay bịt miệng làm ống loa.

— Huệ nó chịu lấy chồng rồi cô ơi.

Huệ múc nước tạt lên cây mận. Hương chạy ra khum người ho. Tài hỏi gì vậy anh.

— Cậu coi xe chắc chắn chưa mình còn xuống.

Tài giờ tay xem đồng hồ nói còn sớm chán.

Xe Tài chạy qua khỏi cầu thì người lính già cũng vừa kéo dây kẽm gai bít lối đi xuống thị xã. Núi Tháp mờ mờ trong sương chiều. Một vài người đi chậm chân đứng phía bên kia nài nỉ.

— Ông làm ơn kéo dây thép cho qua chút ông.

Người lính già hươ hươ cây súng trước mặt.

— Sao không đi sớm.

— Đi đường xe lở xẹp phải dắt một đoạn dài chớ ai muốn chi vậy. Thiệt mà ông. Kéo cho đi qua chút lỗ lã gì.

Người đàn ông mặc áo trắng nói.

— Bộ mấy ông lừa được tôi sao. Trăm ngàn lý do để viện lẽ, ai mà tin nổi. Mười bữa như chục, bữa nào cũng xe xẹp với vợ đẻ. Vậy mà mỗi lần bắt lính không thấy ma nào.

Người lính giận dữ thiệt tình. Mặt ông ta đỏ gay.

— Thiệt mà ông.

— Thôi cha. Bộ tưởng tôi giỡn sao chớ. Có lên trên mà ngủ. Kéo dây thép cho ông qua lỗ gặp ông tỉnh ông có đưa đít chịu đòn thế tôi không. Thôi lên trên mà ngủ tạm một đêm. Nói hoài một quá trời.

Mặt người lính hăm hăm, bỏ lại ngòi trên những bao cát xây hình móng ngựa ở đầu cầu. Lão rút khăn lau mồ hôi trên mặt, trên cổ, quay lưng nhìn mông lưng phía sông. Nước phù sa đục chảy lập lờ, lườn qua các chân cầu êm ả. Lão về giữ cây cầu này hơn một năm rồi. Lão nghĩ hoài hoài. Con sông thiệt lạ. Mỗi mùa lụt nước tràn lên mặt cầu. Tốp lính phải bỏ cầu leo hết lên núi Tháp. Đến mùa hạ nước tự dưng biến mất, chỉ còn lại bãi cát, sạn vàng hoe lấp lánh ánh sáng mặt trời, với những đám cỏ tây xanh mượt. Đàn bò vàng bắt đầu xuất hiện. Lũ trẻ giữ bò và những con diều giấy vút cao lượn lờ giữa không trung cùng tiếng chim chiến chiến kêu rộn ràng trong bụi cỏ xanh non.

Lão lính già thấy mình bớt cô độc. Lão mơ màng nghĩ đến những mát mát và thấy thương bọn trẻ con đang đứng dưới bãi kia hết sức. Có lần đứng trên thành cầu, lão bắc loa tay gọi bọn nhỏ lên chơi. Chúng lại gần chân cầu ngược nhìn lão cười cười. Chừng thấy lão mang khẩu súng lủng lẳng trên vai, chúng ù té bỏ chạy. Lão giơ tay vẫy vẫy « vẫy mà cũng sợ ».

Qua cơn mưa to nước sông dâng cao đở kè, kéo phăng những dây bí rợ, dừa hấu chưa kịp hái. Một vài người tiếc công lao, đã chống ghe ra giữa dòng vớt những trái nổi lều bều trên mặt nước. Đứng trên cầu nhìn những quả dừa xanh trôi qua lão chợt buồn vì lầm tưởng mình là An Tiêm sống trên hoang đảo. Khi những trái dừa trôi mất hút, lão mới biết mình đang mang súng đứng trên cây cầu sắt đen dài hai mươi một nhịp. Kỷ niệm nào xa đong đưa lão bồi hồi. Lão lấy tay gõ cạch cạch lên thành cầu bằng quơ.

Hai người đàn ông vẫn còn đứng vịn xe.

— Cho qua chút ông, lỗ thiệt mà. Minh anh em.

— Có lên trên mà ngủ đã nói vậy.

— Không biết đứng đó tôi tưởng Việt Cộng bắn chết bỏ.

Người đàn ông mặc áo trắng vén quần dài xè xè nghe rõ mồn một. Lão linh già chống cây súng xuống đất nghe mơ hồ giọng hát Thái Thanh vọng về từ một rạp chớp bóng ở đầu quốc lộ. Hai người đàn ông đã đạp vòng xe trở lên. Hai chiếc xe mất hút sau chợ. Người linh già lấy tay chọc chọc vào lưng con chó con.

— Cho đảng kiếp.

NGUYỄN - LỆ - UYÊN

Trong những sáng tác đầu tay, Nguyễn Lệ Uyên còn nhiễm nhiều sắc thái của một người đi trước : Y-Uyên. Nhưng chúng tôi hy vọng, Nguyễn Lệ Uyên sẽ khắc phục được khuyết điểm đó để còn đi xa trong tương lai.

Lúc truyện này lên khuôn, tác giả của nó đang chuẩn bị thi vào trường Đại-học Sư-phạm...

ĐÃ PHÁT HÀNH

Tuổi trẻ và cô đơn

truyện HERMANN HESSE

bản dịch VŨ-ĐÌNH LƯU

CA-DAO xuất bản

— Cô giấu giếm chi tôi. Thằng Cảnh ngày nào cũng mang xe xuống Ty chở cô về ai mà không biết.

— Trời ơi anh này thiệt kỳ cục. Chở nhau là yêu nhau hả. Anh nói sao nghe dễ như ăn bún thang.

— Trường hợp cô có khác.

Huệ chống chế.

— Chứ còn anh ngày nào không lên nhà Huân ngồi.

Hường bắt chước Huệ.

— Lên ngồi nhà Huân là yêu Huân hả. Hay chưa.

Hai anh em Hướng cười sặc sụa. Bà cô đứng trong nhà nghe hỏi :

— Gì vui hai anh em cười dữ vậy.

Hường lấy tay bịt miệng làm ống loa.

— Huệ nó chịu lấy chồng rồi cô ơi.

Huệ múc nước tạt lên cây mận. Hướng chạy ra khum người ho. Tài hỏi gì vậy anh.

— Cậu coi xe chắc chắn chưa mình còn xuống.

Tài giơ tay xem đồng hồ nói còn sớm chán.

Xe Tài chạy qua khỏi cầu thì người lính già cũng vừa kéo dây kẽm gai bít lối đi xuống thị xã. Núi Tháp mờ mờ trong sương chiều. Một vài người đi chậm chân đứng phía bên kia nài nỉ.

— Ông làm ơn kéo dây thép cho qua chút ông.

Người lính già hươ hươ cây súng trước mặt.

— Sao không đi sớm.

— Đi đường xe lở xẹp phải dắt một đoạn dài chờ ai muốn chi vậy. Thiệt mà ông. Kéo cho đi qua chút lỗ lã gì.

Người đàn ông mặc áo trắng nói.

— Bộ mấy ông lừa được tôi sao. Trăm ngàn lý do để viện lẽ, ai mà tin nổi. Mười bữa như chục, bữa nào cũng xe xẹp với vớ đề. Vậy mà mỗi lần bắt lính không thấy ma nào.

Người lính giận dữ thiệt tình. Mặt ông ta đỏ gay.

— Thiệt mà ông.

Chu Ngym Vũ

Kín lối

TÔI ĐẾN THĂM CHỊ THANH BUỔI TRƯA. CHỊ đón tôi ở cửa cùng với đứa con đầu, thằng Ngọc. Ngọc cung tay nói chào chú rồi bỏ chạy vào trong. Chị Thanh nhìn theo nói cái thằng. Tôi hỏi chị có được tin gì của anh Mỹ không. Chị nói không và mời tôi vào nhà. Tôi theo chị Thanh vào phòng khách, rồi nhà bếp. Ngồi xuống chiếc ghế vải kiểu nhà binh, tôi nhìn khuôn ảnh của anh Mỹ chụp hồi còn ở Thủ-đức hỏi sao đem treo hình anh Mỹ ở nhà bếp. Chị Thanh cười nói treo vậy để được thấy ảnh hằng ngày. Anh Mỹ mặc binh phục trắng có tua đỏ hai bên vai, tay cầm gươm. Người anh cao lớn, phảng phất hình dáng một viên tướng vận triều phục trong các phim La-mã. Chị Thanh liếc nhìn bức ảnh nói hai tháng rồi chưa được tin tức gì của anh tôi lo quá, trưa nay mời anh ở lại ăn cơm. Tôi nói cảm ơn chị đề khi khác và ôm thằng Ngọc hỏi cháu có nhớ ba không. Thằng Ngọc nói ba đi lính, ba đi-lính-thiếu-úy, mai mốt ba về mua tàu bay và súng để con đi đánh giặc. Chị Thanh hỏi giặc ở đâu con đòi đánh. Thằng Ngọc nói tụi thằng Hải cứ rủ con hoài, nó nói đánh giặc sướng lắm, tụi nó giả bộ chết ngã lăn cù xong làm tướng đi uống rượu ăn mừng, thiệt chó, đứa nào cũng giành làm Mỹ, làm Đại-hàn, làm Phi-luật-tân, không thằng nào chịu làm Việt-công với làm lính như Ba. Chị Thanh cúi bồng

thằng Ngọc lên nói con đừng nói tầm bậy, đánh giặc khổ lắm. Chị Thanh như muốn khóc khi nói hết câu. Chắc là chị đang nghĩ tới anh Mỹ. Nhiều người nói Quảng-ngãi hiện đang đánh nhau lớn lắm. Với lại pháo kích nữa. Trong một bức thư gửi cho chị lần trước anh Mỹ nói đơn vị đóng cách thành phố độ bốn năm cây số, hành quân liên miên. Bữa gặp tôi dự đám tang thiếu úy Tân chị Thanh nhìn hồi lâu không nói gì, xong ôm mặt khóc. Đám tang có linh bông súng chào với nhiều vòng hoa đặt trên quan tài. Người chết được ân thưởng bảo quốc huân chương. Mẹ Tân bật khóc to khi vị đại diện đơn vị tuyên đọc thành tích chiến đấu của kẻ đã anh-dũng-hy-sinh. Rồi thì là lễ cầu nguyện cho linh hồn người quá cố xướng bởi một tăng sĩ áo vàng. Tôi nhớ chị Thanh bấy giờ đứng nép mình bên góc nhà, tay đặt hờ lên khung kính tủ áo. Hôm đó chị mặc áo đen. Ánh nến nhập nhòa trên mặt chị tạo nên vẻ tịch trầm, xa hút như một hồi ức lạc dấu thời gian... Con Thủy khóc. Chị Thanh chạy vào buồng trong bông ra nói nó đòi ăn và hôn lên má con, chị tiếp : đợi lát nữa ăn nghe con « khải ». Thằng Ngọc đứng nhìn em nói đề má chan nước rau luộc ngon lắm. Chị Thanh quay nhìn tôi cười hỏi anh ăn cơm ở đâu. Tôi đáp trước ở Cao Thắng, giờ ở trên đường Lê Lợi gần quán bánh da lợn. Chị hỏi phải anh ăn cùng chỗ với anh Quế không. Tôi dạ nói Quế sắp đổi đi Huế chị biết chưa. Chị Thanh rót ly nước đưa tôi nói chưa, mời anh uống nước. Nhận ly nước trên tay chị tôi vừa thổi vừa uống. Nhìn chị Thanh cặm cùi sữa ăn tôi thấy thương chị vô cùng. Anh Mỹ nhập ngũ một tháng sau ngày đám cưới. Năm đó chị sanh thằng Ngọc. Con Thủy là kết quả của những lần về phép ngắn ngủi. Ngày đầy tháng của con Thủy chị Thanh nhận được thư anh từ một vùng tiền sơn cùng lúc với chiến cuộc lan dần và thôn Cẩm-thanh bị dội bom hằng bữa. Ngày đầy tháng của thằng Ngọc anh Mỹ đang ở Đồng-hà. Lần sinh đẻ sau này chị Thanh phải nhờ bà mẹ từ Cẩm-thanh sang chăm sóc hộ. Người nuôi đẻ phải thuê đến sáu ngàn một tháng — gần bằng lương anh Mỹ — mà chưa chắc đã tìm ra. Chị Thanh mới năm ngày đã phải xách nước tự giặt lấy áo quần vì bà mẹ tuổi hơn sáu mươi. Những buổi tối nằm ru con chị Thanh thường tìm lại những điệu hát đã từng làm chị cảm động bằng lời kể của ba chị khi còn sống.

*Chiều chiều quạ nói với điều
Kiếm nơi đồng trấu cho nhiều gà con,
Gà con bươi rác bươi rơm
Con anh chèo chèo đòi cơm tối ngày...*

Ba chị kể rằng ngày trước ba thường ru chị bằng câu hát đó mỗi lần chị khóc đòi bú. Nghĩ lại, chị thấy khó hiểu. Sao chị có thể nín khóc vì điệu ru này. Chị vốn hay tư lự vì một duyên cớ không đâu về nằm ngủ trong đầu chị vào những đêm có trăng, khi anh Mỹ vắng nhà. Không hiểu quạ có mách điều. Đồng trấu hẳn là có nhiều gà con. Nhưng mà gà con thật đáng thương. Chúng chịu bươi rác bươi rơm chứ không như con chị (hay con « anh » nào đó) cứ chèo chèo đòi cơm tối ngày... Điều thiện ác bao giờ cũng được phân biệt rõ ràng dưới mắt chị Thanh. Một khiếm khuyết dù trong lời nói chị cũng thấy khó chịu như bị con thằn lằn bò trên gáy. Chị mê mải đi tìm ý nghĩa một câu hát truyền lạc từ nhiều thế hệ cứ tiếc hận vì một sơ hở nào đó. Rồi — lúc nào cũng vậy — ý nghĩ lạc loài dẫn chị đến cơn khóc thầm. Cho tới khi chị được dỗ nín bằng cái răng sún của anh Mỹ cùng với câu hát mà chị thấy gần gũi như chiếc giường tre để ở góc hiên sau :

*Một mai nước lớn dò trôi
Cây khô lá rụng bậu ngồi chờ ai.
Bậu ngồi chờ củ chờ khoai...*

Giọng hát của chị Thanh nhẹ và cao. Gây được nhiều cái chớp mắt cho mà chị trước khi bà nhớ tới một câu thơ Phạm Công Cúc Hoa. « Phạm Công nước mắt hai hàng, tính bề dặt mẹ tầm phang lên đường... » Bà hay khóc sau mỗi lần giọng hát chị Thanh đưa bà đến thăm gia đình Tào Thị với câu kết mồ-tổ-cái-con-nhỏ-này. Chị Thanh cũng đã lớn lên bằng vọng ước giản đơn đó. Với chị, cuộc đời dịu ấm như một ánh lửa chiều trong bếp lạnh. Như đợt nắng mai nhũ trên liếp cải trước nhà. Ngày còn đi học chị Thanh hiền có tiếng. Bỏ học cả buổi vì bọn con trai hay nhìn trộm. Những hôm đến trường hơi trễ bị bạn trêu, chị đỏ mặt rồi đứng khóc một mình. Chị Thanh khá Việt văn. Hay tầm suu ca dao chép đầy quyển vở trăm trang, đọc những chiều thứ bảy. Chị thường chơi với con Hạnh, con Điều con bác năm bán rau

sống. Ghét con Thu chỉ vì nó lén ghi vào quyển vở ca dao của chị câu « đã lỗi thời » bằng mực đỏ. Con Hạnh biết chuyện, mách với Thu. Con Thu bấu môi chê chị là bà-cụ-non. Chị Thanh không nói gì. Có lần chị mượn tập vở của con Điều chép bài học, lật thấy xác một con bướm ép khô, ngồi nhìn ứa nước mắt. Ba chị bắt gặp kêu lại hỏi, tưởng viết thư cho thằng nào. Những lần nhìn thấy Việt-cộng chết chị bỏ ăn mấy ngày. Quãng đời con gái của chị Thanh lướt đi trên những nỗi tiếc vu vơ, làm chìm lặn nhan sắc đầu mùa của cô nữ sinh chọn Pháp văn làm sinh ngữ chính. Hình như chị Thanh ở ngoài mọi biến động xã hội. Bị kết tội là người vô tâm chị cười nói mình còn con gái học trò (năm ấy chị học đệ nhị) khó ngồi ở tiệm cà-phê bàn chuyện xuống đường. Chị không hiểu tại sao tụi thằng Long, thằng Tạo học dưới chị một lớp lại hăng say đi làm cách mạng đến không làm nổi một bài văn nghị luận. Và chị Thanh đắm nghi ngờ khả năng của mình. Trong nhiều trường hợp sự yếu kém của chị được biểu thị qua nỗi vụng về cầm đôi đũa trong khách sạn, bằng nét ngượng ngùng trong bộ âu phục thời trang ngày giỗ Hùng Vương. Trí nhớ chị chừng không ghi nổi một hiệu kem thoa mụn, một kiểu áo tắm đến từ phương Tây. Chị cũng thấy từng lúc bị treo ngược bằng lời giảng của vị giáo sư trẻ tuổi thường vượt ve sự lơ đãng của các cô học trò chót lóp. Ý nghĩ dật dờ đó đắp kín hy vọng chị Thanh nhiều ngày cùng với cơn trốt hai mươi làm cay mắt chị, mọc gai trên nẻo đi hai buổi đến trường. Mỗi khi chị Thanh thi xong tú tài một... Tiếng thằng Ngọc gào to làm ý tưởng tôi vụt tan loãng. Chào chị Thanh, tôi trở về nhà đúng lúc còi hụ mười hai giờ.

Chị Thanh nói anh Mỹ người Điện-bàn. Hai người lấy nhau tình cờ. Chị Thanh đi chợ Hội-an thấy anh Mỹ đang trả giá mấy con cua gạch, lựa mua giùm. Rồi quen. Có cái gì thật thấm thiết, chị Thanh kể, xô bước chân chị đến gần anh Mỹ từ lần gặp đầu tiên ấy. Một tuần sau, anh Mỹ đi chơi Cẩm-thanh thấy chị Thanh đứng trước nhà, ghé thăm. Và rồi chủ nhật nào người ta cũng thấy anh Mỹ đi đò sang Cẩm-thanh. Thỉnh thoảng hai người rủ nhau đi Hội-an mua nón, mua vải. Chị Thanh thường trầm ngâm rất lâu trước những tặng vật anh Mỹ gửi cho. Những bức ảnh Huế, Non Nước, Đà-lạt. Vài tập thơ chép tay. Những bản tình ca của Phạm Duy... Chị Thanh mơ hồ

thấy mình bước trôi trên mấy nẻo quê hương mà từ lớn chị chưa một lần ghé tới. Cũng vậy, chị thấy tâm hồn lã đãng theo từng điệu hát, câu thơ. Chúng như có huyền năng gói phủ chị trong vô vàn giác cảm bình bằng, ngút lảng. Có lúc chúng đưa chị về gần nhiều lối-mộng-chưa-cải, âm thầm như một niềm hối hận dài năm. Đôi khi chị đem so sánh mình với chị em cùng tuổi lứa. Con Nguyệt, con Tâm. Cao hơn là con Nga, con Bích. Con Nguyệt có bồ là đại thương gia. Con Bích là hôn thê của một kỹ sư vô tuyến điện. Con Tâm mộng một ông bác sĩ trẻ tuổi có phòng mạch chuyên chữa bệnh trẻ em. Chị Thanh biết tụi nó cũng đã nhiều lần gặp điều rủi ro ngang trái. Nhưng hình như chúng lại vui sống hơn sau đó. Phải chăng muốn có hạnh phúc ta phải biết lướt thắng sự đau khổ, chị Thanh nghĩ. Nhưng rồi chị thấy lối lý luận đó không thắp sáng thêm lòng tin nơi chị. Chị thắc mắc sao con Tâm có đủ khả năng lướt thắng sự đau khổ vì người yêu tử trận chỉ trong hai ngày ! Và con Nga thì có thừa can đảm quên cái tiệm vàng bị cháy của vị hôn phu trong vòng bốn tiếng đồng hồ ? Đích thị là không có được một gặp gỡ nào trong đời sống mình với tụi nó, chị Thanh kết luận. Đám cưới chị Thanh cử hành vào một ngày mùa hè năm sáu mốt. Hai con đồ đưa dâu qua bến Cầm-phô đã làm nhiều người chú ý. Chị Thanh bấy giờ cất bước sang ngang với đôi mắt ướt sau lần quay nhìn thôn xóm ở lại. Tình đất mẹ trong ngày lên đồ hoa chị Thanh thấy như thu nhỏ lại bằng hạn giới của một dòng sông với chòm dừa khuất sau hàng dương liễu. Một cái gì vừa oà vỡ vừa kết tụ trong chị. Chị soi bóng mình trong con nước. Khuôn mặt vờn đảo theo nhịp sóng chèo, mơ hồ, nghiêng lệch như tâm trí chị lúc này. Các cô phù dâu đưa trêu chị làm chị đỏ mặt, quay đi, rồi bỗng nhiên bật khóc. Mẹ chị ngồi bên cười nói mớ-tổ-cái-con-nhỏ-này...

Đoàn quân sau một ngày di chuyển chạm địch, dừng lại một làng nhỏ đã được dội bom. Nhiều căn nhà đổ sụp còn lên khói. Không một bóng người. Súc vật chết nằm rải rác khắp các ngã xóm bên những lùm cây cháy nám. Bên kia, tại một ngôi nhà gạch, xác hai người đàn bà nằm vắt ngang bệ cấp trước sân. Những cây cau ngoẹo đầu, xám xịt. Dăm ba mái tôn bật tung với miếng bom vằm nhiều lỗ. Lặn sâu vào trong, trước ngôi miếu cổ, một em bé gái nằm chết với bó hoa vạn thọ trên tay. Vài con bò còn sống sót đứng gặm cỏ trong một khu vườn trồng bưởi. Ban

chiến tranh chính trị đặt loa kêu gọi đồng bào ra trình diện. Mãi chập sau mới thấy ba ông lão lếch thếch từ dưới hầm trú ẩn đi ra, tay run rẩy, mặt đầy bụi. Sau nữa đến lượt mấy bà già và trẻ em. Một số trong bọn họ bị thương được băng bó bằng vải đen cũ. Tất cả được đưa về một khoảng đất trống ngồi chờ lệnh. Toàn quân chia nhau lục soát những nơi còn lại. Thêm vài em bé được lôi từ hầm lên, mặt tái xanh, ngơ ngác. Hỏi về cha mẹ chúng đáp chết hết rồi, bị giải phóng giết nói tay sai mỹ ngụy. Một người lính nhìn xuống hầm quát to còn ai dưới lên ngay...

Sau hơn một giờ lùng xét, có hơn trăm thường dân (toàn trẻ em và ông già bà lão) bị bắt đem nạp bộ chỉ huy hành quân rồi tập hợp chờ thanh lọc...

Hơn trăm người bị lần lượt xét hỏi, xong cho về gần nửa. Số còn lại đứng tập hợp chờ thượng cấp quyết định. Ngồi từ nãy dưới gốc cây mít, một thiếu-úy lạng lẽ nhìn đám thường dân nhốn nháo trước mặt. Trên đôi mắt anh thoáng hiện nét u mặc như vừa đuổi gặp một quá khứ đang lẻo đẻo trôi gần. Tay mân mê cò súng, anh khẽ huýt sáo một tình khúc của Phạm Duy. Rồi anh chợt đứng dậy, mắt theo dõi một ông lão tay dắt một đứa bé trai độ bốn năm tuổi, tay kia bồng một đứa bé trần truồng da đen nám. Thằng bé lớn mặc áo cộc đen rách ở lưng, miệng đang gặm nhai một trái ổi. Người thiếu-úy đứng dựa lưng vào thân cây, kẹp súng giữa hai chân, tay phải lấy từ túi quần sau một bức ảnh đưa lên ngắm. Ảnh chụp một đứa bé trai đứng cạnh bà mẹ bồng một bé gái độ một năm. Mắt anh ngừng thật lâu ở hàng chữ sau lưng bức ảnh. Hội-an ngày... Anh từ từ đưa bức ảnh lên môi hôn, xong cẩn thận cất trả vào túi. Anh thở dài, rút thuốc châm hút, bước chậm rãi theo lối đi mòn dọc một con mương nhỏ. Bỗng một tiếng nổ chát chúa nổi lên từ phía đám thường dân. Rồi nhiều tiếng khác nối tiếp. Mọi người nằm rạp xuống. Có tiếng thét dừng chạy, đ. m. tụi nó pháo kích. Người thiếu úy vừa nằm xuống thì một mảnh bom ghim đúng vào ngực. Anh chao người, bật kêu lên một tiếng trời ơi rồi buông súng ôm ngực lăn lộn. Tiếng phản pháo nổ rền. Quang cảnh náo loạn kéo dài mười lăm phút rồi dần im. Hai viên y tá chạy vội lại người thiếu úy. Anh đã chết, mắt trợn trừng. Bên trái, một bà già nằm rên rĩ với một bàn chân đứt

VĂN — 114

lia. Xa nữa, một em bé đang quần quai vì mặt bị bầm nhiều chỗ máu đỏ lôm. Có tiếng nói lớn : đ. m. tội chó đẻ cứ giết hại thường dân vô tội. Đoàn quân được lệnh bố trí sẵn sàng. Trời vừa ngọ. Tiếng phản lực cơ phủ nặng trên đầu...

Chị Thanh thức dậy thật sớm, loay hoay sửa lại chiếc bàn ăn. Anh Mỹ báo tin sẽ về hôm nay. Chị Thanh tính xe đò từ Quảng-ngãi đến Hội-an vào khoảng mười một giờ. Chị ngồi xuống mở thư ra đọc lại.

Quảng-ngãi ngày....

Thanh,

Anh sắp được nghỉ phép bốn ngày. Sẽ về thăm em và con chủ nhật tới. Nhớ thằng Ngọc và nóng biết mặt con Thủy quá. Hành quân suốt tháng trong rừng, nay anh mới được về hậu cứ. Cũng may là anh vẫn bình yên. Vắng thư cho em gần ba tháng rồi còn gì. Về anh sẽ thưởng cho. Ở đây thật buồn. Thêm một giấc ngủ yên cùng với bữa ăn gia đình. Mơ một điếu thuốc cháy trong quán cà-phê Tiêu. Cũng khổ vì tiếng nói ngọng của thằng Ngọc trở về làm khuấy giấc ngủ giữa rừng. Và còn nhiều nữa. Chiến tranh đã mượn của anh tất cả rồi. Chỉ ngần đó viết cho em. Hẹn chủ nhật này anh sẽ tiếp tục kể... Hôn thằng Ngọc và con Thủy hộ anh mỗi đứa ba cái.

Anh,

Lê-Duy-Mỹ

Chị Thanh âu yếm cất thư vào túi. Thư đọc không biết bao nhiêu lần. Xuống bếp, chị Thanh xem lại nồi cá bóng. Hồi còn ở nhà anh Mỹ thích nhất loại cá này. Chị Thanh cũng lau lại khung ảnh của anh Mỹ cùng với tủ áo, khay trà. Còn cái bàn viết nữa chứ. Anh Mỹ thường ngồi đây đọc Tam-quốc-chí. Đã lâu, tủ sách không người đọc, bụi lên đầy. Mỗi quyển sách tạo gây cho chị một xúc cảm của móng lung như đã có từ ngày đầu chung sống. Chị như giạt vào một bến đợi có anh Mỹ đứng vẫy bên kia. Chị với lấy cây đàn guitare phủi nhẹ lớp bụi đóng ở cần đàn. Một âm thanh khua vọng, đưa chị Thanh giáp mặt những buổi chiều ăn cơm sớm anh Mỹ ngồi hát bài « Ai xuôi

vạn lý ». Chị còn thấy mọi vật trong phòng như mỉm cười với chị. Bao nhiêu kỷ niệm đã thoát ly khỏi trí nhớ chị giờ như rủ nhau kéo về. Đã gần mười giờ. Chỉ độ một giờ nữa là anh Mỹ đến nhà. Chị Thanh vội vàng đi lại tủ áo. Chị tính chọn một màu áo mặc hôm nay nhưng chị cứ chần chờ. Đã từ lâu những màu áo không còn gây cho chị một mối quan tâm. Nhưng bây giờ chị thấy khác. Chị ngẫm nghĩ xem nên mặc thế nào cho mình, cho con. Anh Mỹ thích màu vàng cúc nhưng chiếc áo đó nay đã cũ rộng. Chiếc áo mới may tháng trước thì màu sẫm, nắng thế này chắc anh Mỹ nhìn không mát mắt. Chị lưỡng lự, phân vân. Tiếng thằng Ngọc reo lớn ngoài ngõ. Chị hồi hộp bước ra. Anh Mỹ chưa về. Trở vào, chị ngồi xuống chiếc băng dài. Bất chợt chị nhìn mặt mình trong kính tủ áo. Chị vẫn còn trẻ. Chị lầm bầm : hăm chín tuổi, hai con. Đồng hồ nhà bên gõ mười một tiếng. Chị Thanh đứng bật dậy ra sân. Nhiều tiếng súng lớn vọng lại từ phía Xuyên-thọ. Tiếng súng làm chùng nao nức của chị. Chị Thanh lấy lại bình tĩnh bằng cách gọi thằng Ngọc vào nói chơi đờ lát ba về đánh nghe con. Con Thủy thức dậy khóc. Chị Thanh đi vào ru khẽ : À ơi... chiều chiều quạ nói với... diều. Con Thủy nín khóc. Chị bồng nó ra ngồi ở bậc cửa. Chị Thanh mắt ngó ra đường nói với con : Ba sắp về rồi... Trời nắng thật gắt...

CHU-NGYU-VŨ

Tòa soạn biết rất ít về Chu Ngym Vũ : anh là một công chức hiện đang làm việc ở Hội-an.

Mặc dù còn vấp nhiều khuyết điểm thuộc về kỹ thuật, chúng tôi nghĩ là Chu Ngym Vũ vẫn có thể đi xa, nếu anh biết khắc phục khuyết điểm vừa kể, đồng thời mỗi ngày một làm giàu thêm vốn sống của mình...

VĂN số 115

Mở mắt nhìn Quê hương

Lương Thái Sỹ

Lối dẫn đến bãi

CÔ BA HOÀNG HỒN CHAO NGƯỜI TỐI. CẬU hỏi không rõ rệt. Cậu Sam ngồi trước mặt, cúi đầu vẻ mệt mỏi, tay chống vào mép bàn nom chằng vững, tiếng nói khàn khàn lạc lõng. Anh gặp chủ nó chết sinh ruột ngoài con mương cuối đường chạy xuống xã dưới miệt rừng. Xác chết đã lâu ngày ruồi bọ bâu lúc nhúc. Mấy người nghĩa quân đưa vào trụ sở. Trụ sở không còn chỗ, phải đặt tạm ngoài trời. Cô Ba thất sắc, nét mặt tái mét một màu trắng, nước mắt chảy thành dòng luôn qua cằm. Cô gào to lên tức tối. Chết cha nó rồi, tao đã bảo đêm tối đừng bèn mắng tới đó. Nó nói nó liều. Bây giờ sự thể vỡ òa mới biết là đại hay khôn. Trời ơi! Cậu Sam rời ghế đến cạnh cô Ba. Dáng người cậu nom tỉnh nhưng lão đảo muốn ngã. Bàn tay run run nắm lấy bả vai cô Ba bảo việc đã rồi. Khóc lóc cũng chẳng được chi. Đề chuyện ấy anh định liệu. Cô Ba vật vã trên tấm chiếu rách kê trên sạp. Nỗi buồn bám rễ vào trí óc quê mùa của cô. Câu chuyện tưởng như chỉ có thể thực hiện được trong giấc mơ xa lạ, đã đến với cô thật sự. Không có nó, em sống sao nổi hả anh. Cậu Sam rẽ tóc cô Ba qua một phía, âu yếm nhìn cô không chớp mắt, lơ đãng khuyên nhủ một câu mập mờ. Thì có anh. Anh sẽ thay em làm ma chay cho chủ ấy. Cô Ba im bất tiếng khóc khi từ ngoài cửa bà Năm-lịa ôm bình rượu lược chực

bước vào, đôi chân khuỳnh vào nhau thành hình chữ bát. Cái tay nải nặng thùng thình choàng qua cổ chống đỡ bớt sức nặng đang chao về trước. Lưng bà khom khom nom khổ sở, mép dính đầy bã trầu đỏ chót nát như cám. Bà lọt qua cửa bỏ lại sau lưng luồng gió hơi hám bụi bặm, manh áo the nâu vương nơi ngạch nửa kêu soạt. Bà loạng choạng đứng chằng vững, chơi với đôi tay gỡ chiếc áo. Miệng chửi đầy tục tĩu :

— Ông nội nhà mày thẳng cửa. Bà cứ đi đến đây là mày lòi bà lại. Mồ tổ cha mày. Con cái bà ghét bà rồi mày cũng ghét theo luôn. Bà biết lắm mà ! Tụi bay a đua với nhau mà ! Trời ơi ! Chúng nó hại tôi nè trời !

Cô Ba mếu máo thốt chẳng ra tiếng khi giáp mặt người mẹ già ngốc nghếch. Bà Năm-liạ định hỏi một câu gì đó về chuyện làm ăn nhưng lại thôi. Bà ngồi chễm chệ trên cái sạp ba chân một ăn thủng nhiều lỗ. Cô Ba nhìn mẹ, nấc. Nhìn chán rồi lại quay qua phía cậu Sạm, bày tỏ sự khó khăn mà mình đang mắc chịu. Cậu Sạm chợt hiểu nỗi lòng cô qua đôi mắt mờ lệ ảo não. Cậu có thể giúp cô kể cho bà Năm-liạ biết chuyện thằng con xấu số. Sau đó cậu sẽ dỗ dành bà tha thứ cho nó, đừng mang nó ra để đào sới tội nghiệp. Cậu Sạm nghe như có trận phong ba đầu đó nổi lên âm thầm — hôm nay là ngày xui xẻo của cậu — Đàn bò nhà Phấn-đề đã lùa ngang cửa giữa ; bụi bặm bay mù mịt ngoài con lộ xám xịt nặng sức người. Từ đó cậu ngó ra phía ngoài. Sửa soạn cho ý định. Bà Năm-liạ ngồi chán đến nằm, hạ mình xuống là ngáy o-o. Giấc ngủ sủi bọt quanh mí mép nom ê chề. Cô Ba đứng trước tình cảnh ấy không nín khóc được nữa. Tiếng khóc lại vỡ òa, ngon lành như đã có một sự sắp đặt từ trước. Cậu Sạm hoảng kinh... Mỗi giọt nước bạc thếch của cô là mỗi cái gai nhọn đâm chém vào mặt cậu.

— Em khóc to thế bà cụ dậy lúc nào không hay.

Cô Ba kéo tấm khăn vải đỏ lau nước mắt. Thỉnh không chỉ còn nghe tiếng thụt thịch nơi sống mũi dọc dừa.

— Em không khóc bây giờ, lần nữa hối hận lại thì sợ nghi ngờ mình thương em ít, nên phải khóc thật nhiều. Anh đừng ngăn cản...

Cậu Sạm tự nhiên cảm thấy mình bất lực với tất cả mọi người. Cậu uể oải nhắc lại cho cô Ba biết đám táng mình sẽ tổ

chức chiều nay. Lời nói của cậu bạo và mạnh hơn, lúc cậu còn ngồi. Cô Ba ngược mắt lên, cảm súc hiện ần đầu đó. Cậu Sạm không nhận ra, nhưng nỗi buồn giờ đã vơi đi phân nửa.

— Anh về à ?

— Về mua hôm cho chủ ấy.

Cô Ba cũng đứng dậy theo, sờ mó chiếc nạng gỗ cậu Sạm kẹp nơi vai, dáng người run run khẽ hỏi điều gì đó không rõ ràng. Cậu Sạm cười bảo chuyện ấy không quan hệ. Quan hệ là cái xác sinh thúì còn phơi nắng mưa ngoài trụ sở. Cậu nhớ lại khuôn mặt lấm tấm những bọt mà bắt rùng mình. Cô Ba nghi ngờ trước lòng tốt của cậu. Cậu lần tay vào túi lôi ra một giấy bạc hai trăm đồng mới được ông chủ phát trên xưởng cửa trước ngày nghỉ phép mấy bữa.

— Hôm mua dưới này rẻ, anh dư tiền, em đừng lo.

Cô Ba bứt rứt thở chẳng ra hơi. Cậu Sạm thương cô thật tình rồi. Gió biển thổi lên lạnh lạnh tạt vào mặt cô in dấu rõ rệt. Cậu Sạm cúi đầu xuống thấp dưới cây nạng gỗ sần sùi, môi rất hồng nom xanh xao. Cô Ba muốn nói với cậu một lời hết sức thân mật, hay một lời cảm ơn gì đó, nhưng ấp úng mãi cô vẫn phát chẳng ra hơi. Cậu Sạm bám bả vai cô thật chặt khi cơn gió đổ ập vào chiếc lưng thô. Cây nạng gỗ bật rẽ kêu lộc cộc. Cô Ba để yên như vậy, đôi mắt nhìn cậu ần yếm. Cô nhớ lại quãng đời của em cô với nửa mộng nửa thực.



Bà Năm-lĩa chửi đã mỗi miệng. Từ ban trưa mặt trời vừa đứng bóng đến giờ người ta thấy bà chưa yên cái mồm. Chòm xóm không ai ngủ trưa, xúm xít lại với nhau, nghe bà dạy đời như nghe thuyết pháp, bần bặc liên hồi, đứt quãng. Mấy đứa nhỏ xếp thành hàng liu la liu lo trước mặt bà, chúng nói móc bà nhiều câu tục tĩu. Đi đi lại lại chuyện « thằng Tin » vẫn là mở đề cho buổi « hội thảo làng » của bà. Cô Ba đau xót vô cùng. Qua cánh cửa cuối cùng bóng dáng cô lập lộc sau bếp. Đầu mang cái khăn trắng mới tinh vải thô cuốn uể oải.

Chiếc hòm đóng cồng kênh đặt ngay giữa nhà, phía trên mặt phủ một tấm vải đen rũ xuống dưới mép. Đầu mút đặt bộ

đèn cầy còn dài bắc. Ánh lửa leo lét giữa ban ngày nom như cảnh nhà xác về đêm không bóng dáng. Cô Ba cúi đầu, tóc xõa xuống ngang vai, lồ lộ dưới gáy cái cổ trắng mơn mớn chảy xuôi theo xương sống nom xinh.

Một cây đèn cầy phụt tắt. Cô Ba vói lấy hộp diêm quẹt lửa mới. Chú Bá từ phía sau chuồng heo nhào vào tay cầm cây gậy đuổi bò. Chú nhìn cô Ba hỏi. Thằng Tín chết thật sao? Cô Ba ừ ớ. Chết mấy ngày rồi mới biết, xác lợm lúc xế trưa. Chú Bá gác cây gậy gỗ ở mép phen, lão đảo ôm lấy chiếc hòm khóc rống lên. Chú khóc như người lâu ngày chưa gặp mẹ. Cô Ba xúc động đến bải hoải. Mọi người đều thương em cô (trừ mẹ cô?). Đến giờ này cô mới hiểu ra thì em cô đã chết. Nó đâu còn sống để chứng kiến cái cảnh mai một này. Bà Năm-lịa nghe tiếng khóc thốc thếch chạy vào, gót quần phết dưới chân đen đũi. Chú mà cũng biết khóc nữa à! Chú Bá ngằng cái hàm lồm chồm râu, mặt đỏ gay như người say rượu. Khóc chứ chị. Nó là con rề tôi. Nó là... Bà Năm-lịa chặn ngang ở đó, niu áo chú Bá kéo tới chiếc bàn gỗ khập khiễng bảo đến đó rồi nói gì thì nói. Chú Bá chưa kịp phản ứng, ngón chân cái vấp phải góc hòm đập bầm. Bà Năm-lịa hỏi lạo xạo. Lúc này chú nói gì nghe lạ quá! Thằng Tín là con rề chú à? Chú Bá nheo mày, hót ha hót hải. Thế chị chưa biết chuyện nó với con Hấn... tối hôm đó sao? Bà Năm-lịa nhát gừng. Chú nói mập mà mập mờ tôi rợn hết sức. Nói gì thì nói đại ra đi. Chú Bá lắc đầu yên lặng. Nếp nhăn ở trán xếp thành nếp. Có tiếng chửi bới ngoài cổng vọng vào lớn lối. Cô Ba ghé tai mẹ bảo Sáu Bì đến đòi nợ, ả ấy rửa cha rửa ông ngoài ngõ. Bà Năm-lịa hoảng hốt chạy ra sau vườn ẩn trốn. Nom bà chạy chú Bá chẳng hiểu đầu đuôi. Hết nhìn cô Ba lại nhìn chiếc hòm phiền muộn. Cô Ba thấy tội nghiệp cho chú, xích lại gần trò chuyện khuây khỏa. Chú Bá thở phà, trệu trạo.

— Thằng Tín chết lâu chưa cháu?

Cô Ba đáp:

— Nó chết từ hôm thứ bảy tuần trước. Nhờ mấy người nghĩa quân gặp xác báo tin giùm.

Chú Bá ứa nước mắt. Những giọt nước mắt đen đũi mà chưa bao giờ chú nhỏ ra. Chú là người ít nước mắt nhất làng.

— Thật không ngờ nó lại bỏ đi mau mắn như vậy. Mới hôm trước nó còn ra đồng đuổi bò giúp tôi. Quần áo tôi tả...

Cô Ba rót nước mời chủ uống.

— Hồi sáng gặp em Hấn ngoài chợ, bán thịt bò ở quán hàng ba lão Thiệt, cháu có nói cho cô ấy biết về chuyện thằng Hai. Em Hấn khóc tức tức chạy về như người điên. Không biết bây giờ em ấy ra sao ở nhà. Cháu lo lắng quá.

Chú Bá ngập ngừng.

— Tôi vừa chăn bò trọn buổi, chưa ghé nhà đến nơi.

Cô Ba đập con muỗi bay vo ve trước mặt. Mẹ Sáu Bí đã bỏ về sau khi hét mỗi miệng mà không có kết quả. Đâu đó tiếng xe cày đồ ngoài cổng. Bọn nhỏ reo hò xe đưa đám ma mà nhộp nhúa. Tụi bay ơi, xe không có ghế ngồi. Cô Ba ngoái cổ nháo nhác ngó qua cửa sổ. Cậu Sạm rẽ bọn nhỏ bước vào nhà. Chú Bá đứng dậy bắt tay cậu hỏi. Xe chắc đề đưa đám? Chú mượn ở đâu vậy? Cậu Sạm ừ à. Cháu mượn trên xưởng cưa. Từ đây đến đó mệt đứt hơi. Thở chẳng muốn nổi. Chú Bá lắc đầu kêu tội nghiệp. Cậu Sạm hình như không đề ý, cùng mấy người khác áo quần dính đầy mặt cưa khiêng chiếc hòm thô kệch bỏ lên xe. Cô Ba đứng thấp sau lưng cậu. Nom vẻ mệt mỏi thật thà của gã con trai lòng cô lằng lằng thương hại. Lúc nào cậu Sạm cũng tốt với gia đình cô. Không có cậu, thằng em cô chắc phải nằm nhà thêm ba bốn ngày nữa chờ tan thành xương. Cô Ba mời tất cả vào nhà uống nước. Bà Năm-lĩa đứng trong mái hiên, tay ôm cái nón bẹp. Tụi bay đi chôn thằng nhỏ cho tao theo với. Cậu Sạm đỡ bà lên xe ngồi sát mũi. Cô Ba lên theo với chiếc khăn cầm tay thấm đầy nước mắt. Mắt cô mờ đi, nhoè nhoẹt. Chú Bá khóc như mưa bắc. Chiếc xe chòng chành. Lối đi là con hẻm nhỏ đưa đến bãi vắng. Vài ngôi mộ lổm chổm mọc trơ trên bên vệ đường lụi dần nom không rõ mặt.

Vẫn biết rằng tôi không nên làm chuyện ấy vào giờ này. Lúc mà cô Ba Thoa — « người yêu » của Sạm — đang vui với nguồn sống mới, mùa gặt đến với Thoa như chuyện thần tiên đôi lần mới hái được một lần.

Chuyến xe chở tôi sóc mạnh trên con đường chạy đến xã Hòa-linh. Người «tài xế» cố ý cho xe tiến lên mau hơn. Tiếng súng nổ thường ngày bỗng im bặt. Sự yên tĩnh đến độ phũ phàng khiến tôi chăm chú hết sức đề cố thu vào tai tiếng lồng lộn của những con ngựa già, cốt lấy đó làm khi giới xưa đuổi đi niềm tức tối đêm ngày dâng lên như nước lụt.

Căn nhà đầu thôn hiện ra rõ rệt qua bờm ngựa xù lông. Người đàn ông khùng đang bước chập chững bên vệ đường nhe răng cười toe toét với những người trên xe. Cái miệng toang hoác kéo lên tận màng tang. Tiếp theo đó là những câu chửi đồng tục tĩu:

— Đù mẹ! Mồ tồ cha chúng mày. Chúng mày bắt con về ông đi, rồi chúng mày mang xác con ông về. Đồ chết nước. Ông dận nước chúng mày... ha! ha!

Tôi bịt tai thật chặt để khỏi phải nghe những lời đầy chết chóc đó (Tôi không xa lạ gì với con người lão. Lão là lão Bá — cha của em vợ Sạm. Từ khi con lão, cô Hấn, buồn tình bỏ nhà ra đi, lão hay tin bỗng trở nên điên điên tỉnh tỉnh, phá phách hàng xóm mỗi đêm. Họ xưa đuổi lão như xưa đuổi con chó hoang không còn sinh lực. Sạm cũng kể cho tôi nghe về lão ít nhiều: xưa kia hồi còn ở Hà-nội, lão đi lính Lê-dương cho Pháp. Sau trận Điện biên lão di cư vào Nam làm nghề chăn bò. Cuộc đời của lão luôn luôn u mê tối tăm, như cuộc đời của người ca nhi đến tuổi về già). Xe chạy đã khá xa nhưng sao tôi vẫn nghe mang máng tiếng người đàn ông thét to hơn bao giờ. Gặp phải hố gà lớn chiếc xe lồng lên làm tôi bừng tỉnh, ừ a ừ ở ở miệng.

— Không biết về có gặp bà Năm-lịa không nữa?

Tôi nhận ra căn nhà sán dựng ngay mé đường. Người chủ ngựa đỗ ở đấy. Tôi nhảy xuống, vỗ bờm con ngựa trả tiền xe rồi bước chập chững những bước quanh co lên dốc cổng.

Con vện rần rì sữa lên ăng ăng. Nó đánh hơi biết tôi là người quen và ngưng tiếng sữa. Bà Năm-lịa ra mở cổng, sừng sốt nhìn tôi không nói. Tự nhiên tôi thấy nét mặt bà có vết nhăn trầm héo lại. Gió lướt nhanh luồn qua mái tóc tôi, rối như ổ nhện. Tôi muốn nói điều gì nhưng không hiểu sao miệng tôi bị bít chặt, chất keo dẻo dai gắn liền đôi môi nổi bọt trắng. Bà Năm-

này con người bà đổi khác hơn xưa nhiều. Tay chân bà dài ra, dáng đi bớt lừng khừng.

— Hình như chú đây là bạn của thằng Sạm.

Tôi vin vào đó, bỗng nói một thôi thật dài, đặng trộn lẫn ngọt ngào:

— Dạ! cháu là Uyển, bạn Sạm. Máy hôm trước tôi gặp thím cháu chẳng rõ ai nên... hơi bối ngỡ.

Bà Năm-lạ xô bồ cái miệng tóp tép bã trầu.

— Từ khi con nó chết. Nó đi biệt tăm đến giờ không thấy về. Tôi lo cho nó quá!

Bà Năm dần từng tiếng... Sao «tôi lại lo cho nó quá» nhỉ? Lo mà đợi đến bây giờ mới lo! Quái lạ. Tôi chưa hiểu gì cả. Chưa đoán biết được tâm lý của người trước mặt nên chưa dám nói ra chủ ý của mình. Tôi đến đây mang «danh nghĩa» là chứng nhân của Sạm. Vì vậy tôi phải làm tròn nhiệm vụ của tôi. Lời tôi nói ra tôi biết sẽ được nhiều cảm động nơi những người tôi gặp mặt. Nhưng sao bây giờ, tâm trạng tôi thay đổi như một người vừa mới thoát ly cuộc sống. Tôi bỗng đâm ra nghi ngờ tình cảm của người khác — biết đâu cái tình cảm đó nếu tỏ bày ra chẳng phải là đề lừa dối tôi hay sao? Có thể lắm. Tôi vẫn cảm nín chịu đựng khác thường. Tôi bỗng nghĩ đến Thoa — vợ Sạm — bây giờ nàng đang làm gì, sao chưa lộ mặt. Hai tháng trời trôi qua dài đằng đẳng. Sạm nhớ đến Thoa không đêm nào ngủ yên nghe trăng sao trò chuyện. Nỗi nhớ càng ngày càng chất chồng thì theo sự ra đi của Sạm về cõi vắng. Chặng đường tôi đi, sau lưng đầy rẫy những hình ảnh, bóng vía của sự chết. Chao ôi! Tôi biết làm gì đây cho người chết được vui lòng. Tôi còn uất ức gì để đi báo động lung tung cho hàng xóm biết về cái chết của Sạm. Một mảnh gỗ gõ đập vào ngực vẫn chẳng khác nào lúc ở nhà lăn lộn trong vũng bùn, mang trong mình nỗi trầm tư còn xanh chưa co quắp lại.

LUƠNG THÁI SỸ

Mới tìm đến với VĂN, nhưng đã có nhiều truyện được chọn đăng, Lương Thái Sĩ lên đường với nhiều tin cậy của chúng tôi...

Dương Nghiễm Mậu

CON SÂU

(truyện dài)

ĐỨC RA KHỎI PHÒNG, BẮT TAY NHỮNG NGƯỜI gặp trên hành lang, đầu hấn gúc gúc, tôi hình dung ra khuôn mặt hấn tươi cười, những lời hỏi thăm xã giao, trông dáng hấn vẻ vững vàng tự tin một cách bình thường. Sao tôi không được như hấn. Có phải như hấn thì được hạnh phúc. Chỉ có những người như hấn mới được hạnh phúc. Hấn bước xuống tam cấp, qua khoảng sân trắng xi-măng đi vào một dãy nhà tôn không có vách, chiếc xe gắn máy nằm ở phía trong. Đức móc tay vào trong túi lấy ra chùm chìa khóa, cúi xuống mở, một cái khóa nơi bánh sau, một cái nơi bánh trước, hấn cử động một cách điềm đạm và quen thuộc. Những cử động hấn đã lập đi lập lại trong bao nhiêu lần, những cử động được sắp xếp một cách thứ tự. Hấn mở cái túi vải nhựa ở phía sau lôi ra một cái giẻ và lau yên xe, lau chỗ ngồi phụ phía sau, bỏ chiếc giẻ vào đóng lại, một chân đề lấy cái chống rồi đẩy xe về phía trước cho cái chống gấp lại, lùi xe lại phía sau rồi đẩy ra ngoài sân. Hai tay giữ lấy càng rồi đạp, chiếc xe vẫn không nổ. Đức dựng xe, chèo lên yên cố gắng đạp nhiều lần, máy nổ, Đức nhìn tôi cười vẻ hài lòng. Đức xuống đẩy xe rồi cho chạy ra nơi cổng sắt. Tôi nghĩ tới lúc trở về nhà hấn. Tôi bước ra ngồi đằng sau ôm ngang bụng hấn. Chiếc xe vọt chạy nhanh ra đường. Đức không nói một tiếng. Giờ tan sở, đường đông kẹt những xe

với khói và bụi. Tôi mơ tưởng tới một nơi không có bóng người, chỉ có cỏ cây, muông thú, biển, gió và núi rừng, ở đó tôi tan vào trong đời sống hằng cửu của vũ trụ, ôi chao, nếu tôi được sống như mình mong ước, nếu mọi người được sống như mình mong ước. Nhưng đâu có phải ai cũng mong ước sống như thế, người ta mong ước được sống như một loài vật mới với những tham vọng, ham muốn hết sức kỳ cục, những tham vọng và ham muốn do tri khôn rất ngu dốt của họ làm thành. Địa vị, quyền lợi, tiền bạc, danh vọng, và những gì nữa... Cái bọn người ấy sao được gọi là người nhỉ, sống chen chúc, thôi thúc, hốt hải, khổ sở như thế này để làm gì nhỉ, đánh nhau, giết tróc để làm gì nhỉ, cũng là một nguồn hạnh phúc đó sao. Con chó. Xin lỗi. Con người. Con...

— Chạy nhanh lên một chút coi.

— Thôi chứ, ta còn vợ con mà, đừng xui đại nhau...

— Chết còn sướng hơn.

— Khùng...

— Ai khùng ?

— Mày chứ còn ai nữa. Cái gì ở trong đầu mày vậy ?

— Tao khùng, có lý, trong đầu tao ấy à, không có gì hết, mà chưa chừng là đất bùn cũng nên...

— Không phải đâu.

— Vậy thì cái gì ?

— Một con sản.

Đức cười rung cả bụng. Chó. Tôi lợm giọng muốn nôn. Một con sản. Tôi thấy buồn trong cổ họng và nước bọt tanh lợm. Tôi nhắm mắt lại. Tiếng vang động còn cào chung quanh. Chiếc xe vẫn chạy một cách đều đều, chốc chốc ngừng lại rồi lại chạy, tôi nghĩ tới những ngã tư, những đoàn xe ngược chiều. Sao không có một cái xe nào tuột thẳng. Sao không có một thẳng say, một thẳng diên, một thẳng khùng nào đó, sao không có một thẳng nào trong đầu có một con sản với một cái xe phóng thật nhanh.

Tôi ôm thật chặt lấy bụng Đức, tiếng Đức nói lớn :

— Mày đừng nghĩ tao là một cô gái nào nghe, kệt, tao lắm.

— Sao mày không nghĩ tao là một cô gái.

— Thôi chứ, tao đâu có cần, bọn mày mới cần.

— Tao mà cần. Tường nhà tao có thiếu gì những lỗ. Thằng Lực thì có những con ngựa...

— Thôi đi, nghe mà gớm.

— Không biết còn thằng Ngưỡng, thằng Thạc thì sao. Tôi thằng nhỏ nằm trong bệnh viện, nó dám khóc lắm. Nhất là thằng Thạc, chừng như nó thất tình.

— Mày đùa hoài. Sao bọn nó bảo chính mày thất tình. Cái con nhỏ nào đó thời ở trong quân lao...

— Bậy.

— Sao lại bậy. Mày là thằng giả dối. Mày tưởng mày ghê gớm lắm hả. Có gì mà phải nhăn nhó, thương thì cười mẹ nó đi, cần gì, có gì là quan trọng đâu, người ta cũng sống nhăn ra đó, mày giống thằng Lực như đúc... Cái con sán trong đầu mày...

— Thôi đi.

Tôi la lên thật lớn, bỗng Đực phóng xe nhanh. Tôi mở mắt ngạc nhiên và níu hần thật chắc.

— Mày đừng tự tử chứ, tao đùa vậy thôi, mày còn vợ con mà, tao thì không có gì hết, tao chết thì được, nhưng tao không muốn là kẻ mang tiếng giết người, tao cũng còn muốn được ăn cơm với mày, ngó vợ mày, nhìn em mày xinh như một nàng tiên... mày nghe thấy không...

Đực khom người phóng cho xe chạy thật nhanh trên con đường một chiều vắng xe, buổi trưa nắng gắt trên con đường không một bóng cây với hai hàng phố những căn nhà thấp, mái tôn, bụi và gió tấp vào mặt. Tôi không hiểu vì sao những thằng bạn tôi đã sống như thế. Có phải bọn nó đã mất đi một cái gì. Một cái gì? Sao tôi không biết gì về Quảng hết. Những ngày đi học, thời gian trong quân ngũ, những ngày lang thang như chờ đợi một cái gì, nhiều lúc tôi thấy hần bình thường hết sức với những lá đơn cầm trong tay đi xin việc, hần nói với tôi chuyện làm ăn, gây dựng một cách bình thường, nhưng cũng rồi ngay đó tôi thấy hần khác tôi, hần trôi bập bênh trong những ý nghĩ kỳ cục nào đó. Tôi có lúc tự hỏi có phải đời sống trong quân ngũ trước đây đã khiến hần như thế? Có phải đời sống gia đình hần? Có phải vì những Ngưỡng, Thạc đã làm hư hần? Không, ngay Ngưỡng và Thạc tôi cũng chỉ thấy bọn nó hết sức dễ thương. Ngưỡng không thể quên mẹ và em nó, Thạc không thể quên cô nó. Chúng nó hành động với tất cả những gì rất tốt, không phải là những kẻ xấu nhưng ngó vào có một cái gì hết sức kỳ cục. Bọn nó nói

tôi thắng tầm thường an phận, sợ vợ... Nhưng còn chúng nó sống như vậy để làm gì, tôi không hiểu gì hết...

Tôi cho xe chạy chậm lại, Quảng vẫn ôm chắc lấy bụng tôi :

— Sợ hả, tưởng không sợ chết...

Quảng vẫn im, tôi la lớn :

— Chết rồi hả. Mà nghĩ gì vậy.

— Ê, có phải thằng Ngưỡng nó mê em vợ mà phải không.

— Mà hỏi chi vậy.

— Hỏi chơi không được sao.

— Chơi thì thôi, tao tưởng mày muốn làm tình địch.

— Với mày hả.

— Thôi đi, mày chỉ được mỗi cái đó...

— Sao nổi giận chi vậy, các cụ mình nói hoa thơm ngắt cả cụm có gì đâu, như thế nó tiện...

— Mày muốn tao hát mày xuống đường không.

— Thôi mà người bạn quý, đề yên cho tao làm em rề đi, có tình địch thì càng thú, nhưng với thằng Ngưỡng thì ăn nhằm gì, nó nhường tao ngay, và nó đâu có mặt luôn, cái kiểu đi hoài, lâu lâu ở nhà làm sao giữ được vợ, như vậy còn kê gì người tình. Tao phải lấy vợ mới được... Nhưng đùa vậy thôi. Tao mà lấy vợ thì lấy cút mà nuôi à. Hừ, nếu yên ổn mình về nhà quê mà làm ruộng may ra có ăn, lấy được vợ, có nhà mà ở. Như thế này thì cái chuồng và chó cái cũng chỉ là một thứ vé số độc đắc...

Xe ngừng lại, Đức ngó lại. Tôi đã nhận ra con ngõ.

— Xuống đi, ngõ này chạy thì không chết mình nhưng tao sợ chết người. Đi bộ vào...

Quảng đứng xuống, một bên chân tê dại. Tôi đứng im động hơi khe khẽ, cảm giác buồn chạy xuống dưới chân. Ngó Tổng thống muôn năm. Tôi mỉm cười với những tấm bảng nhỏ nền vàng chữ đỏ đóng nơi trước cửa những căn nhà bên con ngõ. Sống đến muôn năm cho mà chết. Ông ấy lại không có vợ, không được đi chơi bầy bọ một mình. Không được vắng tục, không có bạn nhậu nhẹt, chửi bới om sòm. Ôi chao, nghĩ mà thương làm sao. Động đi ra ngoài là người ta nhòm ngó, đón chào một vẻ xa cách, rồi có những người chịu ơn, những người chửi bới, lại phải dự những lễ chào cờ, phải đọc, phải nghe những diễn văn, phải bắt tay người này người khác, phải cười khi đang đau bụng, phải nói khi muốn ngủ... Nghĩ mà

nản làm sao, thật đáng thương... Minh mà phải làm như vậy thì chắc tức cười lắm... Nhưng chắc cũng có một lạc thú nào đó chớ... Có lẽ thật, trong đầu mình có một con sán. Tôi bỗng chóng mặt và nôn, một thứ nước vàng chua vọt mạnh ra khỏi cổ. Tôi cố nhìn, chưa chừng con sán đang tìm cách bỏ ra, tôi nôn mãi cho tới lúc không còn gì để nôn nữa. Miệng đắng ngắt. Khi tôi lấy khăn lau miệng và nhìn lên thì tôi thấy một vài người ngó tôi. Đức đã trở ra. Nó nhìn tôi ngạc nhiên:

— Sao ói ra vậy? Điều này bệnh rồi...

— Con sán trong đầu...

— Vào nhà súc miệng đi, thế từ sáng đến giờ mày làm gì... Điều này chắc là uống cho cổ vào, gặp gió có khi chết nghe con...

Đức cầm lấy một bên cánh tay tôi. Tôi cười thầm, nó làm như tôi là một con bệnh cần phải dìu. Tôi giằng tay ra và bước đi. Cái chân vẫn còn tê cứng. Tôi cố gắng bước đi. Đức mở rộng cánh cửa ngoài. Tôi cúi xuống bỏ giày. Tôi chúa là ghét những căn nhà được lau chùi một cách sạch sẽ khiến người ta không dám đi giày vào trong nhà...

— Anh vào đi, nhà bẩn đó mà.

Vợ Đức đứng nơi đầu chiếc bàn lớn gương mặt tươi cười thân mật. Tôi đã bỏ được hai chiếc giày đứng thẳng và bước vào.

— Tôi muốn ngủ chị ơi, bỏ luôn giày cho tiện. Trưa nay thì chắc anh chị phải nhịn mắt. Tôi ăn nhiều lắm đó, đói mà...

— Chỉ được cái mồm, vợ tao kêu ông nào cũng chỉ được mỗi cái ồn ào còn thì không ra cái tích sự gì hết. Ăn được bao nhiêu mà lo.

Đức nói với vẻ bông đùa. Tôi bước vào trong bếp rửa mặt súc miệng. Thảo đang nấu ăn chào tôi. Thăng Ngưỡng nó mê cũng phải. Tôi thì không được. Minh là kẻ tới muộn mà. Minh cũng gà chết như Thăng Lực. Những trái cam vỏ xanh nhưng ngọt. Tiếng nói êm đềm, những lời năn nỉ và những hạt nước mắt chảy xuống tay tôi. Tại sao tôi đã không chấp nhận đề sống như thế. Tôi cũng không biết nữa. Có phải tôi không muốn đó như một đền ơn. Tôi nghe như tiếng nói oán trách nào đó vẫn còn chứa đầy trong đầu tôi: em biết rồi, em chỉ là một đứa quê mùa, em không là gì, anh không thêm mà... Tôi không biết được tại sao tôi lại như thế, bây giờ thì mọi chuyện đã trôi qua, mọi chuyện đã hết, không còn gì, nhưng còn

nàng, có một hạnh phúc nào đã đến, nhưng tội nghiệp biết bao nhiêu nếu tôi phải là chồng của nàng lúc này, người đó có biết gì về những gì đã qua không, nàng có thực quên tôi không để sống hoàn toàn cho thực tại của nàng đó. Tôi không thể biết được, nhưng dù sao tôi cũng cảm ơn nàng đã cho tôi điều để tôi nhớ đến. Những điều làm lẩn át được đi những gì tôi muốn quên. Bây giờ thì không có ai. Không có gì. Sao tôi không buông mình, không nhảy xuống một dòng sông, một lòng phố, một chuyến xe đang chạy tới. Không, tôi còn ham sống lắm. Những vốc nước lạnh làm tôi tỉnh lại khoẻ khoắn. Tôi bỏ mình ngồi xuống một góc ghế, dựa lưng vào tường, bỏ hai chân lên, Đức mở máy thâu thanh, bản tin tức nói về một trận đánh có nhiều người chết, giọng dửng dưng khô khan. Có lẽ trong đó có thằng Ngưỡng. Thằng Thạc thì yên rồi không phải lo, a sao thằng Lực nó không đi lính được nhỉ, ngó bộ tay run mà nó không bắn được sao? Nhưng thôi tội nó. Tôi vẫn thú cái chuyện xưa kia người ta đánh nhau bằng giáo mác, nhìn thấy mắt nhau, bây giờ thì không, người ta giấu mặt kỹ quá, người ta cố gắng để không nghĩ là mình đã giết người. Ôi sự khôn ngoan khốn nạn... Sấm truyền rằng. X tuyên bố rằng. Người ta đã dựng lên biết bao những tượng bằng gỗ, bằng đá, bằng đất. Bằng... Cần gì. Chỉ cần dựng chính tôi lên, những điều gì tôi nói đều được nghe thì đã tốt nhất, Dựng lên những tượng gỗ, đá, xi-măng, đất thì dù mắt có mở, miệng có nhe răng, tai có vênh cũng chỉ là những cục đá, cũng chỉ là... Thôi, có lẽ đầu mình có một cơn sản rồi thật... Tôi mời điếu thuốc, nhắm mắt. Một con sông dòng nước xanh trôi nhẹ nhàng, cánh đồng lúa rung động những cơn gió nhẹ thoảng qua. Trái dừa ngọt mát...

— Hồi này anh khỏe chứ.

— Vâng, cảm ơn chị.

— Tôi vẫn hỏi anh ấy sao lâu không thấy các anh ghé chơi. Hôm rồi nghe tin anh Thạc bị thương. Tôi tưởng anh ấy về bệnh viện Cộng-hóa thì ghé thăm anh ấy chút, hóa ra anh ấy ở tận dưới Cần-thơ, xa quá, chắc khỏi rồi thế nào anh ấy không đi phép về Sài-gòn chơi.

— Tôi nghiệp cho Thạc, nó lại không có ai, bà cô mà nghe

tin thế nào cũng lên thăm hần... Nhưng tôi sợ nó không nói cho bà cô nghe đâu, thường hần vẫn vậy. Không biết lần bị thương này có nặng không. Nặng thì có thể hần sẽ được giải ngũ, nếu không cũng được phục vụ ở văn phòng, số thằng ấy vẫn còn dai, chưa chết, mấy lần rồi đó...

— Cừ nghe anh Ngưỡng với lại anh Thạc mà nói chuyện đánh nhau là tôi phát kinh. Hôm rồi khi anh Ngưỡng về, anh ấy nói với tôi, tôi có món quà hay lắm chị có muốn tôi tặng không, vừa nói anh ấy vừa moi ở trong túi ra một vật đen đen khô quăn lại, tôi cầm tưởng là nắm mèo nhưng ngó kỹ mới biết là tai người phơi khô, tôi thất kinh. Anh ấy cười cười nói sao mà chị sợ, tai người ta chứ gì. Ôi chao, cái anh ấy nghịch thật hết chỗ nói. Nhiều khi tôi đọc báo nhìn thấy ảnh những người chết thời cả ruột, vỡ toang cả đầu, đứt cả chân tay khi đi ngủ tôi sợ... Thế mà các anh ấy thì nhìn thấy người chết hoai, nghĩ mà sợ, chừng như các anh ấy quen rồi. Hồi trước tôi nhìn thấy một người chết ngay giữa đường vì bị xe cán, máu chảy thành vũng đỏ lôm, đầu bị vỡ toang, từ đấy trở đi tôi cứ trông thấy máu là sợ, trông thấy người ta ăn tiết canh cũng kinh...

Thảo bưng mâm cơm ra cắt đứt câu chuyện, bây giờ tôi mới nhận thấy vợ Đức đã có bầu, chưa lớn lắm. Đức kéo ghế ngồi phía trong :

— Thôi qua ăn cơm đi. Uống chút la-de không ?

— Thôi, uống gì nữa.

— Anh uống chút rồi ngủ. Anh có bận gì đâu...

Vợ Đức đi vào trong. Thảo xếp những món ăn ra mặt bàn được trải bằng một miếng vải nhựa xanh.

— Hồi này cô Thảo có chuyện gì vui không ?

Thảo vẫn cúi mặt, tiếp tục công việc, chừng như nàng hơi luống cuống, giọng nói nhỏ :

— Em mà có chuyện gì, ngày nào cũng như ngày nào...

— Không có chuyện gì hết, làm con gái sướng thật, không có gì phải lo hết, học hành yên tâm, điểm trang, may áo, đi chơi...

— Sao anh không làm con gái đi...

— Muốn mà không được, thôi để tới kiếp sau vậy...

Công việc đã xong, Thảo đi vào. Vợ Đức cầm vỏ chai bia đưa cho Thảo :

— Em ghé qua bên bác Năm lấy la-de, lấy thêm ít nước đá pha nước chanh nghe, nhà còn chanh đó.

Thảo cầm lấy vỏ chai bia, trả lời nhỏ, nàng đi vào cất chiếc mâm rồi trở ra ngõ. Sao mình lại không có một người vợ, một người em. Sao tôi không có những điều mà người khác có. Chiếc đi-văng, một người nằm, ngọn đèn dầu nhỏ trong căn nhà thiếu ánh sáng. Người đàn bà ra vào nhẹ nhàng như một cái bóng. Tiếng nói thăm thẳm của những đứa nhỏ. Tôi biết tôi không sống trong gia đình ấy. Tôi biết đó không phải là một gia đình. Tôi biết... Nhưng tôi cố gắng để không nghĩ như vậy, nhưng cuối cùng thì sự thật vẫn còn nguyên vẹn không thay đổi chút gì... Làm thế nào được. Nhiều lúc tôi muốn có một quyền hành thật là kinh khiếp. Tôi muốn tôi có tất cả những tàn bạo kinh hoàng. Muốn tôi là một con thú dữ tợn... Nhưng cuối cùng thì tôi vẫn chỉ còn lại đó những lo âu không đầu hết, với một suy nhược không cưỡng lại được cùng sự bất tài vô tương, hèn hạ như cỏ cây...

Thảo đã trở về. Đức cầm lấy chai bia mở ra. Thảo mang lên hai chiếc ly lớn với những cục đá trong. Thảo trở xuống. Vợ Đức sôi cơm ra bát đưa cho tôi. Tôi mời rồi cúi xuống ăn. La-de lạnh làm tôi dễ chịu. Tôi ăn nhanh và uống những ngụm lớn. Lúc sau Thảo mới lên mang theo hai ly đá chanh, một cho nàng, một cho người chị, nàng ngồi ngay ngắn và ăn một cách tự nhiên bình thường. Mái tóc dờ dang được cột cao bằng sợi dây thun, đôi má phính hơi ửng hồng mộm mộm... Đức nói những việc vặt trong sở làm, người tài xế ăn cắp xăng, chuyện thuyền chèo và hợp hành của Phong-trào, truyện một nhân viên đi chơi bị vợ không cho về, những câu chuyện bình thường được nói với một giọng nhiều khi khôi hài, tôi cũng góp vào đó những chuyện không đầu, tôi cảm thấy một không khí thật bình thường thân mật... Cơm xong Đức ngả người ra chiếc ghế xích đu, cầm tờ báo đọc, vợ Đức mang ra chiếc gối bỏ lên đi-văng cho tôi nói anh ngủ đi cho khỏe, Đức nói cứ ngủ đi, tôi phải chớp mắt một chút trước khi đi làm nếu không thì chiều không làm việc được, mình có vẻ già rồi, sinh lực không còn nữa, những thói quen tệ hại... Tôi muốn đi ra ngoài đường. Nhưng chút la-de khiến cho mí mắt tôi mệt nhọc. Không khí trong gian nhà nhỏ yên lặng hẳn xuống, tôi nằm im. Đáng ra tôi cũng có thể được sống như thế này... Tôi phải thu xếp

cho tôi. Tôi nghĩ thế. Nhưng thu xếp như thế nào... Tôi thiếp đi với lời nhủ thầm...

Tiếng động làm tôi thức dậy. Đức đang mặc quần áo đi làm. Tôi đi xuống dưới nhà rửa mặt. Đức nói:

— Dậy làm gì, sao không ngủ đi.

— Phải đi, bạn...

Tôi không thấy Thảo, vợ Đức nằm trong nhà đang ngủ ngon, một vạt áo bị kéo lên hở một khoảng da bụng trắng thẳng. Tôi nhìn mình trong gương, chải đầu, sửa lại quần áo. Tôi nói với Đức:

— Bỏ mình lên trên phố chút.

— Làm chút cà-phê không.

— Thôi, không thích, uống hoài đến chết mất.

— Việc gì mà có vẻ gấp vậy...

— Chuyện đi làm, họ hẹn trở lại, có thể sẽ đi làm xa, họ cần một người trông nom một cơ sở khai thác gỗ... Thì cũng phải làm ăn chứ sống mãi thế này thì có lúc đâm đầu vào xe mà chết.

— Thật trời mà hiểu được cậu.

Đức đã mặc xong quần áo, ra khỏi cửa dắt cái xe ra ngoài và đạp. Tiếng xe nổ nghe khô nóng khó chịu. Vẫn là con đường cũ đi ngược lại. Hắn đã đi trên con đường đó hàng bao nhiêu lần, có khi nào hắn đã chọn một con đường khác để ngang qua khi trở về nhà không. Chắc là không. Tới ngã tư đường. Quảng vỗ vào lưng Đức:

— Cho xuống đây.

— Xuống đây hả.

Xe ngừng lại từ từ bên lề, Quảng đi xuống đường, Đức nhìn Quảng về tội nghiệp:

— Ông nội không chịu ngủ, trời nắng thế này mà lang thang, có bữa chết lăn ra đường.

Đức cho xe chạy, Quảng đứng vào trong một hiên mát ngó theo Đức mất hút vào con đường rộng những di chuyển ồn ào của một buổi trưa nhiệt đới không khí như không còn hơi nước. Đáng ra mình phải ngủ. Sao mình lại ra đây. Chắc Đức hài lòng đã thấy mình trở về nhà hắn, ăn cơm và tươi

cười với hắn. Ở đó là hạnh phúc của chính hắn muốn được người khác nhìn thấy, ca tụng... Phải vậy không. Hạnh phúc là gì? Sao mình lại đứng dưới hàng hiên trong buổi trưa nắng thế này. Sao mình không ngủ trong nhà Đức, sao mình không trở về nhà, công việc gì chờ mình, ở đâu, để làm gì. Đôi mí mắt nặng trĩu làm tôi muốn ngủ thêm một giấc thật dài. Tôi ngồi xuống một bậc tam cấp, cửa hàng còn đóng với lớp cửa sắt. Tôi nhìn ra ngã tư đường rộng, nắng đầy ở đó... Tấm bia động đậy lung linh trong nắng buổi trưa như mờ đi trong lớp bụi mù cùng những tiếng nổ chát chúa vang động, đôi viên đạn lửa đỏ như máu vút nhanh mất hút trong nền trời... Cái đầu người thoáng hiện lên dữ tợn rồi lại biến đi ngay. Tôi cố gắng giữ chặt báng súng, một mắt nhắm nghiền chăm chú, qua lỗ chiếu môn cái đầu người di động, những lớp bụi mù, tiếng nổ chát chúa liên hồi không ngừng, những giọt mồ hôi buồn buồn trong sống lưng, luôn ướt lạnh trong ngực áo, chảy ròng trên thái dương, cái đầu người đen chập chờn, tôi nín thở nãy giờ... tới lúc tôi không cần nhắm và những viên đạn nổ chát chúa phóng về trước mặt, ở trong đó cũng có những đầu người nhưng đó không phải là những tấm bia, đó là những đầu người có hơi nóng của một đời sống như tôi... Có người nói với tôi, ở đâu đó khi một người sắp chết thì thân nhân của người đó đánh cồng lên, những dấu hiệu sao đó cho những người sống trong làng biết rằng trong nhà có tiếng cồng có người sắp chết, người ta kéo tới và cùng nhau làm thịt người kia, mỗi người lấy một chút mang về ăn. Người nào là kẻ tốt được nhiều người thương yêu quý mến thì nhiều người tới ăn thịt, nếu người nào tệ hại, xấu xa thì không có ai tới hết và thân thể chỉ để lại cho những người trong nhà ăn với nhau, nhiều khi ăn không hết thành thối ra. Đó là một điều sỉ nhục tệ hại... Có phải thịt những kẻ xấu thì tanh tưởi không?... Đi cũng được dạy, ngồi cũng được dạy, và bắn cho trúng cũng được dạy một cách cẩn thận... Một người dáng loạng choạng đang băng qua ngã tư, khoa chân múa tay, bóng nắng chập chờn vây quanh, nếu bây giờ trong tay tôi có một khẩu súng tôi sẽ thử xem tôi có còn là một tay thiện xạ nữa không... Người đàn ông già, quần áo bẩn thỉu nhàu nhọ, đầu tóc dài bù sù, chân đi đất, mặt nhìn xuống nói lầm bầm từ xa, giọng có lúc vang lên, người đó tiến dần tới phía Quảng ngồi, người đó đi đường nhựa,

nhiều xe phải tự chậm lại để tránh đâm phải, người đó đi một cách thân nhiên tưởng như chung quanh không có một người nào hết, có lúc người đó đi vòng ra đến tận giữa đường... Có lúc người đó dừng lại giữa đường ngàng mặt lên trời khua tay, nói lớn, người đó đã đến trước mặt Quảng, một giọng nói lè nhè :

—... Các người sẽ phải chết, phải rồi, thuở ấy sâu bọ lên làm người, thuở ấy sâu bọ lên làm người, thuở ấy quỷ Sa-tăng đều bị bệnh lậu hoặc đau thận... ha ha ha ha... Làm vua hử, kẻ anh hùng như ta đây lại thêm làm vua sao... Đức Thánh Trần đã dạy rằng : kẻ làm ác phải chết thảm..

Người đàn ông đứng dừng lại đưa mắt nhìn quanh, chỉ tay ra giữa đường như chỉ vào mặt một người nào đó, dáng người đó chừng như muốn đồ, hai chân cong đi ngất ngưỡng...

— Nhà người có nghe không, nhà người có nghe không, không nghe hử, pheng, chặt đứt cái đầu — người đàn ông lấy tay chặt ngang trong không khí, người lạng sang một bên — mây có là Phạm Nhan cũng không ăn thua gì, gươm thiêng của Ngài đâu cho mây mọc thêm đầu, mọc thêm cu thì được... nhưng mây mọc được bao nhiêu cu, còn lâu con ạ, con phải biết, sổ thiên đình ghi rõ rồi. Ngó cái gì... Bọn mây phải biết...

(Còn tiếp)

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

SẮP PHÁT HÀNH

Gót chân huyền ảo

thi phẩm của

PHỤNG-THIÊN và nữ sĩ P.T. CA HÁT

*một tập thơ tình
cho tuổi trẻ mộng mơ*

tin văn... văn

• NGOÀI NƯỚC

Văn nghệ S.O.S.

Tại Tiệp-khắc, mật vụ Nga cải trang làm nhân viên cứu thương, đón đường bắt cóc các văn nghệ sĩ. Giáo sư Adolf Roffmeister, chủ tịch Trung-tâm Văn-Bút Tiệp là một nạn nhân. Nhiều nhà văn tên tuổi khác đã bị bắt. Một số lo đào tẩu ra ngoại quốc để tỵ nạn.

Ký giả và văn nhân Tiệp đã nhất tề ủng hộ chính sách tự do của Dubcek, chống lại cuộc xâm lăng Nga-xô ; họ đã cộng tác chặt chẽ với các đài phát thanh bí mật dựng lên khắp nước Tiệp, và trên báo chí họ công khai phản đối kẻ chiếm đóng, bất chấp uy vũ. Mật-vụ Nga quyết định trừng phạt thái độ ấy.

Hội Văn-Bút Quốc-tế lên tiếng kêu gọi 72 chi hội trên khắp hoàn cầu bênh vực các đồng-nghiep ở Tiệp. Và ngày 31 tháng 8 vừa qua, hưởng ứng lời kêu gọi trên, Trung-tâm Văn-Bút Việt-Nam cũng đã điện cho ông David Carver, tổng thư ký Văn-Bút Quốc-tế ở London, yêu cầu can thiệp cho các nhà văn Tiệp.

Việc quân Nga kéo vào chiếm đóng Tiệp-khắc đã làm cho các văn nghệ sĩ chân chính người Nga vô cùng bối rối. Người đầu tiên lên tiếng là thi sĩ Yevgeni Yevtushenko (xem Văn số 97) với một bài thơ khá can đảm đăng trên tờ *Ogonek*, nhan đề « Hồi hã là niềm bất hạnh của thế kỷ chúng ta ». Chúng tôi hy vọng sẽ có thể dịch và đăng bài thơ này trong một số tới...

Văn nghệ vào tòa Bạch-ốc

Sau khi đảng Dân-chủ và đảng Cộng-hòa đã chọn đủ hai cặp ứng cử viên Chánh, Phó Tổng-thống, một đảng thứ tư mới toanh

(vừa thành lập đầu năm nay) cũng đưa ra một cặp ứng cử viên định xông vào tòa Bạch-ố.

Điều đặc biệt là đảng này — đảng Hòa-bình và Tự-do — tin nhiệm vào văn nghệ hết mình. Họ đề cử cả hai ứng cử viên đều là văn nghệ sĩ. Ứng cử viên tổng thống được đề nghị là kịch sĩ da đen Dick Gregory. Ứng cử viên phó tổng thống là Vark Lane, tác giả một cuốn sách chỉ trích bản phúc trình Warren về vụ ám sát Kennedy.

Người ta còn nhớ trong cuộc bầu cử vào Thượng-nghị-viện Nhật mới rồi, Shintaro Ishihara, tác giả *Một mùa dưới nắng* mà Văn đã giới thiệu trong số 57 ra ngày 1/5/1966, cùng một nhà sư tiểu thuyết gia khác, cả hai đều đắc cử vào hạng cao phiếu nhất nước.

Chính khách làm ăn thế nào mà rồi xem chừng quần chúng lại có vẻ chán chính khách, đòi tin cậy vào văn nghệ sĩ. Tin văn nghệ mà giao vận nước cho văn nghệ, lỡ khi cao hứng e nguy chẳng.

Nhà văn và dân chủ

Hội Théâtre of Ideas ở New York vừa tổ chức một cuộc thảo luận về chính trị giữa ba tác giả. Cuộc thảo luận được dự luận Hoa-kỳ và cả Âu-châu chú ý.

Đề tài là « Bản chất và tương lai của dân chủ ». Hội thảo gia là giáo sư Herbert Marcuse, gần đây nổi tiếng như phao trong giới trẻ Âu-châu; là Norman Mailer, tiểu thuyết gia, và Arthur Schlesinger, sử gia.

Hoa-kỳ đang băn khoăn về chế độ dân chủ của họ. Trong hai trăm năm vừa qua, họ chưa gặp cuộc khủng hoảng nào đe dọa trầm trọng đến nền tảng chế độ của họ như trong đôi ba năm gần đây. Vì thế những khối óc lớn nhất nước, xúm nhau vào suy nghĩ.

Khoa học gia và dân chủ

Hồi gần đây có cái hiện tượng ngược đời và lý thú, là những tác phẩm có bản sắc mạnh mẽ, độc đáo, xuất sắc nhất của

Hoa-kỳ là một bổ túc cần thiết cho Nga-xô về phương diện phát triển văn hóa.

A. Soljenitsyne là nhà văn thượng thặng của Nga, sau cuốn *Một ngày của Ivan Denissovitch* bị treo bút, vì vậy tác phẩm sau này của ông tìm đường sang Mỹ. Hiện thời cuốn *Le premier cercle* của ông đang gây sôi nổi ở Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Ý... Người ta đồn rằng đó là cuốn tiểu thuyết lớn lao bề thế nhất của văn nghệ Nga-xô hiện đại.

Một bản tham luận giạt gân của khoa học gia Andrei Dimi-triyevitch Sakharov cũng lại vừa ra mắt lần đầu tiên trên tờ *New York Time*.

Sakharov là nhà bác học nguyên tử, hội viên Hàn-lâm-viện khoa-học Nga-xô.

Bài báo của ông ở Nga chỉ được truyền tay trong giới trí thức gây dư luận ngàm. Trong bài ấy ông liệt chế độ xô-viết nước ông ngang hàng với chế độ phát-xít của... Hitler, và Hitler ngang hàng với Mao Trạch Đông!

Văn chương và tinh thần quốc gia

Khi Leon Uris viết *Exodus* thì độc giả Pháp hoan nghênh kịch liệt. Pháp cũng thương cho thân phận những người Do-thái lang thang như ai. Đến khi Do-thái hết lang thang thì nhà nước Pháp hết thương : De Gaulle bênh Ai-cập.

Leon Uris viết *Topaz*, đã lâu rồi không thấy tác phẩm có ảnh hưởng gì ở Pháp, trái lại chỉ lượm được năm ba bài chê bai của mấy nhà phê bình. Thế mà hết tháng nọ qua tháng kia, *Topaz* vẫn được xếp hạng cao trong hàng sách bán chạy ở Mỹ.

Topaz chê De Gaulle !

John Updike

John Updike viết đã nhiều : 185 truyện ngắn, 23 thi phẩm, 47 tiểu luận, 4 truyện dài. John Updike nổi tiếng cũng đủ : giới trí thức Hoa-kỳ ca ngợi, Âu-châu cũng dịch J. Updike khá nhiều. Tờ

Văn này cũng đã dành một số báo (số 65) để giới thiệu Updike với độc giả Việt-Nam.

Nhưng đến bây giờ nhà văn ấy mới gặp quần chúng.

Cuốn *Couples* của ông ta xuất bản được ba tuần lễ, bán được bảy-mươi nghìn (từ trước, sách của Updike chưa bao giờ được đại chúng thưởng thức). Một hãng phim xin trả nửa triệu Mỹ-kim để quay phim theo cốt truyện ấy. Tạp chí *Time* in hình John Updike lên bìa, làm « nhân vật của một tuần ».

Couples vẫn là chuyện đôi trai gái, vẫn một văn phong hơi lạnh lùng cách biệt.

Thế mà lần này thiên hạ lại ham.

John Galbraith

Ai nấy đều biết ông John Galbraith đại sứ Hoa-kỳ ở Ấn-độ, ông J. Galbraith cố vấn cho Kennedy, ông J. Galbraith kinh tế gia, tác giả *L'Ère de l'opulence*.

Hãy biết thêm một John Galbraith nữa, ngộ nghĩnh hơn : J. Galbraith tiểu thuyết gia. Ông ta xuất bản cuốn *The Triumph*, rồi gán cho nó nhiều danh hiệu lung tung xóc : nào là « tiểu thuyết về nền ngoại giao hiện đại », nào là « phi tiểu thuyết », nào là « phản tiểu thuyết ».

Đề tài là một cuộc thay đổi chính quyền ở Nam Mỹ. Giọng điệu hay cay cú khi đề cập tới đường lối ngoại giao Hoa-kỳ.

« Phản tiểu thuyết » và « phi tiểu thuyết » ấy giá trị ra sao, chưa có gì chắc chắn.

Chính trị và văn chương

Ký giả Russell Baker, nhân mùa tuyển cử ở Hoa-kỳ, cũng tưởng tượng một phát chơi. Ông ta tưởng tượng Nixon được đảng Cộng-hòa đề cử ra tranh chức tổng thống (sách của ông ra đời trước đại hội đảng Cộng-hòa). Ông ta lại tưởng tượng Johnson liên minh với Kennedy. Ông ta lại tưởng tượng đến bà cụ già Kennedy phải thế này thế nọ trước các tin tức tranh cử v.v...

Có điều tưởng tượng của Baker được thực tế xác nhận, có điều bị cải chính như chúng ta đã thấy. Tuy nhiên, *Our next president* vui vui và được chú ý.

Khi ông Allen Dulles cầm bút

Một ông giám đốc cơ quan tình báo mà viết chuyện gián điệp thì thật là... người nào việc ấy, đúng chỗ quá. Nhất là xếp cơ quan tình báo một nước lớn như Hoa-kỳ.

Ông Allen Dulles không viết chuyện bịa, vì những chuyện *thật mà ông biết còn ly kỳ hơn chuyện bịa*. Cho nên *Les secrets* chiến rất được hoan nghênh.

Thừa thắng, ông ta tung bút đề tựa cuốn *Great True Spy Stories*, gồm những truyện rùng rợn, quái dị hết cỡ...

● TRONG NƯỚC

Tin thêm về giải Magsaysay

Sau những ngày lưu tại Phi-luật-tân để nhận giải Magsaysay 1968 về văn chương và báo chí, ông Tôn Thất Thiện, Tổng-trưởng Thông-tin, đã về tới Sài-gòn.

Tại phòng khách danh dự của phi cảng Tân-sơn-nhất, ông Tổng-trưởng đã trả lời một số câu hỏi của báo chí.

Đáp câu hỏi về việc một số sinh viên và ký giả Phi đã phản đối việc trao giải thưởng Magsaysay, ông cho biết có bốn nhà báo Phi đã được chính phủ Hà-nội mời đi thăm Bắc Việt trước đây, thêm vào đó có ba người Việt-Nam được đề nghị lãnh giải, trong đó có hai người của Bắc-Việt và một người của miền Nam chính là ông. Do đó việc chống đối của những người Phi kia là điều dễ hiểu.

Ngay sau khi về tới Sài-gòn, ông Tôn Thất Thiện đã cửu xét và rút lại lệnh tạm đình bản ba tờ nhật báo *Đồng Nai*, *Sài-gòn Post* và *Sài-gòn Mới* (ban hành trong khi ông ở Phi-luật-tân). Kể từ thứ hai, 9/9/1968, ba tờ nhật báo trên đã được tục bản.

Việc làm trên của ông Tôn Thất Thiện đã làm sáng tỏ thêm ý nghĩa của giải thưởng Magsaysay vậy.

Những hoạt động về hội họa

Hai cây cọ trẻ tuổi Lữ Thê và Ly Ba đã cho trưng bày hơn bốn chục bức tranh sơn dầu tại trụ sở Hội Họa-sĩ Trẻ Việt-Nam, từ 24/8/1968 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 1968.

Tại hội quán Pháp-văn đồng-minh-hội, đường Gia Long, Sài-gòn, họa sĩ Nguyễn Hê đã cho trưng bày khoảng ba chục bức tranh sơn dầu. Phòng tranh này đóng cửa ngày 8/9/1968.

Cũng tại Pháp-văn đồng-minh-hội, nữ họa Phạm Thị Thuận sẽ cho trưng bày tranh từ 10 đến 19 tháng 9 năm 1968.

Nhà thơ, chiến tranh và tác phẩm

Nhà thơ Luân-Hoán bị thương. Khi lâm trận.

Nằm trên giường bệnh, Luân-Hoán mới có dịp lo cho ấn hành tập thơ thứ năm của anh, nhan *Viên đạn cho người yêu dấu*, một tập thơ của lính bộ binh viết về lính bộ binh, chiến trận, tình yêu và quê hương.

Cùng lúc, Luân-Hoán còn cho in chung với Khắc-Minh một tập thơ khác, nhan *Thơ Tình*.

Cả hai tập đều do Nghiêu-Đề vẽ hình bìa và trình bày, và sẽ được phát hành khoảng hạ tuần tháng 9, vào lúc Luân-Hoán lại trở lại đơn vị chiến đấu...

Chung quanh một bài cậỵ đăng

Trong Văn số 111, chúng tôi đã cho đăng một bài cậỵ đăng của bạn Thái Ngọc San lên tiếng than phiền về việc thơ ông « bị hãm hiếp ».

Tiếp theo đó, trong số 112, chúng tôi đã cho đăng tiếp bài trả lời của một người trong cuộc, bạn Huy-Tướng.

Mời đây, có một số bạn thơ ngoài Huế vô chơi, ngổ ý muốn lên tiếng vì — theo lời các bạn đó — bạn Huy-Tướng đã « nói

không đúng ». Tuy nhiên, vì muốn tránh sự đôi co làm tổn trang báo, và phần khác, nếu cứ xét về lý thì bạn Thái Ngọc San hơi « đuối », bởi lẽ bài của bạn chưa đăng ở đâu nên cũng khó mà kết tội người khác là chép văn của bạn. Vấn đề, do đó, chỉ nên thu xếp với nhau bằng tình thì tốt đẹp hơn. Máy bạn thơ ngoài Huế cũng đã đồng ý với tòa soạn Văn về điểm đó.

Phần khác, chúng tôi cũng có nhận được một bài cạy đăng của cô (?) Thái-thị Ngọc-Liên. Xét vì nội dung bài này có tính cách « chửi bới » nhiều hơn là minh xác, nên chúng tôi rất tiếc không thể cho đăng. Tuy nhiên, chúng tôi mong bạn Thái Ngọc San thông báo cho tòa soạn Văn biết địa chỉ của bạn, để chúng tôi chuyển theo bài của cô (?) Thái-thị Ngọc-Liên.

Chúng tôi xin chấm dứt vụ này nơi đây, và ước mong các bạn trong cuộc sẽ liên lạc với nhau, tìm cách dàn xếp cho ổn thỏa, trong tinh thần hòa hài của những người mến yêu văn nghệ...

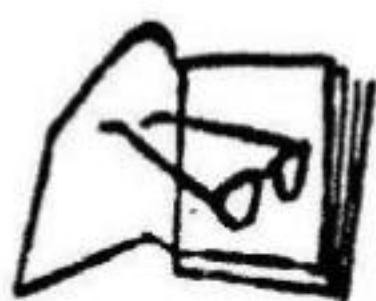
THU-TRUNG và các bạn

Quý vị phụ huynh có thể cho con em đọc tác phẩm có trong danh sách được Bộ Giáo-dục chọn dịch :

TÂM CẢNH

truyện André MAUROIS
bản Việt-văn : MẶC-ĐỒ
GIAO-ĐIỂM tái-bản

Sách in lại lần thứ hai, thể theo yêu cầu của độc giả, dày 360 trang



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

★ VIỆT VĂN BÌNH GIẢNG, Bàng Bá Lân, Xây Dựng xuất bản. Sách dày 600 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Sách giảng văn, chương trình đệ lục và đệ nhị, trung học. Phương pháp mới dễ hiểu, tài liệu phong phú chính xác, có thêm phần bài tập hướng dẫn rất cần ích cho những người tự học để đi thi trung học.

● NHƯ CỎ NHƯ CÂY, Minh-Hân Khai Phá xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày chừng ba chục trang, khổ nhỏ, không ghi giá bán.

Thi phẩm thứ ba của Minh-Hân gồm khoảng hơn mười bài thơ.

★ NHIỆM VỤ CỦA CHÁNH THẨM TÒA HÌNH, Nguyễn Văn Lượng, Lê Tài Triền và Trần Thúc Linh. Nhóm Nghiên-cứu và Dự hoạch xuất bản. Sách dày 346 trang, giá 200 đồng.

Tài liệu tham khảo thiết thực và đầy đủ giúp ích rất nhiều cho quý vị thẩm phán mới vào nghề, nhất là quý vị không am tường ngoại ngữ...

● VÒNG TAY HỌC TRÒ, Nguyễn Thị Hoàng, Hoàng Đông-Phương tái bản. Sách dày 408 trang, giá 180 đồng.

Sách in lần thứ ba. Bìa Trịnh Cung. Sách bán chạy.

Vòng tay học trò là tác phẩm hấp dẫn nhất, nổi tiếng nhất của Nguyễn-thị Hoàng.

THƯ ĐI *Bấm lại*

★ Một độc-giả ở Sài-gòn.

Quách Thoại có một thi phẩm nhan Giữa lòng cuộc đời do Văn-nghệ xuất bản. Ông có thể biên thư hỏi nhà văn Dương Nghiễm Mậu, do tòa soạn Văn chuyển giao.

● Trần Chi Lung, Sài-gòn.

1) Bài lai cáo không giới hạn số trang. 2) Nếu không muốn gửi bưu điện, bạn có thể mang thẳng lời tòa soạn. 3) Hỏi ông Gia-Tuấn.

★ ông Lê Văn Chi, Vĩnh-Long.

1) Việt-ngữ chánh-tả tự-vị của Lê Ngọc-Trụ Thanh-Tâm xuất bản. 2) Larousse. 3) Chứng khoán, dt. Giấy tờ chứng nhận, làm bằng cứ cho một quyền, một giá trị gì. Titre. Xt. Thị trường chứng khoán. (theo VN từ điển của Thanh-Nghị) Câu hỏi này của bạn không thuộc lãnh vực văn học nên chúng tôi không tiện trả lời « một cách rộng rãi ».

● Hoàng-nguyên Hoài-Phong,
Qui-nhơn.

Chắc bạn cũng rõ các thi sĩ
thường nghèo, nên rất eo hẹp thì
giờ không thể bút đàm với độc giả.
Mong ông thông cảm mà lượng thứ.

★ Lê Miên Tùng, Huế.

Hãy bỏ định kiến cũ. Và bình
tĩnh đọc lại bài của Mai-Thảo đăng
dần tập Dòng sông rực rỡ, Văn-
Uyên số 3, sẽ rút tỉa được nhiều
điều có ích.

● Vương M. Thiện, Bình-đại.

Đó là ngày thứ bảy, 11 tháng 9
năm Canh Dần.

★ ông Nguyễn Trịnh Khiết,
Đà-nẵng.

1) Muốn mua Đường vào Tỉnh
sử có thể biên thư hỏi nhà sách
Khai-Tri, số 60 Lê Lợi, Sài-gòn.

2) Mè hồn ca, Nguyệt-san Văn-Uyên
số 4 tháng 8 năm 1968.

● ông Nguyễn Văn Trung,
KBC 4061.

Xin chân thành cảm tạ mỹ ý của
ông. Chúng tôi không cần dùng tài
liệu nói trong thư 28/8.

★ ông Phạm Phan (?)

Ông không cho địa chỉ thì làm
sao chúng tôi phát hoàn bản thảo
cho ông được?

NHẮN TIN RIÊNG

★ Nguyễn Tịnh Đông, Đynh An,
Nguyễn Thái.

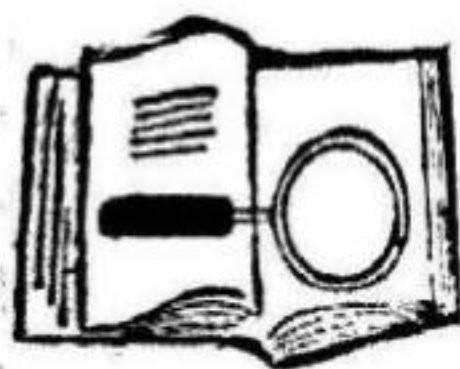
Tôi đã dời về Nha-trang. Xin liên
lạc KBC 4398. (Hoài Tuyết Trang)

● Hoàng Trúc Ly, Sài-gòn.

Xin mời ghé báo quán nhận
thư thân hữu.

★ Thái-thị Ngọc Liên. Đà-nẵng.

Đã nhận thư thứ hai. Xin xem
Tin văn văn cùng số này.



BÀI LAI CẢO ĐÃ CHỌN

Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm VĂN
đã chọn những bài lai cảo sau
đây và giao cho Tòa-soạn lựa
đăng dần :

VĂN : Trần Doãn Nho, Ngày
tháng cấn. Trương Cương Thanh,
Nhìn yên lặng.

THƠ : Trần Dza Lữ, Bài cho
người tình sầu cổ xir. Hoài Tuyết
Trang, Cõi người. Yên Ngàn
(Berlin), Dòng suối tương tư. Khê
Kinh Kha (Michigan), Thư cho bé.

Trong khi chờ đợi VĂN đăng
tải, yêu cầu quý bạn đừng gửi
những bài kể trên cho các báo
khác. Chân thành cảm tạ.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

★ Văn

Quý bạn: Tôn Thất Hy. Hồng Vân
(fh). Tuyết Vân (fh). Bùi Thế Lợi.
Thạch Miên. Kha Thy Toàn (fh).

Nguyễn Hoài Vọng (fh). T-K-T (3/gl).
N-C-K (gl) Tôn Tích Đức. C-N-V
(fh). Đặng Cẩm. Kym Ngym (fh).

● Thơ

Qui bạn : Xuân Nha. Thi-vũ
Hà-như. Trần-thi Bất-mãn. Thiên
Vĩ. Phạm Mặc Dung. Trần Trầm Mi.
Tô Tố Linh. Diêu Tố Hà. Từ Nguyên
Thủy. Võ Phi Hùng (3). Võ Ngọc
Thanh. Thứ Lang. Hoàng Ca. Hoàng-
nguyễn Hoài-Phong. Liên Kim
Sương. Thụy Uyên. Tuan xuyen.
Đoan Hùng. Người tóc dài. Cung
Diễm Hương. Ng-Thúc Mãn (2).
Minh Đỗ Ngọc. Lưu Trọng Nghiệp.
Vương Dân (fh). Trần Tử Giang.
Hà Nguyên Vũ (fh). Lê Miên Tường.
Nguyễn Văn Đức. Vươn Kề Từ (2).
Viêm Tịnh. Đỗ Văn. Mặc Linh. Dạ-
triều Lê Phú Khương. Trương Văn
Thịnh. Kiều Phượng Thu. Hoài-thi
Yên-thi. Phạm Phan (2/gl). Phạm
Ngũ Hồ. Thanh Huỳnh. Hoài-nhã

Liên-văn. Mặc Huyền Thương. Hà
Trúc Phương. Hương Sơn (fh).
Thu Ngân Phương. Châu Hoa Vân.
Trương Thanh Thủy. Thái Nguyên
Yên. Nguyễn Văn Thúc. N-Linh-Vũ.
Hoàng Minh Quân. Phạm-thế
Nguyên-thủy. Nguyễn Kim Quyên.
Tứ Huy Vũ. Chu Vương Tự. Lộc
Vũ. Nguyễn Đức Lễ. Huỳnh Quốc
Văn (fh). Võ Thụy Phương. Vũ
Trang Duyên. Mộng Lâm. Mây
Chiều. Phạm Vĩnh Xuân (2).
Nguyễn Phong. Phạm Ngũ Yên.
Nguyễn Nho Nhượn (2). Nguyễn
Sinh Từ. Thụy Hoàng. Hoàng (gl).
C-T-N-M. L-C (fh). H-H-T. Đ-H-S
(gl). H-T-II (fh).

— Ban tuyên đọc tác phẩm của
VĂN đã đọc những tác phẩm của
quý bạn và rất tiếc không thể chọn
đăng. Xin chân thành cảm ơn và
mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN
những tác phẩm khác.

THÁI-ĐỘ sẽ phát hành cuối tháng 9

LỘT XÁC

truyện dài DUY-LAM

Một giai đoạn lịch sử hỗn loạn nhất
trong một tác phẩm dữ dội và tàn nhẫn nhất.

ĐÓN ĐỌC 2 THI PHẨM ĐANG LÊN KHUÔN

1. VIÊN ĐẠN CHO NGƯỜI YÊU DẤU

thơ của lính BB viết về lính BB chiến trận —
tình yêu — quê hương.
thi phẩm thứ 5 của luân hoán.

2. THƠ TÌNH

gồm những nụ tình yêu nồng nàn của những người
đang mặc áo màu ô-liu.
thơ khắc mình và luân hoán.
hình bìa và trình bày : nghiên đề
phát hành hạ tuần tháng 9-68.

sách GIAO-ĐIỂM

chỉ còn một số rất ít :

- CÁT LẦY

truyện THANH-TÂM TUYỀN
180 trang. giá 110 đồng

- TUYỀN-TRUYỆN QUỐC-TẾ

bảy giải Văn-chương Nobel
Trần Phong-Giao và các bạn dịch
184 trang. 94 đồng

- NGÀY LẠ MẶT

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẬU
172 trang. giá 90 đồng

- CON CHIM TRỐN TUYẾT

truyện PAUL GALLICO
bản dịch Trần Phong-Giao và Hoàng Ưng
96 trang. giá 50 đồng

MÊ HỒN CA

tập thơ thứ nhất
ĐÌNH HÙNG

NGUYỆT - SAN VĂN - UYÊN

số 4 ● tháng 8-1968